

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HOÁ



TẬP BÀI GIẢNG
CHÍNH SÁCH VĂN HOÁ THẾ GIỚI

Thanh Hóa, 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HOÁ



TẬP BÀI GIẢNG
CHÍNH SÁCH VĂN HOÁ THẾ GIỚI

Giảng viên soạn : Ths. Lê Thị Hoà

Bộ môn: Quản lý văn hoá

Khoa: Văn hoá Thông tin

Thanh Hóa, 2021

MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
	MỞ ĐẦU	4
	Chương 1	
I	LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CHÍNH SÁCH VĂN HÓA TRÊN THẾ GIỚI	6
1.1.	Quá trình hình thành chính sách văn hóa qua các thời kỳ	6
1.2.	Quá trình hoàn thiện chính sách văn hóa	10
1.3.	Vai trò của một số nước tiên phong trong xây dựng chính sách văn hoá	11
1.4.	Tổng quan về mô hình chính sách văn hóa trên thế giới	14
	Chương 2	
II	MỘT SỐ MÔ HÌNH CHÍNH SÁCH VĂN HÓA TIÊU BIỂU Ở PHƯƠNG TÂY	26
2.1.	Mô hình chính sách “Người tạo điều kiện”	26
2.2.	Mô hình chính sách “Nhà bảo trợ”	32
2.3.	Mô hình chính sách “Kiến trúc sư”	39
2.4.	Mô hình chính sách “Kỹ sư”	44
	Chương 3	
III	MỘT SỐ MÔ HÌNH CHÍNH SÁCH VĂN HÓA TIÊU BIỂU Ở PHƯƠNG ĐÔNG	49
3.1.	Mô hình chính sách văn hóa Trung Quốc	49
3.2.	Mô hình chính sách văn hóa Hàn Quốc	54
3.3.	Mô hình chính sách văn hóa Nhật Bản	59
	Chương 4	
IV	XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CHÍNH SÁCH VĂN HÓA THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM	64
4.1.	Xu hướng phát triển của chính sách văn hóa thế giới	64
4.2.	Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam	77
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	84
	PHỤ LỤC	86

Chính sách văn hóa là một trong những chính sách quan trọng bên cạnh chính sách kinh tế- xã hội, chính sách quốc phòng an ninh để tạo nên một hệ thống công cụ định hướng và quản lý của nhà nước. Đối với lĩnh vực quản lý văn hoá, chính sách văn hoá là một trong những nội dung quan trọng, đặt nền tảng pháp lý cho các hoạt động quản lý nhà nước về văn hoá.

Nội dung học phần cung cấp cho người học những kiến thức về hệ thống chính sách văn hóa trên thế giới, từ lịch sử hình thành chính sách văn hóa trên thế giới qua các giai đoạn lịch sử từ thời kỳ phong kiến cho đến thời hiện đại. Học phần cung cấp các kiến thức về mô hình chính sách văn hóa tiêu biểu trên thế giới. Để người học có cái nhìn tổng quan về hệ thống chính sách văn hóa thế giới phần nội dung chính sẽ tìm hiểu chính sách văn hóa của một số quốc gia tiêu biểu trải dài từ phương Tây đến phương Đông. Học phần còn tìm hiểu xu hướng phát triển của chính sách văn hóa thế giới dưới tác động của hoàn cảnh lịch sử ngày nay từ đó có những bài học kinh nghiệm cho quá trình xây dựng, hoàn thiện và thực hiện chính sách văn hóa ở Việt Nam.

Mục tiêu kiến thức:

- Giúp sinh viên nắm được các kiến thức về quá trình hình thành của chính sách văn hóa thế giới
- Hiểu được chính sách văn hóa trong một số mô hình chính sách văn hóa tiêu biểu trên thế giới
- Nắm được xu hướng phát triển của chính sách văn hóa thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện chính sách văn hóa của mình

Kỹ năng:

- Giúp người học có những kỹ năng trong việc phân tích chính sách văn hóa và quá trình vận hành chính sách văn hóa trong thực tiễn

Cấu trúc của học phần được chia làm 4 chương:

Chương 1: Lịch sử hình thành chính sách văn hoá trên thế giới

Chương này sẽ giới thiệu và phân tích về quá trình hình thành chính sách văn hoá trên thế giới qua các thời kỳ lịch sử cũng như quá trình hoàn thiện chính sách văn hoá hiện đại. Nội dung của chương 1 còn đề cập đến các nội dung liên

quan đến mô hình chính sách văn hoá như: khái niệm, cơ sở hình thành và các cách phân loại chính sách văn hoá đang được công nhận hiện nay.

Chương 2: Một số mô hình chính sách văn hoá tiêu biểu ở phương Tây

Các mô hình chính sách văn hóa “Người tạo điều kiện”, “Nhà bảo trợ”, “Kiến trúc sư” và “Kỹ sư” sẽ được nghiên cứu, tìm hiểu với các nội dung chi tiết như: vai trò quản lý của Nhà nước, kế hoạch chiến lược cho phát triển văn hóa, cơ chế tài trợ cho nghệ thuật và địa vị xã hội của nghệ sỹ, hệ thống tổ chức để xây dựng, thực thi chính sách văn hóa và các vấn đề khác. Mỗi mô hình đều được minh họa bằng chính sách văn hóa cụ thể của một số nước trên thế giới như: Mỹ, Anh, Pháp, Liên Xô (cũ).

Chương 3: Một số mô hình chính sách văn hoá tiêu biểu ở phương Đông

Chương này trình bày về mô hình chính sách văn hoá của các nước nằm ở khu vực châu Á: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản là những quốc gia không chỉ gần gũi về mặt vị trí địa lý mà còn có sự gần gũi về văn hoá đối với Việt Nam. Qua nghiên cứu các mô hình chính sách này sẽ đem lại cho Việt Nam nhiều bài học quý giá trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách văn hoá hiện nay.

Chương 4: Xu hướng phát triển của chính sách văn hoá thế giới và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Chương này trình bày về nội dung xu hướng phát triển của chính sách văn hoá thế giới dưới sự tác động của bối cảnh, tình hình thế giới mới và các bài học kinh nghiệm quý giá mà Việt Nam học hỏi được từ các nước nhằm mục tiêu phát triển nền văn hoá quốc gia.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CHÍNH SÁCH VĂN HÓA TRÊN THẾ GIỚI

1.1. Quá trình hình thành chính sách văn hóa qua các thời kỳ

1.1.1. Thời kỳ phong kiến

**Tại khu vực Châu Âu:*

Từ thế kỉ V- IX là thời kì xác lập của chế độ phong kiến ở Tây Âu, sự ra đời của chế độ phong kiến ở Tây Âu được hình thành trên cơ sở đổ nát của chế độ chiếm hữu nô lệ Rôma và sự giải thể của chế độ thị tộc của người Gecmanh. Sự ra đời của quan hệ sản xuất phong kiến gắn liền với sự hình thành hai giai cấp cơ bản của xã hội phong kiến đó là giai cấp lãnh chúa và giai cấp nông nô. Muốn có hai giai cấp này phải trải qua một quá trình phong kiến hóa, đó là quá trình ruộng đất vào trong tay một số người để biến thành lãnh chúa phong kiến và đồng thời với quá trình trên là quá trình người nông dân tự do bị tước đoạt mất ruộng đất cùng với các tầng lớp nhân dân khác biến thành nông nô.

Đặc điểm lớn nhất của chế độ phong kiến ở châu Âu là tình trạng tồn tại các lãnh địa dưới sự cai quản của các lãnh chúa. Mỗi lãnh địa sẽ là một đơn vị chính trị độc lập, mỗi lãnh chúa nắm quyền về chính trị, tài chính, quân đội, thuế khóa riêng,... không ai được can thiệp vào lãnh địa của từng lãnh chúa. Vua tuy là người đứng đầu đất nước nhưng lại không có quyền hành tập trung. Chính vì vậy, chế độ phong kiến tại châu Âu được gọi là chế độ phong kiến phân quyền.

Các lãnh chúa phong kiến và tầng lớp tăng lữ có vai trò quan trọng trong việc hình thành các chính sách văn hóa riêng cho vùng lãnh thổ của mình. Họ đóng 2 vai trò: tầng lớp lãnh đạo xã hội, trong đó có việc đưa ra các định hướng phát triển văn hóa; và tài trợ, bảo trợ cho các nghệ sĩ, mua và hình thành các bộ sưu tập nghệ thuật.

Sau này, khi Nhà nước trung ương tập quyền hình thành ở một số quốc gia thì vai trò của triều đình có một vị trí quan trọng. Các chính sách của triều đình thể hiện rõ trong định hướng tự do sáng tạo, kiểm duyệt, hỗ trợ các hoạt động nghệ thuật, tổ chức một số sự kiện hoạt động văn hóa nghệ thuật lớn.

Do chính sách văn hoá của các triều đại phong kiến châu Âu đã tạo nên nhiều thành tựu văn hoá rất nổi bật nhất là các thành tựu về kiến trúc. Những công trình kiến trúc phong phú và đồ sộ là một trong những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên nét độc đáo cho văn hóa Châu Âu. Những công trình kiến trúc

được tạo ra từ nhiều nguồn cảm hứng khác nhau, vì thế không có gì ngạc nhiên khi Châu Âu đã tạo ra cho mình một phong cách kiến trúc rất riêng và không thể nào nhầm lẫn với những nơi khác trên thế giới.

Những phong cách kiến trúc đặc trưng ở Châu Âu như Roman, Byzantine, Phục Hưng, Gothic đã tạo nên những công trình của thời đại và được UNESCO công nhận. Những kiến trúc tuy có vẻ đẹp riêng biệt nhưng lại đan xen, hòa quyện cùng với nhau và tạo nên một bức tranh Châu Âu rực rỡ, đầy màu sắc.

**Tại khu vực châu Á:*

Các nhà nước phong kiến tập quyền như Trung Quốc là một ví dụ, đóng cả 2 vai trò là người đưa ra các định hướng phát triển và bảo trợ văn hóa như ở châu Âu. Thêm nữa, do Trung Quốc quá rộng lớn về mặt diện tích và có truyền thống trọng họ tộc nên vai trò của cấp tỉnh và họ tộc cũng có những ảnh hưởng đến chính sách văn hóa quốc gia, đặc biệt ở phương diện bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng.

Tại châu Á, các triều đình phong kiến tuy không có chính sách văn hóa chính thức nhưng qua các chỉ dụ của nhà vua, qua mô hình văn hóa triều đình mà định hình nên văn hóa dân tộc - quốc gia, văn hóa bác học.

Việt Nam: Đặc biệt, vai trò của làng - xã trong phát triển văn hóa cộng đồng có một vị trí quan trọng tạo nên nền văn hóa dân gian. Do đó, chính sách văn hóa của thời kỳ này là góp phần vào sự độc lập, tự chủ của dân tộc trước một nền văn hóa lớn là Trung Quốc, xây dựng bản sắc văn hóa dân tộc riêng, xây dựng các thiết chế văn hóa phong kiến, các giá trị, chuẩn mực, khuôn mẫu văn hóa, các loại hình văn hóa nghệ thuật dân gian và bác học.

Đặc điểm chung của thời kỳ này là không có chính sách văn hóa chính thức theo ngôn ngữ hiện đại mà chỉ là các “mảnh vụn” được lắp ghép lại, nhưng chúng có vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng nền văn hóa của mỗi quốc gia.

1.1.2. Thời kỳ hình thành chủ nghĩa tư bản

Vào thời kỳ thế kỷ XV-XVI, chế độ phong kiến tại châu Âu dần suy tàn, thay vào đó là sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa với đặc điểm: Kinh tế hàng hóa tiền tệ phát triển, đẩy lùi kinh tế tự nhiên, các tổ chức kinh tế theo lối phong kiến được thay thế bằng các hình thức sản xuất mới theo lối tư bản chủ nghĩa, ví dụ: phường hội được thay thế bằng các công trường thủ công.

Quan hệ xã hội đã có sự thay đổi, quan hệ bóc lột là lãnh chúa đối với nông nô đã thay bằng quan hệ bóc lột giữa chủ và thợ. Hình thức bóc lột lao động làm thuê, bóc lột giá trị thặng dư thay cho hình thức bóc lột có tính chất cưỡng bức người nông nô. Công thức là chủ xuất vốn, thợ xuất sức.

Trong xã hội xuất hiện một giai cấp mới là giai cấp tư sản (một số thương nhân giàu có, một số chủ đất, một bộ phận thị dân giàu có). Bên cạnh những mâu thuẫn cũ trong xã hội, xuất hiện thêm những mâu thuẫn mới: Tư sản và phong kiến, tư sản và vô sản. Trong đó mâu thuẫn tư sản và vô sản mới nảy sinh, chưa sâu sắc. Còn mâu thuẫn giữa tư sản và phong kiến mới là mâu thuẫn cơ bản. Do đó, đấu tranh của tư sản chống phong kiến là động lực thúc đẩy xã hội phong kiến Tây Âu hậu kì, làm cho xã hội phong kiến tan rã nhanh hơn, mở đường cho sức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển.

Từ cuối thế kỉ XV, chế độ phong kiến trung ương tập quyền đã hình thành, tiếp tục phát triển thành nhà nước quân chủ chuyên chế (Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha). Bên cạnh vua vẫn có nghị viện, hội nghị 3 đẳng cấp như một cơ quan tư vấn giúp nhà vua cai trị. Nhà nước quân chủ chuyên chế thời kì này có sự liên minh giữa tư sản và phong kiến. Chính quyền phong kiến khuyến khích tư sản kinh doanh phát triển kinh tế nhưng trong khuôn khổ của chế độ phong kiến.

Về văn hóa: thời kì này diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt về văn hóa tư tưởng giữa giai cấp tư sản và phong kiến, được biểu hiện qua các phong trào Văn hóa Phục hưng. Giai cấp tư sản vừa mới ra đời muốn xây dựng một nền văn hoá mới, tiếp nối, phát triển những giá trị văn hoá từ trong quá khứ. Chính trong thời điểm đó, những trí thức, những nghệ sĩ của giai cấp tư sản đã bắt gặp những giá trị của nền văn hoá Hy Lạp – La Mã rực rỡ cổ xưa, ở đó họ tìm thấy những giá trị đích thực mà thời đại họ cần. Từ đó, bắt đầu một trào lưu nghiên cứu, tìm hiểu, giới thiệu, dịch thuật những tác phẩm văn học Hy Lạp, khôi phục lại những giá trị đích thực của văn hoá Hy Lạp – La Mã. Do đó, phong trào “Văn hoá Phục hưng” đã ra đời trên cơ sở phục hưng những giá trị của văn hoá Hy - La.

Thời kỳ Phục Hưng đã mang lại cho văn hóa một luồng sinh khí mới, với sự ra đời của tầng lớp trí thức như một lực lượng xã hội góp phần hình thành chính sách văn hóa thời kỳ này. Tinh thần dân chủ, tôn trọng chân lý khoa học, khuyến khích tự do sáng tạo nghệ thuật đã là những hạt nhân chính của chính

sách văn hóa thời kỳ này, tạo nên những bước đột phá lớn lao của văn hóa thời kỳ Phục Hưng.

1.1.3. Thời kỳ chủ nghĩa tư bản thế kỷ XVIII-XIX

Đây là giai đoạn chủ nghĩa tư bản ở châu Âu phát triển cực thịnh và đã xác lập hoàn toàn một nền quan hệ sản xuất mới tấn công vào chủ nghĩa phong kiến lỗi thời, các cuộc cách mạng tư sản liên tiếp nổ ra với nhiều cuộc cách mạng điển hình như cách mạng tư sản Hà Lan, cách mạng tư sản Anh, Pháp, Mỹ... đã đưa chủ nghĩa tư bản chiếm lĩnh vũ đài chính trị tại châu Âu, hình thái chính trị của “nhà nước tư bản chủ nghĩa” dần dần chiếm ưu thế hoàn toàn tại châu Âu và loại bỏ dần hình thái nhà nước của chế độ phong kiến, quý tộc. Và sau này hình thái chính trị – kinh tế – xã hội tư bản chủ nghĩa lan ra khắp châu Âu và thế giới.

Đặc biệt, ở giai đoạn này còn diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp lần đầu tiên trên thế giới (cuối thế kỉ XVIII-1914), là cuộc cách mạng trong lĩnh vực sản xuất, tạo bước chuyển biến quyết định từ nền sản xuất nhỏ, giản đơn dựa trên lao động thủ công sang một nền sản xuất lớn dựa trên máy móc.

Giai cấp tư sản thông qua vị trí kinh tế của mình đã góp phần vào việc thúc đẩy văn hóa thời kỳ này phát triển lên một bước mới. Vẫn chưa có một chính sách văn hóa chính thức của nhà nước song vai trò của nhà nước đã được ý thức rõ hơn trong việc phát triển nền văn hóa, đặc biệt là trong việc phát triển cơ sở hạ tầng cho nghệ thuật, phát triển các loại hình nghệ thuật tiêu biểu, phát triển tinh thần tự do sáng tạo trong nghệ thuật.

1.1.4. Thời kỳ sau chiến tranh thế giới lần 2

Chiến tranh thế giới lần 2 là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử của loài người (hơn 70 quốc gia với 1700 triệu người đã bị lôi vào vòng chiến, khoảng 60 triệu người chết, 90 triệu người bị tàn phế, thiệt hại vật chất gấp 10 lần so với thế chiến 1 và bằng tất cả các cuộc chiến tranh trong 1000 năm trước đó cộng lại). Cuộc chiến này kết thúc dẫn đến những biến đổi căn bản trong tình hình thế giới. Chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc đụng đầu và sự thử thách quyết liệt , toàn diện giữa hai thế lực tiến bộ và phản động trên phạm vi toàn thế giới , mở ra một thời kì mới trong lịch sử thế giới hiện đại.

Sau Thế chiến II, chính sách văn hóa được coi là một bộ phận cấu thành nên chính sách chung của nhà nước và từ đây, khái niệm chính sách văn hóa theo nghĩa là một đường lối phát triển của Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa mới được ra đời, thông qua các can thiệp từ trên xuống, gián tiếp hay trực tiếp tác động vào đời sống văn hóa.

1.2. Quá trình hoàn thiện chính sách văn hóa

1.2.1. Chính sách văn hóa của các nước tư bản chủ nghĩa

Thời kỳ Chiến tranh Lạnh với sự phân chia 2 khối đối lập nhau, với 2 chính sách văn hóa khác nhau. Ở Mỹ, châu Âu và một số nước theo mô hình tư bản chủ nghĩa, chính sách văn hóa tồn tại ở cả nhà nước trung ương, với vai trò định hướng phát triển vĩ mô và vai trò của vùng, địa phương trong xây dựng đời sống văn hóa. Có các nước có chính sách chính thức (Anh, Pháp), có nước không có chính sách chính thức (Mỹ), song đều có một quan điểm chung là văn hóa cần được phát triển trong bầu không khí tự do sáng tạo, dân chủ và có vai trò của thị trường trong sự phát triển cá nhân và xã hội dân sự. Mô hình hành chính ở các nước này là rất khác nhau, có nước theo mô hình có vai trò mạnh của nhà nước trung ương (Pháp), có nước phân quyền cho các bang (Mỹ, Đức, Áo); song nhìn chung, quá trình xây dựng chính sách, triển khai và đánh giá chính sách đều được tiến hành theo một quy trình khoa học, có sự tham gia của nhiều lực lượng trong xã hội. Do đó, các chính sách luôn có hiệu lực cao trong sự phát triển văn hóa, nghệ thuật.

Các nước ở châu Âu vào đầu thập niên 80 bắt đầu quá trình đánh giá chính sách, trong đó có chính sách văn hóa, trong bối cảnh châu Âu được nhất thể hóa, thế giới có những biến đổi sâu sắc bởi cuộc cách mạng khoa học công nghệ, thông tin và truyền thông và quá trình toàn cầu hóa, cũng như quá trình chuyển dịch, phân bố lại các dòng di cư và định cư tại châu Âu do dòng người nhập cư từ châu Á, châu Phi tăng mạnh. Sự đánh giá này là một phương thức để cập nhật những vấn đề mới trong hệ thống thể chế văn hóa và xây dựng các mô hình chính sách có thể hỗ trợ tốt hơn sự đa dạng văn hóa, tính sáng tạo của các nghệ sĩ, nâng cao vai trò xã hội của văn hóa, phát triển văn hóa như một khu vực có tiềm năng kinh tế, gắn văn hóa nghệ thuật với các hoạt động xã hội khác, đặc biệt là thể thao và du lịch.

1.2.2. Chính sách văn hoá của các nước xã hội chủ nghĩa

Thời kỳ này nhấn mạnh đến khía cạnh tư tưởng của văn hóa, coi văn hóa như một lĩnh vực cần phải được nhà nước quản lý, chỉ đạo. Khác với các nước tư bản, văn hóa các nước trong khối này được phát triển theo mô hình tương đối thống nhất, mang tính tập trung, từ trên xuống. Nhấn mạnh chức năng tuyên truyền, là một công cụ của nhà nước, chính sách văn hóa của các nước xã hội chủ nghĩa thời kỳ này nhấn mạnh đến việc cổ vũ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đề cao tính tập thể, xây dựng hệ thống thiết chế đặc trưng cho chủ nghĩa xã hội (hệ thống nhà văn hóa, tượng đài hoành tráng). Mô hình hành chính trong quản lý văn hóa của các nước này là giống nhau, song trùng 2 cơ quan quản lý là hệ thống cơ quan tuyên giáo – tư tưởng (của Đảng cộng sản) và cơ quan quản lý nhà nước (Bộ, Ủy ban), được tổ chức dọc từ trên xuống, theo hệ thống hành chính từ trung ương xuống tới tận cơ sở.

1.2.3. Chính sách văn hóa của các nước đang phát triển

Do cố gắng mang tính trung lập trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh, trước 2 khối quốc gia có tư tưởng khác biệt nhau nên văn hóa của các quốc gia này khẳng định mục tiêu là: gìn giữ bản sắc văn hóa trước quá trình quốc tế hóa sâu sắc. Chính sách văn hóa của các nước này nhấn mạnh đến sự độc lập về chính trị của quốc gia, bảo tồn văn hóa truyền thống, văn hóa các tộc người thiểu số, tăng cường hợp tác và giao lưu văn hóa quốc tế nhằm giới thiệu bản sắc văn hóa của riêng mình và học tập các kinh nghiệm quốc tế. Đôi khi, ở một số nước, do quá nhấn mạnh đến tính độc lập nên sự phát triển văn hóa cũng có những hạn chế bởi chính sách kiểm soát chặt từ phía nhà nước, quá trình trao đổi văn hóa không được khuyến khích, dẫn đến tình trạng biệt lập về văn hóa của một số quốc gia trong những thời điểm nhất định.

1.3. Vai trò của một số nước tiên phong trong xây dựng chính sách văn hoá

1.3.1. Liên minh châu Âu và Hội đồng châu Âu

Liên minh châu Âu (European Union) là một tổ chức liên Chính phủ của các nước châu Âu. Từ 6 thành viên ban đầu, đến 2007, Liên minh châu Âu có 27 quốc gia thành viên. Liên minh được thành lập với tên gọi hiện nay theo Hiệp ước về Liên minh châu Âu năm 1992, Hiệp ước Maastricht. EU đặt trụ sở đặt tại thủ đô Brussels của Bỉ. Ban đầu, Liên minh châu Âu bao gồm 6 quốc gia thành viên là: Bỉ, Đức, Italia, Luxembourg, Pháp, Hà Lan. Năm 1973, tăng lên thành 9

quốc gia thành viên. Năm 1981, tăng lên thành 10. Năm 1986, tăng lên thành 12. Năm 1995, tăng lên thành 15. Năm 2004, tăng lên thành 25. Năm 2007, liên minh châu Âu đã tăng lên 27 nước.

Hiện nay, Liên minh châu Âu có diện tích là 4.422.773 km² với dân số là 492,9 triệu người (2006), với tổng GDP là 11.6 nghìn tỉ euro (~15.7 nghìn tỉ USD) trong năm 2007. Hầu hết các quốc gia châu Âu đều đang là thành viên của Liên minh châu Âu.

Hội đồng châu Âu là một cơ quan xác định các chiến lược và chính sách văn hóa chủ yếu ở châu Âu. Vào năm 2007, Ủy ban châu Âu đề xuất một chiến lược mới về văn hóa đối với các nước ở châu Âu, với mục đích là để thúc đẩy:

- Đa dạng văn hóa và đối thoại liên văn hóa (intercultural);
- Văn hóa như là một xúc tác cho sáng tạo;
- Văn hóa như là một phần quan trọng của các mối quan hệ quốc tế của EU.

Những mục tiêu này, liên thông với nhau, tạo thành các chính sách văn hóa quốc gia không chỉ giới hạn trong phạm vi quốc gia mà mang tính liên quốc gia, được chào đón của các nước thành viên ở cấp độ chính trị cao nhất. Chính sự ủng hộ về mặt chính trị cao nhất này đã thúc đẩy quá trình hoàn thiện chính sách văn hóa tại các nước châu Âu được tăng tốc, gắn phát triển văn hóa với sự phát triển nền kinh tế tri thức, với nhiều dạng thức hoạt động văn hóa nghệ thuật mới.

1.3.2. Thụy Điển và các nước Bắc Âu

Thụy Điển là quốc gia tổ chức Hội nghị Liên Chính phủ về văn hóa và phát triển năm 1998 và sau đó là Hội nghị chuyên gia về chính sách văn hóa năm 2003. Hai hội nghị này đã có những ảnh hưởng sâu sắc tới quá trình định hình và triển khai Nghị quyết Trung ương 5 (khóa 8) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tại Bắc Âu, thông qua Hội đồng Bộ trưởng Bắc Âu, các vấn đề về hợp tác văn hóa được đưa ra nhằm mục tiêu tạo nên tính liên kết vùng trong một châu Âu thống nhất. Các nghiên cứu về chính sách và ứng dụng chính sách của Phần Lan, Đan Mạch, Na Uy cũng đã đem lại những kinh nghiệm và bài học tốt cho các nước trong Liên hiệp châu Âu và cho cả một số nước châu Á, trong đó có Việt Nam.

1.3.3. Vương quốc Anh

Anh quốc là quốc gia đi đầu trong việc phát triển ngành công nghiệp sáng tạo, với sự chuyển dịch chính sách văn hóa từ năm 1979 của Chính phủ Đảng bảo thủ, sau đó là các chính phủ thuộc Công đảng. Các ngành công nghiệp sáng tạo ở Anh dẫn đầu thế giới nhờ sự thay đổi chính sách quan trọng này. Nước Anh đã tạo lập được một khung chính sách nhằm phát huy các mặt mạnh của mô hình “cánh tay nối dài” thông qua các Hội đồng Nghệ thuật tài trợ cho văn hóa nghệ thuật, thúc đẩy các yếu tố thị trường để nâng cao tính hiệu quả và năng động của các tổ chức văn hóa nghệ thuật. Anh quốc cũng dẫn đầu thế giới về việc nghiên cứu, tổng kết và hoàn thiện chính sách văn hóa bởi các trường đại học; từ đó, các cơ quan hoạch định chính sách có những cơ sở khoa học để hoàn thiện các chính sách tổng thể và chuyên biệt của mình.

1.3.4. Các nước Đông Âu

Các nước này cho Việt Nam một bài học về quá trình chuyển đổi chính sách trong sự chuyển đổi thể chế chính trị - kinh tế. Đặc biệt, một cấu trúc mới về chính sách văn hóa quốc gia đã được xây dựng theo cấu trúc mới, phản ánh quá trình chuyển biến từ cấu trúc xã hội toàn thể sang cấu trúc xã hội dân chủ, từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường. Các chính sách văn hóa của Cộng hòa Séc, Slovakia, Balan... đã được soạn thảo, góp phần vào quá trình xây dựng nền văn hóa của các quốc gia này trong giai đoạn mới.

1.3.5. Nhật Bản

Nhật Bản là nước đi đầu trong việc phát triển các chính sách về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong đời sống đương đại, được UNESCO và nhiều tổ chức quốc tế trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật học tập (các chính sách về bảo tồn di sản phi vật thể, vật thể, đặc biệt là các báu vật nhân văn sống). Nhật Bản cũng là nước đã có những mô hình triển khai chính sách văn hóa trong thực tiễn để bảo tồn các di sản, tạo nên bản sắc Nhật Bản trong một xã hội công nghiệp hóa, đô thị hóa và quốc tế hóa mạnh mẽ, phát triển du lịch gắn với bảo tồn di sản.

1.3.6. Hàn Quốc

Hàn Quốc là một mẫu hình về sự đầu tư mạnh mẽ từ Chính phủ trong việc phát triển nền công nghiệp văn hóa có nội dung Hàn Quốc (Korean Content Cultural Industry), trong đó điện ảnh, thời trang và âm nhạc được coi là 3 mũi nhọn phát triển nhằm gia tăng hình ảnh của Hàn Quốc trên thị trường quốc tế,

gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, coi công nghiệp văn hóa là một trong những bộ phận hữu cơ của nền kinh tế tri thức.

1.4. Tổng quan về mô hình chính sách văn hóa trên thế giới

1.4.1. Khái niệm mô hình chính sách văn hóa

Chính sách văn hóa của mỗi quốc gia trên thế giới thường mang tính đặc thù do xuất phát từ nhu cầu và tình hình thực tế của mỗi nước. Tuy chính sách văn hóa của các nước không giống nhau nhưng có thể có những điểm tương đồng nhất định về nội dung chính sách hoặc cơ chế quản lý, điều hành hoạt động văn hóa. Trong nghiên cứu về chính sách văn hóa, các nhà nghiên cứu thường căn cứ vào những đặc điểm chung, mang tính tiêu biểu trong chính sách văn hóa của các nước để phân loại theo những mô hình chính sách văn hóa (models for cultural policy).

Như vậy, mô hình chính sách văn hóa có thể được hiểu là những kiểu/dạng chính sách văn hóa, được xác định bởi một số đặc điểm riêng biệt, có ý nghĩa trong việc nghiên cứu, hoạch định và thực thi chính sách văn hóa.

Trên thực tế, có nhiều quan điểm khác nhau về các mô hình chính sách văn hóa. Có những quan điểm được giới học thuật và các nhà hoạch định chính sách trên thế giới chấp nhận một cách rộng rãi như cách phân loại theo 4 mô hình của Harry Hillman - Chartrand và Claire McCaughey (1989). Bên cạnh đó còn có những cách xác định mô hình chính sách văn hóa khác nhưng mức độ phổ biến hạn chế hơn.

Việc phân loại các mô hình chính sách văn hóa chỉ mang tính tương đối vì hiện nay các quốc gia có xu hướng kết hợp những yếu tố của các mô hình khác nhau chứ không hoàn toàn dập khuôn theo một mô hình nhất định. Bên cạnh đó, có mô hình chỉ có ý nghĩa lịch sử do không còn vận hành trên thực tế. Nói cách khác, mô hình chính sách văn hóa không bất biến mà luôn được điều chỉnh, biến đổi để phù hợp với điều kiện mới.

Việc nghiên cứu mô hình chính sách văn hóa giúp các quốc gia hiểu sâu sắc hơn bản chất, đặc tính, công cụ và phương thức vận hành của chính sách văn hóa. Đặc biệt, với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, việc nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trên thế giới sẽ góp phần đúc rút bài học kinh nghiệm cho việc xây dựng và hoàn thiện chính sách văn hóa của nước nhà.

1.4.2. Cơ sở hình thành mô hình chính sách văn hóa

1.4.2.1. Điều kiện lịch sử - kinh tế - chính trị - văn hóa – xã hội của quốc gia

Việc hình thành và phát triển chính sách văn hóa của mỗi nước đều xuất phát từ bối cảnh cụ thể về lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội của quốc gia. Đây là những tiền đề quan trọng, chi phối phương thức hoạch định cũng như nội dung chính sách văn hóa của một đất nước tại mỗi thời điểm nhất định.

Nhiều tác giả đã tổng kết tác động của các ảnh hưởng này tới chính sách văn hóa quốc gia như sau:

a/ Điều kiện lịch sử

Điều kiện lịch sử của mỗi nước dẫn đến quan niệm khác nhau về các trọng tâm được ưu tiên trong lĩnh vực văn hóa. Ví dụ, với các nước có bề dày lịch sử như Trung Quốc hay các nước châu Âu, vấn đề gìn giữ và phát huy di sản văn hóa dân tộc được đặc biệt coi trọng. Trong khi với những nước có lịch sử tương đối “non trẻ” như Mỹ, các vấn đề thuộc về văn hóa đương đại lại là vấn đề được quan tâm và khuyến khích hàng đầu.

Truyền thống lịch sử của mỗi dân tộc có thể ảnh hưởng rất lớn đến việc xây dựng và thực thi chính sách văn hóa. Ví dụ, Pháp là một nước có truyền thống lâu đời về việc Nhà nước can thiệp vào lĩnh vực văn hóa. Từ thời phong kiến, tầng lớp quý tộc và Nhà nước không chỉ tài trợ cho văn hóa mà còn nắm quyền kiểm duyệt các tác phẩm văn hóa nghệ thuật. Chính vì vậy, cho đến nay, đặc điểm này vẫn còn được thể hiện trong chính sách văn hóa Pháp, khi vai trò điều tiết của Nhà nước là khá tập trung và nổi bật.

b/ Trình độ phát triển kinh tế – xã hội và dân trí

Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội và dân trí của mỗi nước dẫn đến những khác biệt trong chính sách văn hóa, đặc biệt là cơ chế quản lý và phương thức đầu tư cho văn hóa. Chẳng hạn, chính sách văn hóa của Singapore, một nước có 100% dân số thành thị, mức sống và trình độ dân trí cao sẽ không giống với chính sách văn hóa của một nước mà dân số đa phần là nông dân, mức sống và trình độ dân trí còn nhiều hạn chế như các nước đang phát triển, trong đó có nước ta.

Một ví dụ khác, ở những nước có nền kinh tế thị trường phát triển, chính sách văn hóa thường nhấn mạnh vào cơ chế tài chính nhằm khuyến khích sự

năng động của các tổ chức nghệ thuật và tài trợ của các cá nhân, doanh nghiệp cho nghệ thuật. Vai trò điều tiết của thị trường trong hoạt động văn hóa nói chung hay một số lĩnh vực văn hóa cụ thể rất được coi trọng như trường hợp của Mỹ và các nước phương Tây.

c/ Điều kiện chính trị

Hiện nay, mặc dù sự khác biệt giữa chế độ chính trị tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa ít được đề cập tới; nhưng trên thực tế, vẫn có sự khác biệt trong chính sách xã hội và chính sách văn hóa giữa các nước thuộc 2 chế độ chính trị này. Các nước Bắc Âu như Đan Mạch, Phần Lan, Ai-xơ-len, Áo, Thụy Điển theo chế độ Nhà nước phúc lợi xã hội có sự điều tiết của Chính phủ nên có nhiều nét tương đồng với mục tiêu chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa như nước ta.

Một ví dụ khác dễ nhận thấy là với các nước có chế độ chính trị dân chủ, chính sách văn hóa cũng đề cao tính dân chủ. Chẳng hạn, với trường hợp Đan Mạch, 2 chiến lược cốt lõi trong chính sách văn hóa của nước này là: “dân chủ hóa về văn hóa” - phổ biến văn hóa quốc gia tới mọi người dân và “dân chủ văn hóa” - khuyến khích nhiều nền văn hóa khác nhau thay vì một nền văn hóa độc tôn.

d/ Mô hình tổ chức quốc gia

Các nước trên thế giới có mô hình tổ chức quốc gia khác nhau, từ đó dẫn đến mô hình khác nhau trong chính sách văn hóa. Với các nước liên bang như Đức, Úc, Mỹ, chính sách văn hóa thường có xu hướng phân chia quyền lực cho các tiểu bang. Nói cách khác, cơ chế quản lý văn hóa thường mang tính phân quyền, phi tập trung. Ngược lại, những nước có mô hình quản lý tập trung, điều hành thống nhất từ trung ương tới địa phương như Trung Quốc thường dẫn tới hệ quả là chính sách văn hóa cũng mang tính tập trung, tập quyền.

1.4.2.2. Quan điểm lý thuyết về chính sách văn hóa

Khi nghiên cứu về chính sách văn hóa của các nước trên thế giới và tập hợp chúng thành các mô hình chính sách văn hóa, có thể nhận thấy: căn cứ quan trọng về mặt lý luận là quan điểm lý thuyết về văn hóa và chính sách văn hóa. Nói cách khác, việc xây dựng và phát triển chính sách văn hóa của mỗi quốc gia dựa trên nền tảng lý thuyết và tư tưởng nhất định. Các quốc gia có quan điểm khác nhau về văn hóa, vai trò của văn hóa cũng như vai trò của Nhà nước trong phát triển văn hóa. Từ đó, các nước sẽ chọn những hướng tiếp cận khác nhau trong phát triển chính sách văn hóa. Một số quan điểm lý thuyết cơ bản là: quan

điểm gắn văn hóa với hệ tư tưởng, chính trị; điểm dân tộc chủ nghĩa; và quan điểm kinh tế coi văn hóa là một loại hàng hóa.

a/ Quan điểm gắn văn hóa với chính trị và hệ tư tưởng

Đây là quan điểm cho rằng văn hóa là một yếu tố cấu thành nên hệ thống chính trị và hệ tư tưởng. Chính vì vậy, văn hóa luôn gắn với hệ tư tưởng và hệ thống chính trị của một quốc gia nhất định. Văn hóa có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát huy ảnh hưởng của hệ tư tưởng, hướng tới phục vụ hệ thống chính trị. Văn hóa được coi như một công cụ hiệu quả để tuyên truyền, phổ biến hệ tư tưởng đến đông đảo quần chúng nhân dân, xây dựng con người theo hệ tư tưởng chính thống và thực hiện các mục tiêu của hệ thống chính trị.

Trong thực tế, các nước xã hội chủ nghĩa đã vận dụng quan điểm này. Các nước này dựa trên học thuyết của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, theo đó khẳng định văn hóa là một yếu tố quan trọng trong kiến trúc thượng tầng, có quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại với các yếu tố khác như chính trị, hệ tư tưởng. Văn hóa cũng như các yếu tố khác thuộc kiến trúc thượng tầng, chịu sự chi phối của cơ sở hạ tầng xã hội nhưng cũng có tính độc lập tương đối. Chính vì vậy, văn hóa là một công cụ quan trọng để xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và củng cố hệ thống chính trị xã hội. Văn hóa có nhiệm vụ chính trị và phải thống nhất theo định hướng chính trị của Nhà nước¹.

Không chỉ các nước xã hội chủ nghĩa mà nhiều nước khác cũng vận dụng quan điểm này, tuy ở các mức độ khác nhau. Trên thực tế, nhiều nước nhấn mạnh việc văn hóa của quốc gia phải phản ánh được những vấn đề trọng yếu về tư tưởng và nhiệm vụ của hệ thống chính trị. Các nhà nghiên cứu chính sách văn hóa trên thế giới thường đề cập đến trường hợp cực đoan như chủ nghĩa phát xít Đức. Chủ nghĩa phát xít Đức đã sử dụng văn hóa như một công cụ tinh thần quan trọng để phục vụ cho tư tưởng địa chính trị và phân biệt chủng tộc của chính quyền Hitler. Chính quyền Hitler đã kiểm soát chặt chẽ văn hóa và triệt để sử dụng văn hóa như một phương tiện thông tin cổ động, tuyên truyền cho việc bài xích người Do thái và các dân tộc khác, đề cao tính “thuần khiết” của chủng tộc Đức và tính siêu việt của hệ tư tưởng phát xít.

¹ Nguyễn Khoa Điềm (Chủ biên) (2002), Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiến tiến đậm đà bản sắc dân tộc, Nxb Chính trị quốc gia.

Một ví dụ khác là trường hợp Canada. Nằm ngay cạnh Mỹ - một “siêu cường quốc”, Canada luôn có ý thức khẳng định quyền tự chủ dân tộc và sự độc lập về tư tưởng, chính trị, chống lại những áp đặt và ảnh hưởng của Mỹ. Chính vì vậy, văn hóa đã được coi là công cụ quan trọng để thực hiện nhiệm vụ chính trị này. Chẳng hạn, Canada duy trì 2 ngôn ngữ chính thống là Anh và Pháp, hệ thống phát thanh truyền hình có mục tiêu tuyên truyền, quảng bá văn hóa dân tộc, chống lại ảnh hưởng của văn hóa Mỹ, Bộ Di sản được thành lập để bảo vệ di sản văn hóa Canada... Như vậy, có thể nói, Canada đã gắn văn hóa với tư tưởng và các vấn đề chính trị.

b/ Quan điểm dân tộc chủ nghĩa: văn hóa thể hiện đặc trưng dân tộc

Đây là quan điểm rất phổ biến ở các nước trên thế giới. Nội dung quan điểm này nhấn mạnh vào việc văn hóa của mỗi quốc gia phải thể hiện bản sắc riêng của dân tộc và Nhà nước cần có chính sách gìn giữ, phát huy và quảng bá văn hóa dân tộc, đặc biệt là các giá trị văn hóa truyền thống.

Quan điểm này được đặc biệt quan tâm trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, khi tự do thương mại các sản phẩm văn hóa đang dẫn đến nguy cơ đồng nhất về văn hóa, đe dọa sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa trên toàn cầu. Bản sắc văn hóa của mỗi quốc gia là yếu tố rất dễ bị tổn thương. Mỗi quốc gia đều thấy rõ ý nghĩa của việc duy trì và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, coi đó là nền tảng quan trọng trong phát triển kinh tế, chính trị, xã hội. Nhiều báo cáo của UNESCO trong thập niên 70 và 80 đã phân tích mặt trái của quá trình toàn cầu hóa, cảnh báo về nguy cơ của “chủ nghĩa đế quốc về văn hóa” (cultural imperialism) với việc truyền bá, gây ảnh hưởng để đưa các giá trị, thị hiếu và cách ứng xử của một nền văn hóa áp đặt cho các nền văn hóa khác trên thế giới. điểm cho rằng hiện nay các nước phát triển, đặc biệt là Mỹ và một số nước Tây Âu đang tiến hành cuộc “xâm lăng văn hóa” (cultural invasion) sang các nước khác, đặc biệt là các nước đang phát triển, có ngành công nghiệp văn hóa non trẻ, yếu kém về năng lực sản xuất.

Theo quan điểm này, nhiều nước đã có chính sách ưu tiên và tăng cường đầu tư cho văn hóa dân tộc, đặc biệt đối với khu vực văn hóa truyền thống như di sản vật thể và phi vật thể, các loại hình nghệ thuật truyền thống quốc gia... Nhiều nước cũng tìm cách nhập bảo vệ các ngành công nghiệp văn hóa nội địa như hạn chế khẩu một số loại sản phẩm văn hóa nước ngoài và đưa ra qui

định đảm bảo việc phổ biến sản phẩm văn hóa trong nước tới đông đảo nhân dân. Đây chính là quan điểm coi các sản phẩm và dịch vụ văn hóa là “ngoại lệ”; do đó, không thể đối xử như với các hàng hóa vật chất thông thường.

Ví dụ, Pháp đã có chính sách quảng bá ngôn ngữ, âm nhạc và điện ảnh Pháp trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống phát hành, phổ biến phim quốc gia. Chính phủ Pháp ban hành chế độ hạn ngạch nhập khẩu phim từ nước ngoài và qui định thời lượng tối thiểu chiếu phim của Pháp tại các rạp chiếu phim cũng như thời lượng phát sóng phim nội trên truyền hình. Pháp cũng là một trong những quốc gia đi đầu trong việc xây dựng và thông qua Công ước quốc tế về phát huy và bảo vệ sự đa dạng trong các biểu đạt văn hóa của UNESCO.

c/ Quan điểm kinh tế: văn hóa là một loại hàng hóa

Quan điểm này nhìn nhận văn hóa từ góc độ kinh tế, coi văn hóa là hàng hóa và do đó sẽ ứng xử với văn hóa như với các hàng hóa thông thường khác. Ngành công nghiệp văn hóa - các ngành sáng tạo, phân phối và phổ biến sản phẩm và dịch vụ văn hóa, được chi phối chủ yếu bằng qui luật trên thị trường như qui luật cung - cầu, qui luật giá trị, qui luật cạnh tranh... Nói cách khác, Chính phủ cho rằng thị trường có ý nghĩa quan trọng trong điều tiết các hoạt động văn hóa. Nhà nước thường ít can thiệp trực tiếp vào đời sống văn hóa mà chi phối thông qua hệ thống luật pháp như luật thuế và bản quyền.

Ví dụ, để khuyến khích một ngành công nghiệp văn hóa hoặc một lĩnh vực văn hóa nào đó, Nhà nước có thể ban hành chế độ miễn giảm thuế trong sản xuất và kinh doanh các sản phẩm văn hóa đó. Điều này sẽ khuyến khích cá nhân và doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực vì được hưởng thuế suất có lợi, việc tiêu thụ sản phẩm cũng được thúc đẩy do người tiêu dùng được hưởng giá cả ưu đãi hơn. Bằng cách thực thi nghiêm luật bản quyền, quyền lợi của những người sáng tạo và doanh nghiệp sản xuất sản phẩm văn hóa sẽ được bảo vệ. Đây là một nhân tố vô cùng quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa. Mặt khác, do sự điều tiết của thị trường nên có thể dẫn đến những hiệu quả tích cực như người sáng tạo văn hóa nghệ thuật có thể được trả thù lao xứng đáng nếu sản phẩm được thị trường tiếp nhận, người hưởng thụ văn hóa có thể có các sản phẩm văn hóa đáp ứng đúng thị hiếu, nhu cầu và phù hợp với khả năng chi trả.

Quan điểm coi văn hóa là hàng hóa được một số nước Bắc Mỹ và châu Âu chấp nhận, đặc biệt là Mỹ. Nếu như Mỹ là nước có truyền thống áp dụng qui luật thị trường trong hầu hết các lĩnh vực văn hóa thì ở một số nước khác, Chính phủ có thể áp dụng quan điểm kinh tế này cho một số lĩnh vực văn hóa cụ thể như âm nhạc, điện ảnh, báo chí, xuất bản mà không áp dụng trong lĩnh vực khác như di sản văn hóa, nghệ thuật biểu diễn truyền thống hay nghệ thuật bác học (ví dụ: ballet, opera, nhạc giao hưởng, thính phòng). Cũng chính vì quan điểm này, Mỹ và một số nước phương Tây thường ủng hộ tự do thương mại, trong đó có tự do thương mại các sản phẩm và dịch vụ văn hóa trên qui mô toàn cầu. Các nước này thường yêu cầu các quốc gia khác “mở cửa” cho hàng hóa văn hóa của họ và đấu tranh chống các trở ngại như hàng rào thuế quan và phi thuế quan đối với hàng hóa văn hóa."

1.4.3. Phân loại mô hình chính sách văn hóa trên thế giới

1.4.3.1. Tiêu chí phân loại mô hình chính sách văn hóa

Xét về nội dung, có thể thấy, chính sách văn hóa của nhiều nước trên thế giới có những quan điểm chung như: tăng cường khả năng tiếp cận đến văn hóa nghệ thuật của nhân dân, nâng cao đời sống văn hóa của cộng đồng, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, vươn tới chất lượng cao về nghệ thuật... Tuy nội dung và mục đích của chính sách văn hóa của nhiều nước có điểm tương đồng nhưng việc xây dựng chính sách văn hóa và phương thức vận hành của chính sách văn hóa ở mỗi nước lại rất khác nhau. Điều đó đã dẫn đến việc hình thành các mô hình chính sách văn hóa riêng biệt. Các nhà nghiên cứu về chính sách văn hóa đã dựa vào tiêu chí như: vai trò quản lý của Nhà nước, kế hoạch chiến lược phát triển văn hóa, cơ chế tài chính cho văn hóa và hệ thống cơ quan quản lý về văn hóa để phân chia các mô hình này.

a/ Vai trò quản lý của Nhà nước

Vai trò quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa là một trong những tiêu chí quan trọng nhất để phân loại mô hình chính sách văn hóa trên thế giới. Dựa theo tiêu chí này nghĩa là xem xét phạm vi, mức độ và phương thức can thiệp của Nhà nước đối với đời sống văn hóa của một quốc gia. Trên thực tế, có những mô hình chính sách văn hóa thể hiện vai trò tổ chức, điều hành và phát triển văn hóa một cách toàn diện, sâu sắc và trực tiếp của Nhà nước, trong khi ở

những mô hình khác, vai trò này chỉ mang tính chất chỉ đạo chiến lược chung và được thể hiện một cách gián tiếp.

Một phương diện khác trong vai trò quản lý văn hóa của Nhà nước là phương thức quản lý. Một số nước thực hiện phương thức quản lý tập trung, thống nhất từ chính quyền trung ương đến địa phương; trong khi một số nước khác lại áp dụng cơ chế phân quyền, phân cấp cho chính quyền các cấp và các lực lượng khác trong xã hội. Chẳng hạn, ở một số mô hình chính sách văn hóa, việc hoạch định chính sách văn hóa có tính chất “từ trên đưa xuống” (top down), nghĩa là chính sách văn hóa được quyết định ở các cấp quản lý trung ương. Trong khi đó, ở mô hình chính sách văn hóa khác, việc phát triển chính sách văn hóa lại là “từ dưới đưa lên” (bottom up), thể hiện ở chỗ các nghệ sỹ, tổ chức văn hóa nghệ thuật, nhà nghiên cứu, học giả và các nhóm cộng đồng được tham gia vào quá trình này một cách dân chủ, sáng tạo.

b/ Kế hoạch chiến lược phát triển văn hóa

Theo tiêu chí này, để phân loại mô hình chính sách văn hóa, các nhà nghiên cứu quan tâm đến việc Nhà nước lập kế hoạch chiến lược phát triển văn hóa tổng thể cho quốc gia hay trao nhiệm vụ này cho các cấp thấp hơn như các bang và tiểu bang (trong các nước liên bang, hợp chủng quốc) hay cho các cơ quan, tổ chức văn hóa nghệ thuật. Nói cách khác, ở nhiều quốc gia, Nhà nước đảm nhiệm việc lập kế hoạch chiến lược cho phát triển văn hóa. Bên cạnh đó, có những quốc gia, chính quyền trung ương không xây dựng kế hoạch chiến lược này. Đây là nét khác biệt và được coi là một trong các tiêu chí để xem xét và phân loại mô hình chính sách văn hóa.

Ngoài ra, một vấn đề quan trọng khác là xem xét nội dung kế hoạch chiến lược phát triển văn hóa như: quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa, các giải pháp chủ yếu và phương hướng tổ chức thực hiện chiến lược. Chẳng hạn, nghiên cứu các mục tiêu của kế hoạch phát triển chiến lược sẽ cho biết định hướng, những trọng tâm ưu tiên và nỗ lực của Chính phủ. Một số Chính phủ thường nói về các mục tiêu của họ một cách rõ ràng và trực tiếp, trong khi các Chính phủ khác có thể đề cập đến mục tiêu của họ một cách gián tiếp.

c/ Cơ chế tài chính

Cơ chế tài chính là yếu tố đặc biệt quan trọng trong các chính sách xã hội nói chung và chính sách văn hóa nói riêng. Thậm chí, có quan điểm cho rằng:

“theo nghĩa hẹp, chính sách văn hóa là cách thức tài trợ cho nghệ thuật trong một xã hội, tại một thời điểm nhất định”². Chính vì vậy, cơ chế tài chính là một trong những tiêu chí cơ bản được các nhà nghiên cứu sử dụng nhằm phân loại mô hình chính sách văn hóa.

Xem xét cơ chế tài chính cần chú ý một số vấn đề cốt lõi như mức độ tài trợ của Nhà nước cho văn hóa, phương thức hỗ trợ và các lĩnh vực ưu tiên trong phân bổ nguồn tài chính của Chính phủ. Cụ thể, mức độ tài trợ của Nhà nước thường thể hiện ở tỉ lệ ngân sách đầu tư cho khu vực văn hóa trong tổng ngân sách quốc gia hàng năm.

Xem xét tỉ lệ nguồn tài chính của Chính phủ trong tổng các nguồn thu của tổ chức nghệ thuật cũng cho biết mức độ tài trợ của Chính phủ cho nghệ thuật. Có những mô hình chính sách văn hóa, trong đó Nhà nước bao cấp toàn bộ hay phần lớn kinh phí cho phát triển văn hóa. Ở mô hình khác, ngân sách công cho hoạt động văn hóa chỉ chiếm một tỉ lệ rất nhỏ, thậm chí không đáng kể so với các lĩnh vực xã hội khác.

Về phương thức hỗ trợ tài chính của Nhà nước cho văn hóa, một số quốc gia áp dụng cơ chế hỗ trợ trực tiếp, nghĩa là cung cấp tài chính trực tiếp cho khu vực văn hóa dưới dạng kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên, kinh phí xây dựng cơ bản hoặc hỗ trợ theo từng dự án cụ thể. Ở một số nước khác, Chính phủ có thể hỗ trợ cho nghệ thuật chủ yếu dưới dạng gián tiếp bằng cách tạo ra những động cơ để khuyến khích các thành phần kinh tế - xã hội tài trợ và đầu tư cho nghệ thuật.

Về đối tượng được ưu tiên nhận tài trợ của Nhà nước, ở các mô hình chính sách văn hóa cũng có những khác biệt nhất định. Chẳng hạn, có mô hình chú trọng đầu tư cho các mục tiêu của cộng đồng, có mô hình lại chú trọng hỗ trợ các nghệ sĩ và tổ chức văn hóa nghệ thuật chuyên nghiệp. Có mô hình ưu tiên đầu tư cho cá nhân nghệ sĩ trong khi mô hình khác thì tập trung hỗ trợ cho các tổ chức văn hóa nghệ thuật với tư cách là một tập thể... Ở mô hình này, Nhà nước có thể ưu tiên đầu tư cho khâu sáng tạo văn hóa nghệ thuật, trong khi ở mô hình khác Chính phủ lại nhấn mạnh việc hỗ trợ cho khâu phân phối, hưởng thụ các sản phẩm văn hóa.

² Duelunch, Peter. *The Nordic Cultural Model (Mô hình chính sách văn hóa của các nước Bắc Âu)*. Copenhagen: Nordic Cultural Institute, 2003. pg- 13.

d/Hệ thống cơ quan quản lý về văn hóa

Hệ thống cơ quan quản lý về văn hóa là công cụ quan trọng tham gia vào quá trình xây dựng chính sách văn hóa và đưa chính sách văn hóa vào đời sống. Cấu trúc của hệ thống này được xác định bởi các cơ quan/tổ chức và mối quan hệ qua lại giữa các cơ quan/tổ chức đó. Đây cũng là một tiêu chí thường được xem xét để phân loại mô hình chính sách văn hóa.

Một số nước trên thế giới xây dựng hệ thống cơ quan quản lý về văn hóa của Nhà nước rộng khắp từ trung ương đến địa phương để tạo điều kiện cho việc quản lý thống nhất và đồng bộ các hoạt động văn hóa. Trong khi đó, một số nước khác chỉ duy trì một số cơ quan quản lý văn hóa ở cấp trung ương. Nhiều quốc gia có cơ quan quản lý chuyên trách về văn hóa ở cấp Bộ nhưng một số quốc gia không có bộ chủ quản, phụ trách lĩnh vực văn hóa ở cấp Nhà nước hay liên bang. Một bộ phận các quốc gia hình thành Hội đồng nghệ thuật như một cơ quan tương đối độc lập với Chính phủ trong việc phân bổ tài chính và quản lý việc thực thi chính sách văn hóa, trong khi một số nước khác không có cơ quan này.

Nói cách khác, Chính phủ không chỉ cần hỗ trợ về mặt tài chính mà còn cần hỗ trợ về mặt thể chế với việc thành lập các cơ quan thực hiện chính sách như Bộ Văn hóa và các tổ chức khác. Vì vậy, cần xem xét Nhà nước phân bổ các nguồn lực như cơ sở vật chất, bộ máy quản lý hành chính và nhân lực cho khu vực văn hóa nghệ thuật như thế nào, hệ thống bộ máy có đảm bảo cho việc thực thi chính sách văn hóa một cách hiệu quả hay không.

1.4.3.2. Một số cách phân loại mô hình chính sách văn hóa trên thế giới

a/ Bốn mô hình chính sách văn hóa theo quan Chartrand và McCaughey

Như đã trình bày ở phần trên, nhiều nhà nghiên cứu chính sách văn hóa đã đưa ra các mô hình chính sách văn hóa, xuất phát từ những quan điểm và cách tiếp cận riêng. Tuy vậy, cách phân loại theo 4 mô hình chính sách văn hóa của Harry Hillman – Chartrand và Claire McCaughey (1989) được biết đến nhiều nhất và được thừa nhận một cách rộng rãi hơn cả. Bốn mô hình chính sách văn hóa này được gọi là:

Mô hình “Người tạo điều kiện” (Facilitator) mà ví dụ tiêu biểu là chính sách văn hóa của Mỹ,

Mô hình “Nhà bảo trợ” (Patron) hay còn gọi là mô hình quản lý văn hóa gián tiếp theo nguyên tắc “độ dài cánh tay”,

Mô hình “Kiến trúc sư” (Architect) tương ứng với mô hình phúc lợi Nhà nước,

Mô hình “Kỹ sư” (Engineer) còn được gọi là mô hình kế hoạch hóa tập trung

Có thể thấy, cách phân loại các mô hình chính sách văn hóa như trên chủ yếu dựa vào tiêu chí mức độ và phương thức can thiệp của Nhà nước đối với sự phát triển văn hóa quốc gia. Ở mô hình “Người tạo điều kiện”, Nhà nước chủ yếu tác động đến đời sống văn hóa một cách gián tiếp và dành quyền điều tiết cho thị trường. Đến mô hình “Nhà bảo trợ”, Nhà nước khẳng định vai trò định hướng chiến lược chung; tuy nhiên, phát triển các kế hoạch cụ thể và phân bổ trực tiếp nguồn tài chính cho văn hóa nghệ thuật lại được thực hiện bởi các tổ chức tương đối độc lập với Chính phủ. Tiếp theo, ở mô hình “Kiến trúc sư”, Nhà nước can thiệp một cách tương đối hệ thống và đồng bộ vào lĩnh vực văn hóa, nhiều nước coi văn hóa là một phần trong chế độ phúc lợi xã hội. Mô hình cuối cùng, “Kỹ sư”, thể hiện sự điều hành, quản lý chặt chẽ của Nhà nước đối với đời sống văn hóa quốc gia, nhiều nước gắn văn hóa với hệ tư tưởng và hệ thống chính trị.

Chính từ quan điểm và cách tiếp cận về vai trò và phương thức quản lý của Nhà nước khác nhau như trên, mỗi mô hình này có những đặc điểm riêng về hệ thống cơ quan hoạch định và thực thi chính sách, cơ chế tài chính, chính sách đãi ngộ những người sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật và các vấn đề liên quan.

b/ Một số cách phân loại khác

Liên đoàn thế giới các Hội đồng Nghệ thuật và Cơ quan Quản lý Văn hóa (International Federation of Arts Councils and Cultural Agencies - IFACA) đã tổng kết và giới thiệu khái quát về một số cách phân loại mô hình chính sách văn hóa. Ngoài 4 mô hình chính sách văn hóa của Chartrand và McCaughey nêu trên, còn có thể kể đến một số cách phân loại mô hình như sau:

Phân loại các mô hình “Doanh nhân”, “Luật sư” và “Nhóm cố vấn” theo quan điểm của Wyszomirski năm 2003;

Phân loại các mô hình “Độ dài cánh tay”, “Vận động thị trường” và “Nhà tổ chức biểu diễn” theo quan điểm của Cummings và Katz;

Phân loại các mô hình “Phúc lợi xã hội”, “Nhà tổ chức biểu diễn”, “Độ dài cánh tay” và mô hình “Kỹ sư” theo quan điểm của Katunari năm 2002;

Phân loại các mô hình “Nhóm chuyên gia”, “Quan chức Nhà nước cộng với nhóm tư vấn” và “Hoàn toàn do quan chức Nhà nước” theo quan điểm của Cummings và Katz đưa ra năm 1987;

Phân loại các mô hình “Đơn bộ”, “Đa bộ ngành”, “Các quỹ phi Chính phủ”, “Nhà tổ chức biểu diễn”, và “Mô hình trực tiếp” theo quan điểm của Cummings và Katz năm 1987;

Phân loại các mô hình “Nhà thiết kế”, “Người hưởng lợi”, “Mô hình Hoàng gia” và mô hình “Dân chủ xã hội” của Mulcahy năm 1998.

Bên cạnh đó, hiện nay, nhiều nhà nghiên cứu còn đề cập đến các mô hình chính sách văn hóa mới như mô hình chính sách văn hóa Trung Quốc và mô hình chính sách văn hóa Hàn Quốc.

Tóm lại, xuất phát từ những quan điểm, cách tiếp cận và tiêu chí khác nhau, các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều mô hình chính sách văn hóa. Tuy nhiên, một số cách phân loại có những nét gần gũi, tương đồng. Mặt khác, các mô hình chính sách văn hóa không loại trừ lẫn nhau. Các quốc gia có thể vận dụng những yếu tố trong nhiều mô hình chính sách văn hóa để tạo nên một chính sách văn hóa quốc gia đặc thù, phù hợp với điều kiện thực tiễn của mỗi nước.

Câu hỏi ôn tập

1. Phân tích chính sách văn hóa qua các thời kỳ trước Thế chiến thứ 2
2. Phân tích chính sách văn hóa thời hiện đại và vai trò của các nước châu Âu?
3. Khái niệm mô hình chính sách văn hóa? Phân tích một số cơ sở cho việc hình thành các mô hình chính sách văn hóa trên thế giới?
4. Trình bày những tiêu chí cơ bản để phân loại các mô hình chính sách văn hóa?
- 5 Trình bày một số cách phân loại các mô hình chính sách văn hóa trên thế giới

Chương 2

MỘT SỐ MÔ HÌNH CHÍNH SÁCH VĂN HÓA TIÊU BIỂU Ở PHƯƠNG TÂY

2.1. Mô hình chính sách “Người tạo điều kiện”

2.1.1. Đặc điểm

Ở mô hình này, Chính phủ đóng vai trò của “Người tạo điều kiện”, tạo điều kiện thúc đẩy văn hóa thông qua các chính sách gián tiếp như chính sách thuế. Nhà nước hạn chế tối đa việc can thiệp trực tiếp vào lĩnh vực văn hóa. Một biểu hiện rõ nét là các nước theo mô hình “Người tạo điều kiện” thường không có Bộ Văn hóa ở cấp độ chính quyền trung ương hay chính quyền liên bang. Với các nước theo chế độ liên bang, ở các bang hoặc tiểu bang có thể có cơ quan phụ trách về văn hóa và lĩnh vực nhân văn. Chính vì vậy, ở mô hình này, định hướng chiến lược phát triển văn hóa mang tính quốc gia hay các qui định luật pháp trực tiếp cho lĩnh vực văn hóa thường không được chú ý.

Tài trợ của Nhà nước ở các quốc gia theo mô hình này thường chiếm một tỉ lệ rất nhỏ trong tổng các nguồn thu của tổ chức văn hóa. Nhà nước không xác định lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nào hay chất lượng nghệ thuật như thế nào sẽ được tài trợ. Nhà nước cũng không đề cập đến việc văn hóa nên được phân phối và tiếp cận ra sao. Định hướng về thẩm mỹ và các quyết định tài trợ cho văn hóa được các doanh nghiệp, quỹ và cá nhân nhà tài trợ quyết định.

Nói cách khác, Nhà nước thường không chú trọng tài trợ trực tiếp cho nghệ thuật mà chủ yếu sử dụng phương thức tài trợ gián tiếp như tạo ra các khuyến khích trong chính sách thuế để các lực lượng trong xã hội tài trợ cho nghệ thuật. Ví dụ, quà tặng, các khoản tài trợ từ thiện, đóng góp hảo tâm của cá nhân và doanh nghiệp dành cho nghệ sỹ và hoạt động nghệ thuật sẽ được miễn giảm thuế.

Chính phủ của các nước theo mô hình này thường cho rằng việc điều tiết bằng luật thuế và qui luật của thị trường sẽ giúp các doanh nghiệp đầu tư nhiều hơn cho văn hóa nếu thuế suất có lợi cho họ. Cũng theo quan điểm này, Nhà nước không hỗ trợ trực tiếp cho người sáng tạo văn hóa bằng cách trả lương hay trợ cấp mà tạo điều kiện về thị trường để lưu thông, tiêu thụ sản phẩm văn hóa, giúp họ có được thu nhập thông qua khả năng chi trả của thị trường. Để đảm bảo

quyền lợi cho những người sáng tạo, đặc biệt là quyền lợi kinh tế, Nhà nước thực thi nghiêm túc luật bản quyền. Trên thực tế, tình trạng kinh tế của những người sáng tạo như nhà văn, nghệ sĩ ở đây phụ thuộc vào khả năng tiêu thụ sản phẩm trên thị trường tự do, nói cách khác là phụ thuộc vào doanh thu bán vé, bán hàng. Một nghệ sĩ càng có khả năng hấp dẫn công chúng thì càng có khả năng nâng cao thu nhập và ngược lại.

Về phía người tiêu thụ, các nước theo mô hình này thường cho rằng việc tiêu thụ hay hưởng thụ văn hóa là lựa chọn và trách nhiệm của từng cá nhân, tương tự như việc lựa chọn các hàng hóa vật chất thông thường khác. Do đó, Nhà nước không có chính sách trợ giá cho sản phẩm văn hóa nghệ thuật mà giá cả được thị trường tự do điều tiết.

Nếu không áp dụng cho mọi sản phẩm văn hóa, một số quốc gia áp dụng chính sách này cho một số sản phẩm văn hóa cụ thể. Các loại sản phẩm văn hóa thường được chọn là: âm nhạc, điện ảnh, xuất bản và báo chí. Trái lại, các bộ phận văn hóa “nhạy cảm” hơn như di sản văn hóa, nghệ thuật truyền thống, nghệ thuật đỉnh cao thường được Nhà nước quan tâm đầu tư và hỗ trợ.

Mỹ đã áp dụng mô hình này trong suốt thế kỷ 20. Ngoài ra, một số nước có hình thái tổ chức Nhà nước liên bang như Cộng hòa liên bang Đức hay Liên bang Thụy Sĩ cũng đã từng đi theo mô hình này.

Có thể khái quát đặc điểm của mô hình chính sách người tạo điều kiện như sau:

- Thúc đẩy văn hóa qua các chính sách gián tiếp như chính sách thuế
- Nhà nước hạn chế tối đa việc can thiệp trực tiếp vào lĩnh vực văn hóa
- Thường không có bộ văn hóa ở chính quyền cấp trung ương và chính quyền liên bang
- Định hướng thẩm mỹ và quyết định tài trợ cho văn hóa do các doanh nghiệp, quỹ và cá nhân trong xã hội.

2.1.2. Mô hình chính sách văn hóa Mỹ

2.1.2.1. Bối cảnh của Mỹ

Mỹ là một nước cộng hòa liên bang, được tạo nên từ 50 bang và một số vùng lãnh thổ. Xét về tổng diện tích hay về số lượng dân cư, Mỹ đều là một

trong những nước lớn nhất trên thế giới. Đây cũng là nền kinh tế lớn và hùng mạnh hàng đầu thế giới. Về xã hội, nước Mỹ có sự đa dạng rất lớn về chủng tộc, ngôn ngữ và văn hóa. Điều này là kết quả của lịch sử hình thành nước Mỹ, với sự di cư qui mô lớn của dân chúng từ nhiều nước trên thế giới.

Việc lựa chọn mô hình “Người tạo điều kiện” bắt nguồn từ truyền thống quan trọng của Mỹ là: sự tách biệt giữa nhà thờ và chính quyền, nền kinh tế thị trường mang tính cạnh tranh và đóng góp từ thiện của cá nhân. Kết quả của các truyền thống này là việc thực thi qui định về thuế thu nhập trở thành nguồn hỗ trợ quan trọng nhất cho văn hóa nghệ thuật." Chính phủ Mỹ thường không chú trọng việc tài trợ trực tiếp cho lĩnh vực văn hóa. Bù lại, các doanh nghiệp, dòng họ lớn và cá nhân nổi tiếng của Mỹ thường tài trợ hoặc đóng góp hảo tâm cho văn hóa nghệ thuật. Những quỹ văn hóa lớn ở Mỹ như quỹ Rockefeller, Ford, John Simon Guggenheim Memorial Foundation, J. Paul Getty... đều là quỹ được cá nhân và dòng họ tạo dựng.

Trong hiến pháp của Mỹ, Tổng thống hay Quốc hội không được trao nhiệm vụ quản lý văn hóa; do đó, chính quyền trung ương hay các bang không can thiệp trực tiếp vào chính sách văn hóa. Các tiểu bang, tổ chức văn hóa công hoặc tổ chức văn hóa tư nhân tự hoạch định chính sách văn hóa, tùy theo điều kiện và tình hình cụ thể của từng đơn vị. Điều này đã tạo nên sự đa dạng, phong phú và năng động trong phát triển văn hóa ở Mỹ,

Mỹ là quốc gia theo quan điểm coi sản phẩm văn hóa là một loại hàng hóa. Điều này một phần do Mỹ là nước có nền kinh tế thị trường rất phát triển và do quan điểm của chủ nghĩa tự do trong kinh tế. Bên cạnh đó còn có thể kể đến truyền thống ủng hộ chủ nghĩa tự do cá nhân trong xã hội Mỹ. Việc tiêu dùng sản phẩm văn hóa được coi là lựa chọn của mỗi cá nhân, Nhà nước không có chu trương can thiệp. Chính vì vậy, thuế thu nhập ở Mỹ thấp hơn so với các nước châu Âu. Nhà nước không dùng ngân sách công đã tự giá cho nghệ thuật, cá nhân có nhu cầu thì bỏ tiền ra cho việc tiêu dùng cần sản phẩm văn hóa. Cũng vì vậy, sản phẩm văn hóa nghệ thuật thường có giá thành cao hơn so với những sản phẩm cùng loại trên thị trường châu Âu.

Với quan điểm văn hóa là hàng hóa nên ngành công nghiệp văn hóa ở Mỹ cũng giống các ngành công nghiệp khác khi đề cao mục tiêu lợi nhuận. Thông qua sản phẩm của công nghiệp văn hóa, đặc biệt là điện ảnh, âm nhạc và truyền

thông, Mỹ có ý muốn khuyến khích thương văn hoá Mỹ, các giá trị và lối sống Mỹ tới nhiều quốc gia khác.

2.1.2.2. Chính sách văn hoá của Mỹ

a/Cơ chế quản lý và tài chính

Nhà nước Liên bang không có Bộ Văn hoá nhưng các bang và tiểu bang có cơ quan chuyên trách về văn hoá.

Mỹ không có Bộ Văn hóa hay cơ quan tương tự ở cấp chính quyền liên bang để quản lý lĩnh vực văn hóa. Vì vậy, Chính phủ Mỹ không xây dựng chính sách văn hóa ở cấp độ quốc gia như các nước châu Âu và nhiều nước khác trên thế giới. Chính phủ không đặt ra mục tiêu, chiến lược chung về phát triển văn hóa. Ở mỗi bang có thể có những chính sách liên quan đến lĩnh vực văn hóa nhưng chính sách của các bang không hoàn toàn giống nhau. Xuống đến cấp cơ sở cũng có một số chính sách về hoạt động văn hóa nhưng qui mô điều chỉnh và phạm vi ảnh hưởng không lớn. Chính vì vậy, mỗi bang có mức chi cho văn hóa khác nhau, những bang có nền kinh tế phát triển như California có thể chi cho văn hóa nhiều hơn, nhưng cũng có những bang “nghèo” với mức chi cho văn hóa rất hạn chế. Nhìn chung, tuy Mỹ là một nước giàu nhưng Chính phủ không tài trợ nhiều cho nghệ thuật, trung bình tài trợ của Nhà nước chỉ chiếm khoảng 2% tổng thu nhập của các tổ chức văn hóa nghệ thuật. Đó là một tỉ lệ rất khiêm tốn nếu so sánh với mức tài trợ khoảng 50 - 60% của Chính phủ Anh hay mức 70 - 80% ở các nước Bắc Âu.

Tuy không có chính sách trực tiếp đối với văn hóa nhưng Mỹ cũng có những định hướng nhất định về văn hóa, chẳng hạn vấn đề xuất nhập khẩu sản phẩm văn hóa. Mỹ quan tâm đến việc đẩy mạnh lưu thông sản phẩm văn hóa trên qui mô toàn cầu thông qua các điều khoản trong luật thuế và các thỏa thuận song phương, đa phương giữa Chính phủ Mỹ và các nước. Ví dụ, Chính phủ không đánh thuế một số loại thu nhập và tiêu dùng của công dân trong các hoạt động quan đến văn hóa. Điều này đã khuyến khích hoạt động bảo trợ, tài trợ cho nghệ thuật và hoạt động thương mại văn hóa. Bên cạnh đó, Mỹ luôn chủ trương tự do hóa thương mại các sản phẩm văn hóa, tìm cách đưa các sản phẩm văn hóa Mỹ thâm nhập sâu rộng vào thị trường thế giới.

Ở Mỹ, mục tiêu của chính sách là hỗ trợ sự đa dạng và năng động của văn hóa. Mỗi tổ chức văn hóa nghệ thuật buộc phải chủ động và định hướng tới thị

trường để có thể tồn tại và phát triển. Tính đa dạng và năng động cũng thể hiện ở khía cạnh Chính phủ Mỹ hỗ trợ sự đa dạng trong các loại hình, phong cách văn hóa nghệ thuật hơn là ưu tiên một số loại hình hay phong cách cụ thể nào đó. Do hỗ trợ cho văn hóa nghệ thuật chủ yếu từ các tổ chức, quỹ và cá nhân nên tiêu chuẩn để đạt được những hỗ trợ này phụ thuộc vào sự quan tâm và thị hiếu của từng nhà tài trợ.

Chính quyền Mỹ đưa ra chính sách khuyến khích các quỹ, các công ty, các nhà từ thiện và các tổ chức văn hoá đầu tư cho các lĩnh vực văn hoá.

Mặt mạnh của mô hình chính sách văn hóa Mỹ là thúc đẩy sự năng động và đa dạng hóa nguồn thu nhập của các tổ chức văn hóa nghệ thuật. Tuy nhiên, chính sách này cũng có một số nhược điểm nhất định:

Thứ nhất, Nhà nước không chú trọng hỗ trợ các tiêu chuẩn về chất lượng nghệ thuật và không có khả năng định hướng các hoạt động văn hóa nghệ thuật có tầm quan trọng quốc gia.

Thứ hai, sự phát triển văn hóa của quốc gia không có điểm tựa nguồn ngân sách của Nhà nước mà phụ thuộc vào xu hướng của các nhà tài trợ và thị trường, từ đó dẫn đến sự phát triển thiếu bền vững và nhất quán trong lĩnh vực văn hóa. Ở mô hình này, tình trạng kinh tế của nghệ sỹ phụ thuộc vào giá cả và sức tiêu thụ của thị trường cũng như phụ thuộc vào thị hiếu và khả năng tài chính của các nhà tài trợ. Điều này khác hẳn với mô hình của các nước Bắc Âu như Hà Lan, Thụy Điển, nơi các nghệ sỹ được Nhà nước đảm bảo về tài chính một cách thường xuyên và ổn định.

b/Một số văn bản pháp luật về văn hoá

Trên cấp độ Nhà nước, Bộ Luật Công pháp số 80-209 ban hành từ năm 1965 đã thành lập Quỹ quốc gia về văn hoá và nhân văn, đồng thời xác định trách nhiệm của chính quyền Liên bang là hỗ trợ văn nghệ sỹ thông qua việc không chỉ tạo ra môi trường nhằm khuyến khích tự do trong sáng tạo, tư tưởng và sức tưởng tượng mà còn phải tạo điều kiện vật chất để họ bộc lộ tài năng sáng tạo. Những nguyên tắc chính của Bộ Luật này, gồm:

- Tăng cường sự tiếp cận của công dân với văn hoá.
- Khuyến khích các thành tựu cá nhân.
- Xây dựng cơ chế hỗ trợ tài chính của các bang và chính quyền cơ sở.

- Phối hợp giữa tài trợ của Nhà nước với các quỹ tư nhân.

Tổ chức Hội đoàn Mỹ (American Assembly) cũng đưa ra một khung chính sách văn hoá của Mỹ có tên gọi là "Nghệ thuật vì mục đích công cộng", trong đó xác định bốn nhiệm vụ cơ bản của văn hoá Mỹ đối với xã hội, cụ thể như sau:

Nghệ thuật giúp xác định tư cách một người Mỹ là thế nào bằng cách:

- Xây dựng nhận thức về bản sắc dân tộc.
- củng cố thực tế hiện thực đa nguyên của văn hoá Mỹ.
- Phát triển các giá trị dân chủ trong nước.
- Phát triển các giá trị dân chủ và hoà bình ở nước ngoài.

Nghệ thuật đóng góp cho việc nâng cao chất lượng cuộc sống và tăng trưởng kinh tế bằng cách:

- Làm cho các cộng đồng ở Mỹ được sống động và phồn vinh hơn.
- Tăng cường sự phồn thịnh của dân tộc ở trong nước.
- Tăng cường sự phồn vinh của dân tộc trong phạm vi toàn cầu.

Nghệ thuật giúp định hình tính công dân được giáo dục và có nhận thức bằng cách:

- Tăng cường sự hiểu biết trong một xã hội đa dạng.
- Phát triển các khả năng trong trường học và nơi làm việc.
- Phát triển tự do và trao đổi cởi mở về các tư tưởng và các giá trị.

Nghệ thuật làm phong phú đời sống cá nhân bằng cách:

- Khuyến khích sáng tạo, nâng cao tâm hồn và tiềm năng cá nhân.
- Cung cấp giải trí và thư giãn cho con người.

Một trong những định hướng rõ nhất của Chính phủ Mỹ đối với văn hoá là thông qua các điều khoản trong Luật thuế và trong các thoả thuận song phương và đa phương giữa Chính phủ Mỹ và các nước liên quan đến vấn đề hàng hoá. Luật thuế của Mỹ có những điều khoản cho phép việc miễn giảm thuế đối với những khoản đóng góp cho các quỹ từ thiện hay phát triển văn hoá. Đối với ngành công nghiệp văn hoá, nước Mỹ cũng thể hiện ý muốn của mình đối

với việc khuếch trương văn hoá Mỹ, các giá trị Mỹ thông qua các sản phẩm văn hoá, đặc biệt thông qua phim Hollywood, truyền thông và lĩnh vực công nghiệp âm nhạc. Nước Mỹ "thông qua sản phẩm văn hoá để thực hiện sự thống trị và xuất khẩu phương thức sinh hoạt và quan niệm giá trị của chủ nghĩa tư bản."

Bên cạnh đó, Mỹ cũng coi trọng văn hóa trong chính sách ngoại giao, coi ngoại giao văn hóa là một phần quan trọng trong chiến lược ngoại giao của Mỹ. Mỹ cho rằng: "chỉ bằng các hoạt động văn hóa thì tư tưởng của một quốc gia mới được bộc lộ một cách rõ nhất" và "chính sách ngoại giao văn hóa còn có thể nâng cao khả năng quan hệ chính trị bền vững, linh hoạt và rộng mở của Mỹ. Thực tế lịch sử cho thấy nền văn hóa phong phú đa dạng của nước Mỹ đã đóng góp vai trò không kém hoạt động quân sự trong việc củng cố vai trò lãnh đạo thế giới của đất nước này". Chính vì vậy, trong chính sách ngoại giao của Mỹ có mục tiêu làm cho các giá trị nghệ thuật của Mỹ thu hút được sự thích thú và ủng hộ của người dân trên khắp thế giới dù có sự khác biệt về chính trị.

Tóm lại, mô hình chính sách văn hóa Mỹ là một mô hình rất đặc thù, có nhiều điểm khác biệt với mô hình chính sách văn hóa của các nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam. Hiện nay, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam cần tâm hơn đến tác động của thị trường trong phát triển văn hóa nhằm phát huy tác động tích cực và giảm thiểu tác động tiêu cực của cơ chế này. Kinh nghiệm trong sử dụng chính sách thuế để khuyến khích các lực lượng xã hội đầu tư và tài trợ cho văn hóa là vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu và có những vận dụng phù hợp với điều kiện của nước ta.

2.2.Mô hình chính sách “Nhà bảo trợ”

2.2.1. Đặc điểm

Mô hình “Nhà bảo trợ” còn được gọi là mô hình quản lý văn hóa gián tiếp theo nguyên tắc “độ dài cánh tay” (Arm’s length principle). Bắt nguồn từ Vương quốc Anh, hiện nay mô hình này được các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách văn hóa trên thế giới chú ý nhiều hơn cả.

Ở mô hình “Nhà bảo trợ”, Nhà nước đóng vai trò của người bảo trợ, tương tự như vai trò bảo trợ cho văn hóa, nghệ thuật của các quý tộc phong kiến trước đây. Mục tiêu quan trọng hàng đầu của Chính phủ thường là nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp của nghệ thuật; do đó, tài trợ của Nhà nước thường

mang tính chọn lọc, nhằm vào một số tổ chức hoặc cá nhân tiêu biểu trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Mô hình này cũng có những điểm tương đồng với mô hình “Người tạo điều kiện” như: Nhà nước khuyến khích tài trợ của các doanh nghiệp và cá nhân cho văn hóa nghệ thuật thông qua các ưu đãi về thuế.

Mô hình “Nhà bảo trợ” có sự kết hợp giữa Nhà nước và xã hội trong việc hoạch định và thực thi chính sách văn hóa quốc gia, trong đó Nhà nước giao quyền và phân cấp cho ngành văn hóa để ngành có thể tự chủ trong hoạt động. Chẳng hạn, sau khi Chính phủ (Quốc hội) thông qua ngân sách hàng năm cho văn hóa từ nguồn ngân sách quốc gia, một hội đồng độc lập (thường là Hội đồng Nghệ thuật) sẽ chịu trách nhiệm phân phối nguồn ngân sách này cho các tổ chức, cá nhân hay các chương trình, hoạt động văn hóa cụ thể. Chính phủ thường đề cử đại diện trong các hội đồng nhưng thành phần chủ yếu của hội đồng là những chuyên gia về lĩnh vực nghệ thuật. Như vậy, Nhà nước vẫn đầu tư, tài trợ cho nghệ thuật nhưng không điều hành một cách cụ thể mang tính sự vụ và trực tiếp. Nói cách khác, Nhà nước luôn giữ một khoảng cách bằng “độ dài cánh tay” đối với lĩnh vực văn hóa.

Mô hình này hiện là xu thế quan trọng trong điều hành đời sống văn hóa của nhiều nước trên thế giới.” Các nước theo mô hình này gồm có Vương quốc Anh, các nước trong khối Thịnh vượng chung (Common Wealth) như Úc, Newzealand, Canada và một số nước khác ở châu Âu, Á, châu Phi như Hồng Kông, Hàn Quốc, Singapore, Nam Phi... Gần đây, nhiều nước khác cũng đã hình thành Hội đồng nghệ thuật và điều hành việc thực thi chính sách văn hóa qua Hội đồng này như các nước ở Đông Âu, Nam Âu, Cộng hòa liên bang Đức, Namibia, Malaysia...

Có thể khái quát đặc điểm của mô hình chính sách “Nhà bảo trợ” như sau::

- Quản lý văn hóa gián tiếp theo nguyên tắc “độ dài cánh tay”, Nhà nước đóng vai trò bảo trợ cho văn hóa
- Có sự kết hợp giữa Nhà nước và xã hội trong việc hoạch định và thực thi chính sách văn hóa quốc gia
- Thường có Hội đồng nghệ thuật chịu trách nhiệm phân phối nguồn ngân sách hàng năm của chính phủ phân bổ cho văn hóa
- Nhà nước luôn giữ khoảng cách đối với lĩnh vực văn hóa

2.2.2. Chính sách văn hóa Anh

2.2.2.1. Bối cảnh của Vương quốc Anh

Vương quốc Anh là một quốc đảo nằm ở phía Tây Bắc lục địa châu Âu. Về chế độ chính trị, Anh là một nước quân chủ lập hiến, trong đó vẫn tồn tại Hoàng gia nhưng thực quyền lãnh đạo đất nước thuộc về bộ máy chính quyền với Thủ tướng và nội các. Vương quốc Anh được hình thành từ 4 vùng đất là Anh, Scotland, Wales và Bắc Ireland, mỗi vùng đều có thủ đô riêng. Lịch sử lâu đời và rực rỡ của Anh đã tạo nên những di sản văn hóa phong phú như lâu đài, cung điện, công trình kiến trúc đặc sắc, tượng đài, công viên hoàng gia, các bộ sưu tập nghệ thuật và nhiều di sản văn hóa phi vật thể đa dạng. Mặt khác, do được tạo nên từ 4 vùng lãnh thổ nên bên cạnh việc đề cao những giá trị văn hóa chung của quốc gia, Vương quốc Anh chú trọng giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của từng khu vực. Chẳng hạn, ngôn ngữ và văn hóa truyền thống của xứ Wales, Bắc Ireland và Scotland được chính quyền trung ương và đặc biệt là chính quyền địa phương quan tâm và đầu tư thích đáng.

Vương quốc Anh từng là một đế quốc lớn với nhiều thuộc địa trên khắp thế giới. Chính vì vậy, Anh hiện đang lưu giữ nhiều hiện vật quý giá của các nền văn hóa, văn minh từ Ấn Độ và nhiều quốc gia châu Á, châu Phi. Trong thời gian qua, trên thế giới đã bùng nổ nhiều cuộc tranh luận về việc các nước như Anh cần trao trả những hiện vật văn hóa này về quốc gia “chính gốc” của chúng.

Một hệ quả khác của chế độ thuộc địa trước đây và quá trình giao lưu hội nhập hiện nay là việc nhập cư ồ ạt vào Anh của nhiều nhóm dân cư. Vì vậy, hiện nay Vương quốc Anh là một trong những nước rất đa dạng về chủng tộc, ngôn ngữ và văn hóa. Chính phủ Anh ngày càng quan tâm tới vấn đề này và chính sách văn hóa của Anh cũng hướng tới bảo vệ đa dạng văn hóa, trong đó có văn hóa của các nhóm thiểu số.

2.2.2.2. Chính sách văn hóa Anh

- Bộ máy quản lý về văn hóa

Về bộ máy quản lý Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, tháng 4 năm 1992 Bộ Di sản Quốc gia được thành lập, và đến tháng 7 năm 1997, Bộ này được đổi tên là Bộ Văn hóa, Truyền thông và Thể thao (Department for Culture, Media and Sport - DCMS). Đây là cơ quan cấp bộ có tuổi đời trẻ nhất trong bộ máy Chính phủ Vương quốc Anh. Bộ Văn hóa, Truyền thông và Thể thao là cơ quan của Chính

phủ có trách nhiệm hoạch định chính sách về nghệ thuật, thể thao, xổ số quốc gia, du lịch, thư viện, bảo tàng, gallery, phát thanh truyền hình và báo chí, các ngành công nghiệp sáng tạo trong đó có điện ảnh và âm nhạc, lĩnh vực cá cược và môi trường lịch sử. Bộ Văn hóa, Truyền thông và Thể thao được giao nhiệm vụ tổ chức các sự kiện văn hóa và thể thao lớn như Thế vận hội Olympic và Paralympic 2012. DCMS cũng chịu trách nhiệm trong việc thống kê các tòa nhà có ý nghĩa lịch sử và tượng đài cổ, quản lý cấp phép xuất khẩu các sản phẩm văn hóa, quản lý bộ sưu tập nghệ thuật của Chính phủ và các công viên hoàng gia.

Từ tháng 5 năm 2005, Bộ Văn hóa, Truyền thông và Thể thao Anh được chuyển giao trách nhiệm quản lý các ngành công nghiệp sáng tạo như thiết kế thời trang, quảng cáo và thị trường nghệ thuật từ Bộ Thương mại, Đổi mới và Kỹ năng (Department for Business, Innovation and Skills - BIS). Hiện nay, DCMS đang phối hợp với BIS quản lý lĩnh vực thiết kế, các trò chơi máy tính và ngành công nghiệp xuất bản.

Bộ Văn hóa, Truyền thông và Thể thao Anh cung cấp các khoản trợ cấp của Chính phủ cho hơn 60 cơ quan Chính phủ như các bảo tàng quốc gia, phòng trưng bày nghệ thuật ở Anh, Hội đồng Nghệ thuật Anh, Viện Điện ảnh Anh, Thư viện Anh quốc và nhiều cơ quan di sản và văn hóa quốc gia khác.

Chính phủ và Quốc hội Anh duy trì trách nhiệm lập pháp và ban hành chính sách cho toàn bộ Vương quốc Anh trong những lĩnh vực sau:

Các khoản thu ngoài thuế

Phát thanh - truyền hình

Kiểm soát xuất khẩu các sản phẩm văn hóa

Chương trình bảo vệ của Chính phủ (ví dụ: Bảo hiểm)

Xổ số quốc gia

Bản quyền cho thuê sách.

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng có thẩm quyền đối với các vấn đề của Liên minh châu Âu và quốc tế.

Do đặc điểm 4 vùng đất của Vương quốc Anh là Anh, Scotland, Wales và Bắc Ireland đều có quyền tự chủ nhất định nên hệ thống cơ quan quản lý văn hóa của từng vùng cũng có những thẩm quyền và trách nhiệm riêng.

- Mối quan hệ giữa Bộ Văn hóa, Truyền thông và Thể thao với Hội đồng Nghệ thuật Anh.

Hội đồng nghệ thuật Anh được thành lập năm 1946, sau đó, các Hội đồng nghệ thuật Scotland, Wales và Bắc Ireland được thành lập vào năm 1994. Hội đồng nghệ thuật là các cơ quan độc lập, không mang tính chính trị. Bên cạnh Hội đồng thường có Ủy ban tư vấn chuyên môn (Peer Committee) gồm các chuyên gia văn hóa và nghệ sĩ có uy tín về nghề nghiệp, chuyên môn và đạo đức. Tổ chức này có nhiệm vụ tư vấn, đánh giá việc xây dựng chính sách và các quyết định cấp ngân sách tài trợ cụ thể của Hội đồng nghệ thuật.

Hội đồng nghệ thuật Anh là cơ quan hoạt động vì nghệ thuật ở tầm cỡ quốc gia, hoạt động theo nguyên tắc “độ dài cánh tay” với Chính phủ. Điều này thể hiện ở các khía cạnh sau:

Bộ Văn hóa, Truyền thông và Thể thao hoạch định chiến lược chung và các chương trình mục tiêu lớn cho lĩnh vực văn hóa. Trên cơ sở đó, Hội đồng nghệ thuật xây dựng các chính sách cụ thể, kế hoạch triển khai và thực hiện việc phân bổ ngân sách Nhà nước cho từng lĩnh vực, từng loại hình nghệ thuật. Bộ Văn hóa, Truyền thông và Thể thao ký Thỏa thuận tài trợ với Hội đồng nghệ thuật, trong đó lồng ghép các mục tiêu giáo dục, khả năng tiếp cận văn hóa cho người dân và yêu cầu về chất lượng nghệ thuật. Đây là định hướng chung cho hoạt động của Hội đồng nghệ thuật trong xây dựng chính sách và phân phối nguồn tài trợ.

Bộ Văn hóa, Truyền thông và Thể thao thường xuyên “đối thoại” với Hội đồng nghệ thuật trong phát triển chính sách văn hóa. Cụ thể, Hội đồng nghệ thuật Anh tư vấn về chuyên môn cho Bộ Văn hóa và có trách nhiệm báo cáo hoạt động với Chính phủ. Hội đồng nghệ thuật Anh thường tham khảo ý kiến của Bộ trong những quyết định quan trọng. Ngược lại, Bộ Văn hóa, Truyền thông và Thể thao sẽ tư vấn và thông tin cho Hội đồng nghệ thuật về những thay đổi trong chính sách của Chính phủ có ảnh hưởng đến lĩnh vực văn hóa,

Hội đồng nghệ thuật Anh đặt hàng các tác phẩm mới, thực hiện nghiên cứu, tư vấn và cung cấp thông tin, phát triển nhận thức và hỗ trợ cho nghệ thuật ở Anh. Ba ưu tiên hàng đầu của Hội đồng nghệ thuật Anh hiện nay là: tăng cường khả năng tiếp cận văn hóa của người dân, nâng cao chất lượng nghệ thuật và phát triển giáo dục đào tạo trong lĩnh vực nghệ thuật.

Tương tự như vậy, ở các lĩnh vực khác đều có các tổ chức chuyên phụ trách về từng lĩnh vực và hoạt động ở khoảng cách “độ dài cánh tay” với Bộ Văn hóa, Truyền thông và Thể thao như: Viện Điện ảnh Vương quốc Anh, Hội đồng Thủ công, Ủy ban Bảo tàng và Triển lãm mỹ thuật.

- Cơ chế tài chính trong chính sách văn hóa Vương quốc Anh

Chính phủ Anh đã tài trợ cho văn hóa nghệ thuật từ năm 1946. Trước thời điểm này, ngoại trừ một số trường hợp ngoại lệ, hầu như khu vực văn hóa nghệ thuật tồn tại theo cơ chế dựa vào thị trường. Gần đây, tài trợ hàng năm của Chính phủ Anh cho văn hóa nghệ thuật được tăng cường. Trong năm 2001-2002, tài trợ của Nhà nước thông qua Bộ Văn hóa, Truyền thông và Thể thao đã vượt quá 1 tỉ bảng Anh.

Bên cạnh Bộ Văn hóa, Truyền thông và Thể thao còn có các Hội đồng Nghệ thuật như Hội đồng nghệ thuật Anh, Hội đồng nghệ thuật Wales, Scotland và Bắc Ireland. Hội đồng nghệ thuật phân phối nguồn ngân sách của Chính phủ, quyết định tiêu chuẩn tài trợ, đối tượng và mức tài trợ cụ thể cho các nghệ sĩ, tổ chức và dự án văn hóa. Như vậy, Hội đồng nghệ thuật hoạt động như “cánh tay nối dài” của Chính phủ trong việc phân chia nguồn tài trợ của Nhà nước.

Điểm mạnh của nguyên tắc và mô hình quản lý này là đảm bảo được tính độc lập tương đối của hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực văn hóa. Điều này tránh việc Bộ trưởng hay Thứ trưởng Bộ Văn hóa đưa ra các quyết định tài trợ bị ảnh hưởng bởi chính trị. Nguyên tắc này đã và đang là cơ chế tài chính cho nghệ thuật ở Vương quốc Anh từ hơn 50 năm nay.

Như vậy, hiện nay, các tổ chức văn hóa nghệ thuật ở Anh có 5 nguồn thu chính là: thu nhập từ việc bán vé các chương trình nghệ thuật, nguồn thu từ chính quyền trung ương, quỹ xổ số quốc gia, chính quyền địa phương và đóng góp của các doanh nghiệp, quỹ và cá nhân. Theo thống kê, trung bình tài trợ của Nhà nước chiếm khoảng 57%, trong khi 43% còn lại là các nguồn thu nhập khác của tổ chức. Tổng cộng, mỗi năm, chính quyền trung ương và địa phương chi khoảng 550 triệu Euro để hỗ trợ cho nghệ thuật, chưa kể phần ngân sách cho bảo tàng và thư viện. Mức chi hàng năm của Chính phủ cho nghệ thuật chiếm khoảng 0.5% tổng ngân sách quốc gia.²⁵

- Mục tiêu của chính sách văn hóa Vương quốc Anh

Mục đích cơ bản của chính sách văn hóa Vương quốc Anh nhằm đảm bảo mọi người đều có cơ hội nâng cao chất lượng sống thông qua các hoạt động văn hóa và thể thao, hỗ trợ chất lượng cao trong nghệ thuật và thúc đẩy mạnh mẽ ngành du lịch và công nghiệp sáng tạo, giải trí.

Để đạt được mục tiêu trên, Chính phủ Anh tìm cách tối đa hóa sự đóng góp của văn hóa, truyền thông và thể thao vào việc thực hiện những mục tiêu xã hội, kinh tế và giáo dục. Chính phủ đã xác định các mục tiêu hành động như sau:

Duy trì và phát triển chất lượng, sự đổi mới và khả năng sáng tạo, tạo ra một thị trường cạnh tranh và hiệu quả, phát triển lĩnh vực văn hóa, truyền thông và thể thao ở trong và ngoài nước;

Mở rộng khả năng cho mọi người tiếp cận hoạt động văn hóa, thể thao phong phú và đa dạng cũng như môi trường văn hóa đặc trưng của quốc gia;

Phát triển tiềm năng giáo dục của tài nguyên văn hóa và thể thao quốc gia, nâng cao tiêu chuẩn về giáo dục và đào tạo văn hóa, đảm bảo cung cấp đầy đủ nguồn nhân lực cho các ngành sáng tạo và du lịch;

Đảm bảo cho người dân có cơ hội phát triển tài năng và đạt được thành tích xuất sắc trong lĩnh vực văn hóa, truyền thông và thể thao;

Duy trì sự hỗ trợ của Nhà nước đối với xã hội quốc gia và đảm bảo những khoản tiền hỗ trợ cho các ưu tiên của Bộ Văn hóa, Truyền thông và Thể thao;

Thúc đẩy vai trò của văn hóa, truyền thông và thể thao trong quá trình xây dựng lại đô thị và nông thôn, duy trì sự ổn định và hạn chế sự tách biệt xã hội.

Tóm lại, mô hình chính sách văn hóa Anh kết hợp vai trò định hướng chiến lược của Nhà nước với việc thực thi chính sách tương đối độc lập của các tổ chức bán Chính phủ như Hội đồng Nghệ thuật Anh. Mô hình này thể hiện sự quan tâm phát triển văn hóa của Nhà nước đồng thời tôn trọng tính đặc thù của lĩnh vực văn hóa, đề cao sự tư vấn và điều hành của các chuyên gia về văn hóa nghệ thuật.

Phương thức quản lý văn hóa ở mô hình này hạn chế sự chỉ đạo mang tính tác nghiệp cụ thể và trực tiếp của cơ quan quản lý Nhà nước vào hoạt động chuyên môn. Chiến lược phát triển văn hóa của Anh nói riêng và nhiều nước châu Âu là: “mở rộng dân chủ, tôn trọng việc phân cấp phân quyền, khuyến khích tinh thần độc lập và tự do sáng tạo”. Chủ trương này thực sự trở thành

động lực thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của văn hóa nghệ thuật. Đây là bài học lớn cho nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Tuy nhiên, một trong những nhược điểm của mô hình chính sách văn hóa Anh là thiếu các cơ quan quản lý Nhà nước về văn hóa ở cấp thấp hơn như cấp quận/huyện, phường/xã ở Việt Nam. Điều này tuy giảm nhẹ bộ máy cơ quan hành chính nhưng cũng gây những khó khăn nhất định trong việc quản lý và triển khai hoạt động văn hóa, nhất là ở cấp cơ sở.

2.3. Mô hình chính sách “Kiến trúc sư”

2.3.1. Đặc điểm

Mô hình “Kiến trúc sư” còn gọi là mô hình “Phúc lợi Nhà nước”. Các nhà nghiên cứu cho rằng các nước Bắc Âu như Thụy Điển, Phần Lan, Na Uy, Đan Mạch và một số nước khác như Pháp, Hà Lan đã đi theo mô hình này cho đến những năm 1990.

Mô hình này thể hiện vai trò quan trọng của Nhà nước trong phát triển văn hóa. Theo mô hình “Kiến trúc sư”, Nhà nước hoạch định chiến lược phát triển văn hóa thông qua Bộ hay Phòng Văn hóa. Mục tiêu về phát triển văn hóa thường thống nhất với các mục tiêu chung của quốc gia. Theo qui trình hoạch định chính sách văn hóa, các vấn đề về văn hóa thường được đưa ra thảo luận rộng rãi trong xã hội, sau đó được Bộ Văn hóa tổng hợp và trình lên Chính phủ phê duyệt. Chính sách văn hóa thường được xây dựng để phục vụ mục tiêu dân chủ vì phát triển nền dân chủ là một mục tiêu xã hội quan trọng.

Các nước theo mô hình “Kiến trúc sư” thường hỗ trợ văn hóa nghệ thuật như một phần của mục tiêu chung về phúc lợi xã hội, dựa trên truyền thống lịch sử của văn hóa Tây Âu. Nhà nước coi bình đẳng về quyền lợi văn hóa cho người dân cũng quan trọng như bình đẳng về quyền lợi kinh tế. Để đạt được mục tiêu phúc lợi xã hội, Chính phủ đưa ra chính sách khuyến khích và hỗ trợ mọi người dân phát triển khả năng sáng tạo nghệ thuật và tiếp cận các sản phẩm, hoạt động văn hóa. Chính sách văn hóa cũng nhằm đảm bảo tự do về nghệ thuật thông qua việc tài trợ một cách hệ thống cho nghệ sỹ và tổ chức nghệ thuật. Nhà nước thường lồng ghép vấn đề văn hóa trong bộ luật về giáo dục, an sinh xã hội và phát triển đô thị.

Về cơ chế tài chính, ở mô hình này, Nhà nước hỗ trợ cho văn hóa trực tiếp thông qua Bộ Văn hóa. Một số nước theo mô hình “Kiến trúc sư” cũng có thể có

Hội đồng Nghệ thuật Quốc gia hay Hội đồng Văn hóa với thành phần là các học giả, nhà nghiên cứu và nghệ sỹ nổi tiếng. Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn với Chính phủ về chính sách, luật pháp, kể cả quyết định tài trợ cho các lĩnh vực văn hóa nghệ thuật và nghệ sỹ. Ý kiến về mặt chuyên môn của hội đồng luôn được cơ quan quản lý Nhà nước về văn hóa tôn trọng. Riêng với trường hợp Pháp thì Bộ Văn hóa là cơ quan tài trợ trực tiếp cho văn hóa mà không thông qua Hội đồng nghệ thuật. Nói cách khác, nhân viên trong hệ thống quản lý hành chính Nhà nước sẽ ra quyết định cấp phát nguồn tài trợ của Chính phủ.

Về tiêu chuẩn tài trợ, mô hình “Kiến trúc sư” thường hỗ trợ những bộ phận nghệ thuật đạt tiêu chuẩn về chất lượng được xác định bởi cơ quan quản lý có thẩm quyền. Điều này tạo ra các định hướng rõ ràng cho nghệ sỹ và tổ chức văn hóa. Tuy nhiên, việc cũng nhắc trong xác định tiêu chuẩn có thể dẫn đến sự trì trệ trong sáng tạo văn hóa nghệ thuật đương đại.

Mô hình “Kiến trúc sư” chủ trọng việc thành lập hiệp hội nghề nghiệp cho nghệ sỹ. Những tổ chức này có vai trò tác động tới chính quyền để thực hiện các mục tiêu chung cũng như luật pháp cụ thể trong lĩnh vực văn hóa.

Tình trạng kinh tế của nghệ sỹ ở các quốc gia theo mô hình “Kiến trúc sư” được quyết định bởi việc trở thành thành viên trong hiệp hội nghề nghiệp của Nhà nước. Khi là thành viên của các hiệp hội, nghệ sỹ sẽ trở thành nhân viên của Nhà nước và được đảm bảo về thu nhập như lương, trợ cấp... Tình trạng kinh tế của các tổ chức nghệ thuật được quyết định chủ yếu bởi ngân sách trực tiếp của Chính phủ. Thu nhập từ bản vẽ và đóng góp từ thiện chiếm một tỉ lệ nhỏ trong tổng thu nhập của các tổ chức này.

Ưu điểm của mô hình “Kiến trúc sư” là giúp nghệ sỹ và tổ chức nghệ thuật có nguồn thu nhập ổn định, không bị phụ thuộc vào thị trường và nguồn tài trợ cá nhân như ở mô hình “Người tạo điều kiện” và mô hình “Nhà bảo trợ”. Do đó, họ có thể tập trung tốt hơn cho hoạt động sáng tạo văn hóa nghệ thuật. Hơn nữa, vị thế của nghệ sỹ được khẳng định và đề cao trong chính sách hỗ trợ xã hội.

Tuy nhiên, hạn chế của mô hình này thể hiện ở chỗ việc đảm bảo các khoản tài trợ trực tiếp và dài hạn có thể dẫn đến sự “chây lười”, trì trệ trong nghệ sỹ và tổ chức văn hóa nghệ thuật.

Có thể khái quát đặc điểm của mô hình chính sách Kiến trúc sư như sau:

- Một dạng mô hình phúc lợi nhà nước, nhà nước đóng vai trò quan trọng trong phát triển văn hóa
- Nhà nước hoạch định chiến lược phát triển văn hóa
- Nhà nước hỗ trợ cho văn hóa trực tiếp thông qua Bộ Văn hóa
- Chú trọng thành lập các hiệp hội nghề nghiệp cho văn nghệ sĩ thuộc Nhà nước quản lý và nhận chính sách tài trợ cho các dự án văn hóa, nghệ thuật.

2.3.2. Chính sách văn hóa Pháp

2.3.2.1. Bối cảnh của nước Pháp

Về bối cảnh địa lý - chính trị, Pháp là nước có lãnh thổ lớn nhất trong liên minh châu Âu. Với vị trí địa lý đặc thù, Pháp có điều kiện thuận lợi trong giao lưu thương mại và văn hóa với các quốc gia khác. Chính vì vậy, nước Pháp thường được ví như một bức tranh trạm khảm với nhiều vùng, mỗi vùng có bản sắc, ngôn ngữ và truyền thống riêng.

Pháp là Nhà nước dân chủ đại nghị mà cơ quan đại diện chính là Hạ viện và Thượng viện. Hệ thống hành chính của Pháp dựa trên việc phân chia lãnh thổ thành 96 khu hành chính (départements) và 21 vùng (regions), ngoài ra còn có các vùng lãnh thổ hải ngoại. Các cấp chính quyền địa phương cùng chia sẻ nghĩa vụ và quyền lực với chính quyền trung ương theo cơ chế trao quyền bắt đầu từ những năm 1980. Mặc dù đã có những cải cách theo hướng phi tập trung hóa, Pháp vẫn là một trong những quốc gia có mức độ tập trung hóa cao nhất châu Âu. Điều này đã ảnh hưởng đến chính sách văn hóa và phương thức quản lý văn hóa quốc gia.

Về bối cảnh chính sách văn hóa, chính quyền Pháp có truyền thống lâu đời trong việc quản lý tập trung và hỗ trợ rộng rãi cho văn hóa nghệ thuật. Từ thế kỉ 16 đến nay, Nhà nước luôn nằm ở vị trí trung tâm trong đời sống văn hóa Pháp, đồng thời là cơ quan kiểm soát và quản lý văn hóa. Nhà nước chú trọng thiết lập các cơ quan hành chính từ trung ương đến địa phương và dành ngân sách Nhà nước thích đáng cho lĩnh vực văn hóa. “Chủ nghĩa can thiệp” này có nguồn gốc từ chế độ quân chủ; trong đó, quyền lực của nhà vua không chỉ là bảo vệ, bảo trợ cho nghệ thuật mà còn là kiểm duyệt nghệ thuật. Truyền thống này đã ảnh hưởng sâu sắc đến mối giữa chính quyền và cộng đồng nghệ thuật ở Pháp suốt trong nhiều thế kỷ.

2.3.2.2. Chính sách văn hóa Pháp

- Bộ máy quản lý Nhà nước về văn hóa

Bộ Văn hóa Pháp ra đời năm 1959, đánh dấu bước phát triển của quan điểm cho rằng văn hóa và tham gia vào hoạt động văn hóa là vấn đề cốt lõi của mọi công dân. Quyền được tiếp cận với văn hóa, được khẳng định trong Hiến pháp năm 1946, là một trong những định hướng quan trọng của Bộ Văn hóa. Theo đó, Bộ đã xác định mục tiêu phân phối cơ sở hạ tầng và sản phẩm văn hóa một cách bình đẳng hơn cho mọi người dân.

Nhìn chung, Bộ Văn hóa Pháp luôn quan tâm đến bảo vệ di sản, sáng tạo nghệ thuật đương đại, tuyên truyền và đào tạo, điều tiết thị trường các ngành kinh doanh văn hóa và tiến hành quá trình phi tập trung hóa về mặt hành chính, nghĩa là chuyển giao quyền lực và các nguồn lực từ trung ương xuống địa phương trong khi vẫn duy trì sự quản lý của Chính phủ.

Trong suốt 40 năm qua, chính quyền địa phương và vùng đã tăng chi tiêu cho văn hóa. Trong một thời gian dài, Chính quyền sở hữu nhiều cơ sở văn hóa như bảo tàng, nhà hát, thư viện và cơ sở đào tạo nghệ thuật. Chính quyền địa phương - hội đồng thị trấn hoặc thành phố quản lý hầu hết cơ sở văn hóa ở địa phương, tổ chức nhiều sự kiện văn hóa ở địa phương, đồng thời hợp tác với Bộ Văn hóa trong các hoạt động văn hóa quốc gia. Hiện nay, chính quyền địa phương là nguồn cung cấp tài chính chủ yếu cho lĩnh vực văn hóa. Được Bộ Văn hóa khuyến khích, các thành phố, tỉnh và vùng đã tham gia tích cực vào việc xây dựng chính sách văn hóa địa phương, tăng cường tính độc lập, tự chủ trong hoạt động quản lý văn hóa.

Trong Chính phủ Pháp, Bộ trưởng Văn hóa tham gia vào việc xác định và thực hiện chính sách quốc gia và chịu trách nhiệm về các vấn đề văn hóa. Nhiệm vụ của Bộ trưởng là xác định những ưu tiên và định hướng chung cho hoạt động của Bộ. Theo đó, Bộ trưởng quyết định phân bổ tài chính giữa các vụ và giám sát việc phân bổ đó. Việc phân bổ tài chính được xác định trong giai đoạn dự thảo ngân sách và phải tuân theo những định hướng chung do Chính phủ đề ra và được Quốc hội phê chuẩn. Bộ Văn hóa không phải là cơ quan Chính phủ duy nhất thực hiện công việc hỗ trợ tài chính cho văn hóa. Một số Bộ khác cũng phân bổ nguồn tài chính đáng kể cho hoạt động văn hóa như: Bộ Thanh niên, Giáo dục và Nghiên cứu, Bộ Ngoại giao. Nguồn tài chính này có thể được phân bổ trực tiếp hoặc gián tiếp. Nhiều dự án văn hóa do các Bộ khác đề xuất và thực hiện như: đào tạo nghệ

thuật, bảo tồn các bảo tàng quốc gia, thư viện quốc gia, di sản, cơ quan lưu trữ, các sáng kiến văn hóa bên ngoài nước Pháp, truyền thông...

Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm về vấn đề trao đổi văn hóa và ngôn ngữ, dạy tiếng Pháp ở ngoài phạm vi lãnh thổ Pháp thông qua một mạng lưới tổ chức văn hóa Pháp, trường học Pháp, Alliance Francaise (các trung tâm Alliance) và cơ quan đào tạo tiếng Pháp.

- Một số nội dung quan trọng trong chính sách văn hóa Pháp

Theo quan điểm của Chính phủ Pháp, đa dạng văn hóa phải được xem xét trong mối quan hệ với toàn cầu hóa. Khía cạnh đa dạng văn hóa trước tiên là một vấn đề của bản sắc văn hóa. “Các hàng hóa và dịch vụ văn hóa có vai trò thiết yếu trong bảo vệ bản sắc của dân tộc và xã hội. Chúng làm cơ sở cho các giá trị, ý tưởng và ý nghĩa. Bản chất đặc biệt của chúng phải được thừa nhận. Chúng không phải là hàng hóa có thể mua bán như những sản phẩm khác”. Tầm quan trọng của đa dạng văn hóa cũng được đề cập nhằm thúc đẩy các ngành kinh doanh văn hóa. Hơn nữa, đa dạng văn hóa phù hợp với yêu cầu chính trị vì đảm bảo tính đa nguyên của tư tưởng. Đa dạng văn hóa và ngoại lệ trong lĩnh vực văn hóa có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. “Ngoại lệ văn hóa không phải là khái niệm “đặc thù Pháp”, nó tương đồng với mong muốn bảo vệ mọi nền văn hóa. Theo quan điểm này, nó là cơ sở cho đa dạng văn hóa”.

Đầu thế kỷ XXI, chính sách văn hoá của Pháp tập trung vào 4 chủ đề:

- Đa dạng văn hoá
- Tiếp cận bình đẳng thông qua giáo dục nghệ thuật và văn hoá.
- Cải tổ Nhà nước và phi tập trung hoá chính sách văn hoá. Quan tâm đến các vấn đề văn hoá khu vực.
- Bản quyền trí tuệ và nghệ thuật trong bối cảnh toàn cầu hoá công nghệ số.

Tóm lại, Pháp có đặc điểm riêng về bộ máy quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa cũng như cơ chế quản lý và cơ chế tài chính cho lĩnh vực này. Do đề cao vai trò của Nhà nước trong sự nghiệp phát triển văn hóa quốc gia, mặt mạnh của mô hình này là có sự chỉ đạo, định hướng và hỗ trợ thích đáng của Chính phủ.

Tuy nhiên, do bộ máy quản lý hành chính tương đối cồng kềnh nên có thể dẫn đến những quan liêu, trì trệ nhất định. Một điểm yếu nữa là do có sự tài trợ

thường xuyên, ổn định của Chính phủ nên dễ tạo ra sự trì trệ, kìm hãm sự năng động, sáng tạo của nghệ sỹ và tổ chức văn hóa nghệ thuật.

Việt Nam từng là thuộc địa của Pháp nên mô hình quản lý văn hóa Pháp có nhiều ảnh hưởng đến nước ta, đặc biệt trong việc tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về văn hóa và vai trò của Nhà nước trong điều hành tập trung, thống nhất lĩnh vực văn hóa. Phương thức này tạo những thuận lợi cho phát triển văn hóa, đồng thời có những hạn chế nhất định. Bài học về cải cách hành chính và xu hướng phi tập trung hóa trong quản lý văn hóa của Pháp là bài học kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam, đặc biệt khi nước ta chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay.

2.4. Mô hình chính sách “Kỹ sư”

2.4.1. Đặc điểm

Mô hình “Kỹ sư” còn được gọi là mô hình “Kế hoạch hóa tập trung”. Theo các nhà nghiên cứu chính sách văn hóa phương Tây, đây là mô hình quản lý văn hóa của Liên xô và các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa trước đây.

Ở mô hình này, Nhà nước đóng vai trò của một “kỹ sư”, nghĩa là Nhà nước thiết kế hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước về văn hóa, các đơn vị sự nghiệp và hiệp hội về văn hóa. Các thiết chế và tổ chức này tạo thành một cỗ máy, tất cả đều vận hành theo sự điều hành tập trung của Nhà nước, nhằm đạt được mục tiêu, đường lối chung mà Nhà nước vạch ra.

Theo mô hình này, Nhà nước bao cấp toàn bộ cho văn hóa nghệ thuật và có quan điểm gắn liền văn hóa với chính trị, tư tưởng. Văn hóa được coi là một công cụ quan trọng trong việc truyền bá hệ tư tưởng chính thống và củng cố hệ thống chính trị quốc gia.

Chính phủ tài trợ cho các hoạt động và sản phẩm văn hóa đáp ứng yêu cầu về mặt tư tưởng và chính trị của chính thể. Vì vậy, mục tiêu chính trị luôn là ưu tiên hàng đầu. Hàng năm, Nhà nước đặt kế hoạch hoạt động một cách tập trung cho các tổ chức, đơn vị văn hóa nghệ thuật. Nhà nước cũng đứng ra quản lý khâu phân phối sản phẩm văn hóa và bao tiêu toàn bộ sản phẩm. Do đó, các tổ chức nghệ thuật dễ rơi vào tình trạng “chây lười” và thường rất ít liên hệ với thị trường và khán giả.

Sở hữu trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật chủ yếu tồn tại dưới hình thức sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể. Nói cách khác, Nhà nước sở hữu các phương tiện

sản xuất và phân phối sản phẩm văn hóa. Hầu như không có đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp văn hóa nghệ thuật thuộc khu vực tư nhân hay phi Chính phủ. Tình trạng kinh tế của nghệ sỹ tùy thuộc vào việc họ có là thành viên của Đảng cầm quyền và các hiệp hội do Nhà nước thành lập hay không. Khi đã là thành viên, họ có quyền lợi như được hưởng lương và các khoản trợ cấp thường xuyên. Nguồn tài chính trung tâm cho các tổ chức nghệ thuật đều từ ngân sách Nhà nước.

Trước biến động về kinh tế - chính trị - xã hội cuối những năm 1980, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và các khu vực khác đã áp dụng mô hình này, với sự quản lý mang tính độc quyền của Nhà nước và xu hướng “đơn văn hóa” trong đời sống văn hóa quốc gia.”

Sau khi Liên Xô cũ và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, Liên bang Nga và các nước Đông Âu đã xây dựng chính sách văn hóa mới phù hợp với thể chế chính trị hiện nay ở mỗi nước.

Như vậy, hiện nay, mô hình chính sách văn hóa theo kiểu “Kế hoạch hóa tập trung” hay mô hình “Kỹ sư” không còn tồn tại. Người ta chỉ còn nhắc đến mô hình này khi đề cập đến quá trình phát triển và lịch sử các mô hình chính sách văn hóa.

Một số nước vẫn kiên trì đi theo chủ nghĩa xã hội ở châu Á như Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Việt Nam. Các nước này đã và đang tiến hành công cuộc đổi mới, cải cách toàn diện để xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường với sự điều tiết của Nhà nước.

Có thể khái quát đặc điểm mô hình chính sách Kỹ sư như sau:

- Được gọi là mô hình “kế hoạch hóa tập trung”
- Nhà nước thiết kế hệ thống cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp và các hiệp hội văn hóa
- Nhà nước bao cấp toàn bộ văn hóa, nghệ thuật
- Mục tiêu chính trị được đặt lên hàng đầu, văn hóa, văn nghệ là công cụ truyền bá tư tưởng chính thống

2.4.2. Chính sách văn hóa Liên Xô

Một ví dụ của mô hình “Kỹ sư” là chính sách văn hóa của Liên bang Xô viết trước đây. Trong thời gian giữa Cách mạng cộng sản năm 1918 và 1932, Chính phủ Xô viết đã đóng vai trò của “Kiến trúc sư”. “Hội đồng khai sáng nhân dân” nhìn

nhận văn hóa nghệ thuật như một phần quan trọng trong sự phát triển của nhân loại. Lực lượng công nhân là thành phần cách mạng cơ bản của chế độ, được coi là chủ sở hữu của “các phương tiện sáng tạo nghệ thuật”. Tuy vậy, họ được coi là chưa có năng lực để vận hành hay sử dụng các phương tiện này, Do đó, trước tiên họ cần được giáo dục thông qua sự tiếp cận với nghệ thuật của chủ nghĩa tư bản trong quá khứ, sau đó, nghệ thuật của giai cấp công nhân chân chính sẽ được nảy nở.

Vào năm 1932, với Kế hoạch năm năm lần thứ hai của Joseph Stalin, quá trình công nghiệp hóa và nhu cầu phát triển xã hội chủ nghĩa mới đã làm thay đổi vai trò của Chính phủ từ “Kiến trúc sư” sang “Kỹ sư”:

“Trang thứ hai này trong chính sách văn hóa xã hội chủ nghĩa đã thể hiện sự phát triển của Cương lĩnh chính trị của Chủ nghĩa hiện thực xã hội.... [mà] giảm nhẹ quan điểm cho rằng “các phương tiện sản xuất” trong lĩnh vực nghệ thuật thuộc về quần chúng nhân dân, thay thế cho tư tưởng coi sản phẩm cuối cùng, tác phẩm nghệ thuật, là tài sản của tầng lớp nhân dân lao động. Dưới chương trình này, trách nhiệm xã hội của nghệ sỹ nằm ở việc “đập úng hay làm hài lòng” “các chủ sở hữu”, Đó là việc tạo ra các tác phẩm mà ngay lập tức được chấp nhận bởi đông đảo công chúng.” (Ủy ban Giáo dục, Khoa học và Nghệ thuật, 1982)

Do đó, các tác phẩm nghệ thuật được sáng tạo trong thời kỳ Liên bang Xô viết phải mang tính hiện thực chủ nghĩa xã hội; nghĩa là, về hình thức phải hiện thực và nội dung phải mang tính xã hội chủ nghĩa. Hoạt động nghệ thuật được tổ chức bởi các “Hiệp hội sáng tạo” nhằm đảm bảo sự tuân thủ nguyên tắc về thẩm mỹ của Đảng cộng sản. Tình trạng kinh tế của nghệ sỹ được quyết định bởi tư cách thành viên trong các hiệp hội nghệ sỹ được Đảng chính thức công nhận. Bất cứ ai không là thành viên của các hiệp hội như vậy sẽ bị hạn chế về nhiều loại quyền lợi. Nghệ sỹ sáng tác tác phẩm không phù hợp sẽ bị đưa ra khỏi hiệp hội và không được nhìn nhận như nghệ sỹ chính thống. Một hình thức của quyền tác giả, xuất phát từ thời nội chiến, là chỉ trả tiền một lần cho người sáng tạo, tuy họ vẫn được tiếp tục bảo lưu quyền đạo đức đối với tác phẩm của mình. Không có các khoản chi phí sau đó cho tác giả bởi tác phẩm nghệ thuật thuộc về nhân dân, nghĩa là nó thuộc phạm vi sản phẩm công cộng.

Có thể thấy, Liên Xô (cũ) đã thực thi quan điểm gắn văn hóa nghệ thuật với hệ tư tưởng và chính trị; do đó, chính sách văn hóa luôn gắn với việc đáp ứng mục tiêu tư tưởng, chính trị của Nhà nước và Đảng cầm quyền. Nhà nước phát động các

phong trào văn hóa nghệ thuật rộng rãi để phổ biến quan điểm chính trị, xã hội và tư tưởng đến đông đảo quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, văn hóa xã hội chủ nghĩa thường nhấn mạnh đến tính Đảng, tính xã hội. Trong xã hội tồn tại quan niệm phổ biến cho rằng văn hóa là một yếu tố cấu thành nên hệ thống chính trị và hệ tư tưởng.

Ở Liên Xô (cũ), Nhà nước sở hữu tất cả phương tiện sáng tạo nghệ thuật và chỉ hỗ trợ những bộ phận nghệ thuật đáp ứng được tiêu chuẩn mang tính chính trị. Tất cả thiết chế văn hóa, tư liệu sản xuất, tài sản văn hóa đều thuộc quyền sở hữu của Nhà nước và sở hữu tập thể. Nhà nước bao cấp hoàn toàn cho văn hóa nghệ thuật. Quyết định cấp tài trợ là của các nhà lãnh đạo chính trị với mục tiêu đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục về chính trị. Sự năng động trong chính sách của các quốc gia theo mô hình “Người kỹ sư” là sự nhìn nhận lại các quyết định tài trợ một cách thường xuyên để sửa đổi chúng cho phù hợp với các thay đổi trong đường lối của Đảng.

Ở Liên bang Xô viết (cũ), Chính phủ hỗ trợ toàn bộ chi phí cho hoạt động nghệ thuật, do đó tổ chức nghệ thuật có nhiều thời gian để luyện tập cho một tác phẩm. Trong khi đó, ở các nước thiếu sự hỗ trợ của Nhà nước, tổ chức nghệ thuật luôn phải đối mặt với sức ép về thời gian và chi phí xây dựng tác phẩm. Như vậy, Nhà nước đã bù lỗ để lấp đầy khoảng cách giữa chi phí xây dựng tác phẩm và thu nhập từ tác phẩm thông qua bản vẽ,

Về cơ chế vận hành, Nhà nước giao kế hoạch hoạt động cho các tổ chức, cơ quan, đơn vị và thiết chế văn hóa nghệ thuật. Sản phẩm của chúng cũng thuộc quyền sở hữu Nhà nước hoặc sở hữu tập thể của đơn vị văn hóa nghệ thuật làm ra sản phẩm đó,

Như vậy, ở trường hợp của Liên bang Xô viết (cũ), hệ thống văn hóa như một cỗ máy, mỗi nghệ sỹ là một bộ phận trong cỗ máy đó. Tất cả đều vận hành nhằm thực hiện những mục tiêu chính trị - xã hội chung. Do đó, hoạt động văn hóa có định hướng cụ thể và đó cũng là tiêu chuẩn tài trợ của Nhà nước. Trong khi đó, ở mô hình “Người tạo điều kiện” như trường hợp của Mỹ, Nhà nước không có những tiêu chuẩn xác định cho việc tài trợ mà những quyết định này thuộc về cá nhân và tổ chức tài trợ.

Có thể thấy, vai trò của “Kỹ sư” là tập trung năng lượng sáng tạo của nghệ sỹ để hướng tới các mục tiêu chính trị. Bên cạnh một số điểm mạnh, vai trò này có

thể dẫn đến nhược điểm như: mục tiêu nghệ thuật trở nên thứ yếu so với mục tiêu chính trị, việc gắn chặt văn hóa với hệ tư tưởng và chính trị có thể ảnh hưởng đến triển độc lập của lĩnh vực này.

Câu hỏi ôn tập

1. Phân tích đặc điểm mô hình chính sách văn hóa “Người tạo điều kiện” và minh họa bằng chính sách văn hóa Mỹ?
2. Phân tích đặc điểm mô hình chính sách văn hóa “Nhà bảo trợ” và minh họa bằng chính sách văn hóa Vương quốc Anh?
3. Phân tích đặc điểm mô hình chính sách văn hóa “Kiến trúc sư và minh họa bằng chính sách văn hóa Pháp?
4. Phân tích đặc điểm mô hình chính sách văn hóa “Kỹ sư” và minh họa bằng chính sách văn hóa của Liên Xô (cũ)?

Chương 3

MỘT SỐ MÔ HÌNH CHÍNH SÁCH VĂN HÓA TIÊU BIỂU Ở PHƯƠNG ĐÔNG

3.1. Mô hình chính sách văn hóa Trung Quốc

3.1.1. Bối cảnh Trung Quốc

Hiện nay, Trung Quốc là quốc gia đông dân nhất thế giới với dân số hơn 1,3 tỉ người (bằng 1/5 dân số thế giới). Về văn hoá Trung Quốc là một trong những “cái nôi” văn minh của nhân loại, một trong những nền văn minh cổ nhất trên thế giới.

Trong thế giới cổ đại phương Đông xuất hiện bốn nền văn hóa lớn gồm Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ và Trung Hoa. Sự xuất hiện của bốn trung tâm văn hóa lớn và những thành tựu văn hóa và các quốc gia cổ đại này đạt được đã đánh dấu một bước tiến dài của xã hội loài người trong tiến trình phát triển của văn minh nhân loại. Một trong bốn trung tâm văn hóa lớn đó là Trung Hoa. Mặc dù văn minh Trung Hoa được xem là nền văn minh xuất hiện sớm trên thế giới nhưng so với các trung tâm văn minh khác ở phương Đông thì xuất hiện muộn hơn (khoảng cuối thiên niên kỉ thứ III TCN). Tuy vậy, không trầm mặc, cổ kính như Ấn Độ, huyền bí như Ai Cập mà văn hóa của Trung Hoa thời cổ - trung đại này mang những sắc thái riêng và đậm màu sắc Trung Hoa (cổ - trung đại). Một nền văn hóa phát triển rực rỡ và những thành tựu văn hóa mà Trung Hoa đem lại không những có giá trị to lớn ở thời kì cổ trung đại mà còn có giá trị ở cả thời kì sau này. Điều này được thể hiện rõ khi nghiên cứu và làm rõ những giá trị của những thành tựu văn hóa cũng như sức ảnh hưởng của nó đến văn hoá của các quốc gia khác.

Lịch sử hơn 5000 năm của Trung Quốc đã để lại một di sản văn hóa đồ sộ và phong phú. Bên cạnh đó, Trung Quốc được tạo nên từ 56 tộc người khác nhau nên bản sắc văn hóa của các dân tộc đã tạo thành bức tranh văn hóa quốc gia đa dạng.

Ngày 01-10-1919, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập với sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc (CPC). Trung Quốc lựa chọn con đường đi theo chủ nghĩa xã hội và hướng tới mục tiêu xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Trong lịch sử phát triển văn hoá của Trung Quốc, vào giai đoạn 1966-1976 nền văn hoá của Trung Quốc gặp phải một thử thách vô cùng to lớn là thời kỳ Đại cách mạng văn hoá, nó được gọi là bước lùi của lịch sử Trung Hoa.

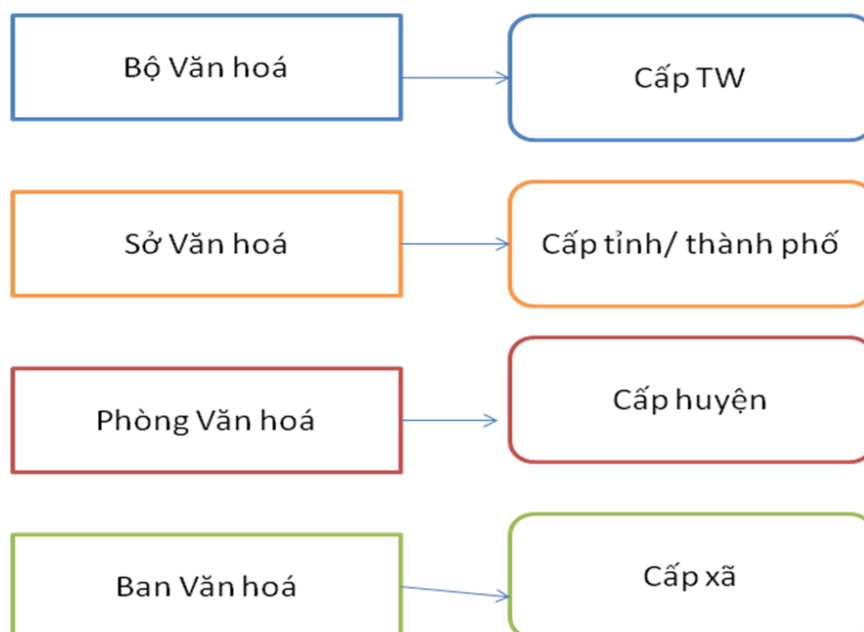
Sang những năm 1990, với nhiều cải cách mạng tính cách mạng, kinh tế Trung Quốc đã có bước phát triển nhảy vọt. Hiện nay, Trung Quốc là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh đồng thời là nền kinh tế lớn thứ 3 trên thế giới, đứng thứ hai về xuất khẩu và đứng thứ ba về nhập khẩu hàng hóa.

Năm 2001, Trung Quốc chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) sau 15 năm phấn đấu và vận động. Từ đây, Trung Quốc có nhiều điều kiện để hội nhập với kinh tế thế giới nhằm phát triển kinh tế của đất nước, Chính sách văn hóa và cơ chế quản lý văn hóa của Trung Quốc cũng được điều chỉnh mạnh mẽ để phù hợp và đáp ứng yêu cầu của thời đại mới.

3.1.2. Chính sách văn hóa Trung Quốc

a/ Bộ máy quản lý Nhà nước về văn hóa

Với mô hình quản lý văn hóa ở Trung Quốc, Nhà nước là chủ thể quản lý và giữ vai trò trung tâm trong đời sống văn hóa quốc gia. Sự quản lý về văn hóa của Nhà nước đi liền với sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Nhà nước xây dựng bộ máy quản lý Nhà nước về văn hóa một cách hệ thống và rộng khắp theo 4 cấp từ trung đến cơ sở.



Mô hình quản lý văn hoá các cấp tại Trung Quốc

Ở cấp Chính phủ trung ương có Bộ Văn hóa, cấp chính quyền các tỉnh/thành phố có Sở Văn hóa, cấp huyện có Phòng văn hóa và xuống đến cấp xã có Ban Văn hóa. Các cơ quan này quản lý hoạt động văn hóa gồm biểu diễn nghệ thuật, giáo dục nghệ thuật, di sản, bảo tàng, nghiên cứu văn hóa, trao đổi văn hóa, thị trường văn hóa, thư viện, văn hóa xã hội và văn hóa các dân tộc thiểu số.

b/ Nguyên tắc xây dựng chính sách văn hóa

Việc xây dựng chính sách văn hóa ở Trung Quốc được thực hiện theo những nguyên tắc cơ bản sau:

Thống nhất với tính chất, phương hướng và mục tiêu phát triển của sự nghiệp văn hóa chủ nghĩa xã hội; kinh tế - xã hội;

Phát triển sự nghiệp văn hóa phải cân đối, hài hòa với phát triển kinh tế - xã hội.

Tôn trọng qui luật khách quan của công cuộc xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc

Đảm bảo tính khoa học của chính sách

Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống chính sách.

c/ Mục tiêu cơ bản của chính sách văn hóa Trung Quốc

Đảng Cộng Sản Trung Quốc xác định mục tiêu của chính sách văn hóa là: “Đoàn kết và lãnh đạo toàn thể các dân tộc của đất nước Trung Hoa, tập trung vào việc xây dựng kinh tế, kiên định thực hiện nguyên tắc nhất quán, tiếp tục công cuộc cải cách và mở cửa tạo dựng uy tín của đất nước, và xây dựng đất nước Trung Quốc thành một đất nước phồn vinh, dân chủ và xã hội văn minh hiện đại”.

Để thực hiện mục tiêu trên, Trung Quốc đã vạch ra phương hướng cho phát triển văn hóa nghệ thuật xã hội chủ nghĩa:

Văn hóa nghệ thuật theo định hướng “phục vụ nhân dân và phục vụ xã hội chủ nghĩa”;

Vận dụng nguyên tắc “trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng”;

Đa dạng các nguồn tài trợ cho văn hoá;

Kế thừa văn hóa cổ xưa và chọn lọc tinh hoa văn hóa nước ngoài.

d/ Phương pháp quản lý

Trong quản lý văn hóa, Trung Quốc sử dụng tổng hợp nhiều biện pháp như quản lý hành chính, chính trị, pháp luật, kinh tế, dư luận xã hội... Các biện pháp này, với những công cụ và điểm mạnh riêng được phối hợp, tác động qua lại và bổ sung cho nhau. Vận dụng tổng hợp các phương pháp quản lý như trên giúp cho việc quản lý văn hoá vừa có cơ sở pháp lý chặt chẽ, vừa phát huy tính tích cực, chủ động của tổ chức văn hóa và đơn vị cơ sở. Phương pháp quản lý này cũng góp phần điều hòa các mối quan hệ trong quá trình xây dựng, phát triển chính sách văn hóa và quản lý hoạt động văn hóa.

Hiện nay, Trung Quốc coi biện pháp quản lý bằng pháp luật và biện pháp kinh tế là những biện pháp trọng tâm.

e/ Phân cấp quản lý văn hóa

Trung Quốc phân chia hoạt động quản lý văn hóa thành 3 cấp:

Quản lý vĩ mô do Quốc vụ viện thực hiện, có chức năng xác định chiến lược chung, mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách chung về phát triển sự nghiệp văn hóa cho cả quốc gia và điều hòa các quan hệ chủ đạo trong phát triển văn hóa của đất nước. Ở cấp này, phương thức quản lý chủ yếu là xây dựng qui hoạch, kế hoạch, đề ra phương châm, chiến lược, hoạch định chính sách, ban hành các văn bản pháp luật và mệnh lệnh chính quyền để quản lý văn hoá. Những quyết sách quản lý ở cấp vĩ mô thường mang tính dài hạn, toàn cục.

Quản lý trung mô do các bộ, ủy ban, cục chức năng trực thuộc Quốc vụ viện đảm nhiệm như: Bộ Văn hóa, Ủy ban giáo dục, Ủy ban khoa học kỹ thuật, Bộ Phát thanh - Điện ảnh - Truyền hình, Cục xuất bản báo chí... Quản lý trung mô cũng do chính quyền nhân dân các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc thực hiện. Chức năng quản lý của cấp trung mô là căn cứ vào mục tiêu, chiến lược, nhiệm vụ, chính sách chung và quyết sách vĩ mô của Nhà nước về văn hóa để đề ra chiến lược, qui hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách phát triển sự nghiệp văn hóa của ngành, địa phương; nghiên cứu, đề xuất các lộ trình và biện pháp cụ thể. Đồng thời, cấp quản lý trung mô cũng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, chủ trương của cấp trên, chấp hành, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trung Quốc nhấn mạnh vai trò của cấp quản lý trung mô, đặt ra yêu cầu “tiếp nối cấp trên, gọi mở cấp dưới”, nghĩa là sau khi tiếp nhận các quyết định mang tính vĩ mô từ Nhà nước, cấp Bộ phải nghiên cứu, dựa

vào điều kiện thực tiễn để đưa ra quyết sách cụ thể. Đồng thời, cấp Bộ phải đảm nhiệm vai trò tư vấn và quản lý cấp dưới, thực hiện việc “giám sát, đôn đốc kiểm tra, điều hòa, tổ chức, không chế, chỉ đạo...”.

Cấp quản lý vi mô được thực hiện bởi các cơ quan hành chính và các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp văn hóa nghệ thuật. Các chủ thể này hướng tới việc quản lý hoạt động văn hóa của các đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp. Chức năng quản lý ở cấp vi mô này là căn cứ vào mục tiêu và nhiệm vụ phát triển văn hóa của Nhà nước và địa phương để tổ chức hoạt động sự nghiệp, hoạt động sản xuất và kinh doanh của đơn vị. Như vậy, cấp độ quản lý này trực tiếp thực hiện việc tổ chức, điều hành, thực thi các chính sách, pháp luật, kế hoạch của các cấp trên.

Như vậy, có thể thấy các cấp độ quản lý văn hóa ở Trung Quốc có nhiều nét tương đồng với Việt Nam. Cấp quản lý vĩ mô tương đương với việc quản lý của Quốc hội (hoặc Trung ương Đảng), quản lý trung mô là Bộ Văn hóa và Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, quản lý vi mô là quản lý của các đơn vị thuộc Bộ, Sở Văn hóa, các tổ chức và doanh nghiệp văn hóa³.

g/ Cải cách hệ thống văn hóa

Trong xu hướng mở cửa, hội nhập và cải cách toàn diện kinh tế, chính trị, xã hội, Trung Quốc đã và đang tiến hành nhiều cải cách quan trọng trong lĩnh vực văn hóa. Một số cải cách quan trọng có thể kể đến là thay đổi cơ chế đầu tư của Nhà nước cho văn hóa, xây dựng hệ thống thi tuyển nhân sự chặt chẽ, tinh giản các đơn vị văn hóa do Bộ Văn hóa trực tiếp quản lý, mở rộng và đa dạng hóa thành phần sở hữu trong lĩnh vực văn hóa. Hướng cải cách nâng cao tính chuyên nghiệp của cơ quan quản lý Nhà nước về văn hóa và dành quyền chủ động trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ cho các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp văn hóa cũng được triển khai.

Bên cạnh đó, để thúc đẩy sự nghiệp văn hóa, Chính phủ Trung Quốc đã xây dựng nhiều chính sách kinh tế - văn hóa quan trọng như: tăng nguồn vốn cho văn hóa và phát triển các chính sách hỗ trợ, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, chính sách thuế ưu đãi cho hoạt động và tổ chức văn hóa, chính sách giá cả cho sản phẩm và dịch vụ văn hóa, chính sách khuyến khích biếu tặng cho các tổ chức văn hóa nghệ thuật và chính sách an sinh xã hội. Những biện pháp này là

³ Nguyễn Văn Tinh. *Chính sách văn hóa trên thế giới và việc hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam*. Hà Nội: Văn hóa - Thông tin, 2009.

đòn bẩy cho sự phát triển đa dạng và mạnh mẽ của văn hóa nói chung và các ngành công nghiệp văn hóa Trung Quốc nói riêng trong thời gian qua.

Tóm lại:

Với định hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc, Trung Quốc vẫn duy trì sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, thực hiện mục tiêu văn hóa “phục vụ nhân dân, phục vụ chủ nghĩa xã hội”. Mục tiêu cơ bản của chính sách văn hóa không thay đổi, tuy nhiên phương thức và cơ chế quản lý đã có nhiều cải cách mang tính cách mạng. Trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường, Trung Quốc đã chú trọng các chính sách về kinh tế để lĩnh vực văn hóa phát triển một cách năng động, tự chủ và hiệu quả hơn. Đồng thời, chính sách này cũng khuyến khích các lực lượng xã hội đầu tư vào hoạt động văn hóa và hỗ trợ, biểu tặng để tăng cường nguồn lực cho các tổ chức văn hóa nghệ thuật.

Qua nghiên cứu mô hình chính sách văn hóa Trung Quốc, có thể rút ra một số bài học cho Việt Nam như: đề cao vai trò tích cực của Nhà nước trong xây dựng và phát triển văn hóa để đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu của cách mạng, hướng tới xây dựng “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Bên cạnh đó, cũng cần phân biệt rõ các cấp độ quản lý khác nhau để xác định đúng chức năng, nhiệm vụ của từng cấp quản lý, tránh tình trạng “bao sân”, “lấn sân”, chồng chéo trong quản lý. Việc phân cấp, phân quyền rõ ràng sẽ góp phần nâng cao trách nhiệm, tính độc lập, tự chủ và tăng cường sự phối hợp giữa các cấp quản lý, đảm bảo chất lượng và hiệu quả quản lý. Mặt khác, bài học về cải cách hệ thống văn hóa và phát triển các chính sách kinh tế trong văn hóa cũng là những kinh nghiệm quý báu để chúng ta nghiên cứu và vận dụng.

3.2. Mô hình chính sách văn hóa Hàn Quốc

3.2.1. Bối cảnh Hàn Quốc

Cộng hòa Hàn Quốc nằm ở phía nam bán đảo Triều Tiên, thuộc Đông Bắc châu Á với diện tích 99.000 km² và dân số 47.640.000 người. Hàn Quốc là một quốc gia có sự thuần nhất rất lớn về chủng tộc với đại đa số là người Hàn. Hai tôn giáo phổ biến nhất ở Hàn Quốc hiện nay là Phật giáo (26,3%) và Thiên chúa giáo (25,6%). Mặt khác, văn hóa Hàn Quốc vẫn chịu ảnh hưởng tương đối mạnh mẽ của Nho giáo.

Hàn Quốc bị Nhật Bản xâm chiếm trong 35 năm (1910 - 1945). Sau khi giành được độc lập, Chính phủ Hàn Quốc thực thi chính sách “đóng cửa” đối với văn hóa Nhật Bản. Chỉ gần đây, vào năm 1998, Chính phủ của ông Kim Dea Jung mới bắt đầu triển khai các hoạt động trao đổi văn hóa với Nhật Bản. Từ đó, phim, video và xuất bản phẩm Nhật Bản và sau này là phim hoạt hình, nhạc pop, chương trình ghi âm âm nhạc, trò chơi và chương trình truyền hình Nhật Bản mới được phát hành tại Hàn Quốc.

Do lịch sử chia cắt dân tộc từ năm 1948, trước đây, Hàn Quốc cũng có chính sách chống cộng và “đóng cửa” đối với văn hóa Bắc Triều Tiên. Cho đến cuối những năm 1980, các sản phẩm văn hóa và nghệ thuật của Triều Tiên hay liên quan đến Triều Tiên đều bị cấm phổ biến tại Hàn Quốc. Từ năm 1988, Tổng thống Kim Dea Jung bắt đầu thực thi chính sách mở cửa với Triều Tiên, và đặc biệt với “Chính sách Ánh dương” (Sunshine Policy), các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giữa Hàn Quốc và Triều Tiên được khôi phục.

Về khía cạnh kinh tế, quá trình công nghiệp hóa mạnh mẽ và nhanh chóng của Hàn Quốc từ những năm 1960 đã đưa nước này trở thành một trong 10 nền kinh tế lớn nhất thế giới và là thành viên của tổ chức OECD (Các tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế). Tuy nhiên, quá ưu tiên cho phát triển kinh tế có thể đe dọa các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc cũng như sự gắn kết của các nhóm xã hội. Để giải quyết những vấn đề này, hiện nay Chính phủ Hàn Quốc đã phát triển các chính sách văn hóa phù hợp để thúc đẩy hài hòa và gắn kết, hỗ trợ tích cực giữa phát triển kinh tế và văn hóa của đất nước

3.2.2. Chính sách văn hóa Hàn Quốc

a/Bộ máy quản lý Nhà nước về văn hóa ở Hàn Quốc

Từ tháng 2 năm 2008, Bộ Văn hóa và Du lịch Hàn Quốc được sáp nhập và đổi tên thành Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hàn Quốc. Đây là tổ chức của Chính phủ, chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, tôn giáo, du lịch và thể thao. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đóng vai trò trung tâm trong hoạch định và phát triển chính sách văn hóa ở qui mô quốc gia

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hàn Quốc quản lý trực tiếp 9 cơ quan hoạt động sự nghiệp mang tính quốc gia. Các đơn vị hoạt động sự nghiệp văn hóa khác hoạt động theo nguyên tắc “độ dài cánh tay”, nghĩa là hoạt động tương

độc lập với cơ quan quản lý Nhà nước nhưng vẫn được Nhà nước tài trợ kinh phí hoạt động.

Trong thời gian gần đây, phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hàn Quốc có một số thay đổi. Chẳng hạn, từ tháng 6 năm 2008, việc quản lý các nội dung kỹ thuật số (digital content) được chuyển từ Bộ Thông tin và Truyền thông Hàn Quốc, trách nhiệm quản lý các Trung tâm Văn hóa và Thông tin Hàn Quốc ở nước ngoài được chuyển từ Ủy ban Thông tin của Chính phủ sang Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b/ Mục tiêu của chính sách văn hóa

Chính sách văn hóa của Hàn Quốc được phát triển liên tục mong vài thập kỷ gần đây, thể hiện rõ đường lối chung và mục tiêu quốc gia cho từng giai đoạn. Qua quá trình phát triển, mặc dù mục tiêu văn hóa của từng thời kỳ có thay đổi, tùy theo hoàn cảnh cụ thể của đất nước, những mục tiêu chủ yếu và thường xuyên trong chính sách văn hóa Hàn Quốc là: (i) xây dựng bản sắc văn hóa dân tộc, (ii) phát triển văn hóa, nghệ thuật, (iii) nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của nhân dân, và (iv) thúc đẩy các ngành công nghiệp văn hóa,

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hàn Quốc đã khẳng định tầm nhìn của Chính phủ về văn hóa và vai trò của văn hóa trong phát triển; trong đó, đề cập đến 4 giá trị của văn hóa là giá trị tinh thần, giá trị xã hội, giá trị kinh tế và giá trị toàn cầu.

Giá trị tinh thần: phát triển nâng cao nhận thức về văn hóa, củng cố bản sắc văn hóa dân tộc và mở rộng đa dạng văn hóa.

Giá trị xã hội: đưa mọi người xích lại gần nhau, phát triển năng lực sáng tạo để tăng cường nguồn nhân lực, thúc đẩy sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần.

Giá trị kinh tế: đầu tư cho văn hóa nhằm củng cố tiềm năng phát triển của nền kinh tế, đầu tư cho văn hóa là động lực then chốt để tạo ra việc làm, cải thiện hình ảnh văn hóa quốc gia ở trong nước và quốc tế.

Giá trị toàn cầu: thiết lập thương hiệu quốc gia trong một thế giới toàn cầu hóa, xây dựng hòa bình trong khu vực thông qua trao đổi văn hóa và nâng cao tính cạnh tranh về văn hóa để củng cố vị trí kinh tế toàn cầu của Hàn Quốc.

Tóm lại, Hàn Quốc định hướng xây dựng một quốc gia “lấy văn hóa làm trung tâm” bằng cách “nhận diện và phát triển giá trị kinh tế và xã hội của văn hóa”.

Chính sách văn hóa “Hàn Quốc sáng tạo” (Creative Korea) được Bộ Văn hóa và Du lịch Hàn Quốc công bố năm 2004 đã vạch ra mục tiêu tổng thể của văn hóa Hàn Quốc trong 10 năm tới. Đó là các mục tiêu:

Giáo dục nhân dân Hàn Quốc trở thành những công dân văn hóa và sáng tạo;

Tạo nên một xã hội khác biệt, trong đó làm việc và nghỉ ngơi, giải trí được kết hợp một cách hài hòa, con người có thể thể hiện bản sắc văn hóa của mình;

Tạo nên một dân tộc văn hóa năng động tiêu biểu cho các nền văn hóa địa phương.

c/ Cơ chế tài chính cho phát triển văn hóa

Chính phủ Hàn Quốc có mức đầu tư khá lớn cho lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Ngân sách của Chính phủ dành cho văn hóa được tăng đều từ những năm 1990. Chẳng hạn, ngân sách Nhà nước cho văn hóa trong năm 2000 đã tăng 45% so với ngân sách năm 1999 và chiếm 1% tổng chi ngân sách của Nhà nước. Hiện nay, mức chi cho văn hóa chiếm hơn 1% tổng chi ngân sách hàng năm của quốc gia.

Về phương thức hỗ trợ tài chính cho văn hóa nghệ thuật, Chính phủ cam kết tiếp tục tài trợ trực tiếp những khoản trợ cấp lớn, đồng thời thực hiện các tài trợ gián tiếp khác. Chính phủ đã phát triển sở hạ tầng, xây dựng nhiều quỹ cho các doanh nghiệp văn hóa, cải tạo và nâng cấp nhiều trung tâm biểu diễn văn hóa nhỏ, đảm bảo điều kiện vật chất cho các địa điểm biểu diễn và quảng bá, thúc đẩy văn hóa nghệ thuật thông qua nhiều hoạt động, sự kiện khác nhau.

Tuy vậy, hiện nay, Chính phủ Hàn Quốc tập trung theo hướng tăng cường hỗ trợ gián tiếp cho văn hóa nghệ thuật. Nhà nước tạo ra động cơ để xã hội đầu

tư và tiêu thụ văn hóa nghệ thuật như: ban hành qui định giảm và miễn thuế cho việc mua bán tác phẩm nghệ thuật và doanh thu từ sự kiện văn hóa nghệ thuật. Hơn nữa, Chính phủ Hàn Quốc đang trong quá trình tìm tòi phương thức đa dạng hóa nguồn tài chính cho văn hóa để khuyến khích sự thích ứng với môi trường. Đặc biệt, chủ trương thực hiện trách nhiệm xã hội và hợp tác với tổ chức văn hóa nghệ thuật của doanh nghiệp được ưu tiên hàng đầu.

Một điểm quan trọng khác trong cơ chế tài chính cho văn hóa của Hàn Quốc là việc áp dụng nguyên tắc quản lý “độ dài cánh tay” tương tự như ở mô hình “Nhà bảo trợ” của Vương quốc Anh và các nước thuộc khối Thịnh vượng chung. Hội đồng Nghệ thuật Hàn Quốc được thành lập năm 2005 trên cơ sở Quỹ Phát triển Văn hóa nghệ thuật Quốc gia trước đây với mục tiêu bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa Hàn Quốc thông qua hỗ trợ phát triển cho lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, đặc biệt là khu vực phi Chính phủ. Hàng năm, Hội đồng nghệ thuật Hàn Quốc nhận ngân sách từ Chính phủ, quỹ xổ số quốc gia, các công ty tài trợ và phân phối nguồn ngân sách này cho các tổ chức văn hóa nghệ thuật.

Ở địa phương cũng có Hội đồng nghệ thuật địa phương, Quỹ Văn hóa nghệ thuật và ngân sách do chính quyền địa phương cấp.

Tóm lại:

Hàn Quốc là một nước có điều kiện đặc thù về lịch sử, chính trị, kinh tế và xã hội. Trong những thập kỷ qua, Hàn Quốc đã năng động trong đường lối phát triển và phương thức quản lý văn hóa. Cùng với việc Chính phủ độc tài quân sự trước đây được thay thế bằng Chính phủ dân sự, phương thức quản lý văn hóa ở Hàn Quốc cũng đi theo hướng dân chủ hóa với sự phân cấp và giao quyền nhiều hơn cho chính quyền địa phương và các lực lượng xã hội. Chính phủ Hàn Quốc hỗ trợ tài chính đáng kể cho văn hóa, đặc biệt là khu vực văn hóa truyền thống dân tộc. Tuy nhiên, Hàn Quốc cũng học hỏi phương thức của nhiều mô hình chính sách văn hóa trên thế giới khi bắt đầu chú trọng đa dạng hóa nguồn đầu tư cho văn hóa và phân bổ nguồn tài chính của Chính phủ một cách tương đối độc lập thông qua Hội đồng Nghệ thuật.

Về nội dung chính sách văn hóa, có thể nói, Hàn Quốc đã thành công trong việc lồng ghép phát triển văn hóa với kinh tế, giải quyết tốt bài toán giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc với việc phát triển các ngành công nghiệp văn hóa hiện đại, góp phần nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Một trong những kết quả dễ nhận thấy là vài thập kỷ gần đây, “Làn sóng Hàn Quốc” (Korean Wave) đã thu hút sự quan tâm của nhiều quốc gia châu Á và trên thế giới. Điện ảnh, phim truyền hình nhiều tập, nhạc pop, sản phẩm kỹ thuật số như trò chơi điện tử và chương trình giải trí tương tác của Hàn Quốc đã chiếm lĩnh thị trường và được sự ủng hộ nhiệt tình của công chúng trong khu vực và trên thế giới.

Nghiên cứu mô hình chính sách văn hóa Hàn Quốc có thể giúp Việt Nam rút ra bài học quý báu cho hoạch định và triển khai thực hiện chính sách văn hóa, đặc biệt trong chính sách bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

3.3. Mô hình chính sách văn hóa Nhật Bản

3.3.1. Bối cảnh Nhật Bản

Nhật Bản được mệnh danh là đất nước mặt trời mọc, là quốc gia có nền kinh tế rất phát triển và đã xây dựng được một nền văn hóa đặc sắc, đa dạng. Nhật bản còn là đất nước có nhiều đảo nhất thế giới với gần 7.000 hòn đảo, trong đó có 5 đảo lớn nhất và có nhiều người sinh sống nhất là Honshu, Hokkaido, Kyushu, Shikoku và Okinawa. Nhật Bản là một đất nước nghèo tài nguyên thiên nhiên (đất nông nghiệp nghèo nàn chỉ chiếm 13% diện tích cả nước, còn lại là địa hình đồi núi cao hiểm trở), cộng với việc liên tục chịu ảnh hưởng của thiên tai, khiến cho người dân đất nước này phải luôn gồng mình vươn lên một cách mạnh mẽ, phi thường để đảm bảo cuộc sống trước những “khó khăn chồng chất khó khăn” này. Điều đó đã tạo cho người dân Nhật Bản sự cần cù, bền bỉ đáng khâm phục.

Phải chịu nhiều thiên tai, lại rất khan hiếm tài nguyên thiên nhiên và khoáng sản, nhưng Nhật Bản luôn là một quốc gia đứng đầu thế giới về khoa

học công nghệ, đứng thứ 2 thế giới về tổng sản phẩm nội địa và là đứng thứ 5 trên thế giới trong lĩnh vực đầu tư cho quốc phòng. Không chỉ vậy, Nhật Bản còn xếp thứ 4 thế giới về xuất khẩu và đứng thứ 6 thế giới về nhập khẩu.

Văn hóa Nhật bản đã trải qua hàng nghìn năm hình thành và phát triển, và có những đặc trưng rất riêng mang đậm bản sắc dân tộc. Là sự kết hợp hài hòa giữa hiện đại và truyền thống tạo nên sự khác biệt không lẫn vào đâu được. Để có thể giải thích được về bản sắc dân tộc của văn hóa Nhật Bản có nhiều luồng ý kiến khác nhau. Nhưng nổi bật là ý kiến cho rằng do đất nước Nhật Bản được bao quanh là biển đảo, chưa hề có cuộc chiến tranh xâm lược nào nên những điều kiện tự nhiên và xã hội đã tạo cho xã hội một sự thống nhất về văn hóa Nhật Bản.

3.3.2. Chính sách văn hóa Nhật Bản

a/Bộ máy quản lý nhà nước về văn hoá

Bộ máy quản lý nhà nước về văn hoá của Nhật Bản tương đối tinh gọn, vận hành thông suốt và có hiệu quả. Khác với Việt Nam, Nhật Bản không thành lập Bộ Văn hoá - cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về văn hoá. Toàn bộ hoạt động văn hoá được giao cho Bộ Giáo dục Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ phụ trách (nhằm giảm bớt các đầu mối quản lý). Năm 1871, Chính phủ Minh Trị lập ra Bộ giáo dục đầu tiên, sau đó đến năm 2001 đổi lại thành Bộ Giáo dục Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ.

Trung ương không ôm đồm, làm thay địa phương. Ngược lại, nhà nước thực hiện phân cấp quản lý mạnh, trao quyền tự chủ rộng rãi cho các chính quyền địa phương, tạo ra một cơ chế hợp lý phát huy tính sáng tạo của cơ sở. Chính quyền cũng không làm thay việc của xã hội. Vai trò của cộng đồng, đặc biệt là các tổ chức truyền thống ở cộng đồng thuộc khu vực nông thôn được đề cao, được coi là một mắt xích không thể thiếu. Đội ngũ cán bộ, công chức Nhật Bản hoạt động trong lĩnh vực này được tuyển dụng nghiêm túc, đào tạo bài bản, vừa được trang bị chu đáo về tri thức cũng như kinh nghiệm quản lý vừa có điều

kiện tác nghiệp trong sự hỗ trợ đắc lực của các phương tiện kỹ thuật hiện đại và lực lượng chuyên gia hùng hậu, đạt trình độ quốc tế.

b/Một số nội dung quan trọng trong chính sách văn hoá Nhật Bản

Năm 1888, Nhật Bản thành lập Cục Điều tra và Bảo vệ Bảo vật Quốc gia lâm thời. Năm 1897, trên cơ sở cuộc điều tra cả nước, Nhật Bản ban hành “Luật bảo vệ di tích chùa chiền cổ”. Năm 1919, ban hành “Luật bảo vệ di tích lịch sử và danh thắng thiên nhiên”. Năm 1929, bắt đầu thực thi “Luật bảo tồn bảo vật quốc gia”. Đây là bộ luật bảo vệ di sản có vai trò rất quan trọng ở Nhật Bản. Năm 1933, “Luật bảo vệ các tác phẩm mỹ thuật quan trọng được ban bố. Đến năm 1950, khi hậu quả của cuộc chiến tranh thế giới II còn nặng nề và nền kinh tế Nhật Bản còn chưa đạt được tốc độ phát triển nhanh chóng như giai đoạn sau này, Nhật Bản đã ban hành “Luật bảo vệ tài sản văn hóa”. Đây được xem là bộ luật hoàn thiện nhất cho đến thời điểm đó vì đã tập hợp tất cả những quy định của pháp luật liên quan đến di sản văn hóa được ban hành.

“Luật bảo vệ tài sản văn hóa” của Nhật Bản quy định một cách cụ thể, minh xác từ thể chế hành chính trong sự hợp tác giữa TW và địa phương cho đến trách nhiệm của mỗi công dân, những cá nhân sở hữu các di sản văn hóa, chính quyền địa phương và TW đối với lĩnh vực bảo vệ di sản văn hóa truyền thống. Đây cũng là bộ luật đầu tiên sử dụng khái niệm “văn hóa phi vật chất”, đưa một số hoạt động văn hóa và phong tục tập quán đặc sắc của địa phương vào phạm vi bảo vệ. Việc đưa khái niệm “văn hóa phi vật chất” vào một bộ luật mang tính Nhà nước tại thời điểm năm 1950 là một tiến bộ đáng kể, vì rằng Nhật Bản đã chú ý đến vấn đề mà các quốc gia khác còn chưa chú ý đến: vấn đề bảo tồn những di sản văn hóa “vô hình”. Điều này đã phát huy một ảnh hưởng quan trọng đến những chế định pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa của thế giới sau đó cũng như quan niệm của mọi người về vấn đề này.

Cho đến nay, bộ luật này vẫn được áp dụng sau nhiều lần sửa chữa và hoàn thiện. Điều này cho thấy một tầm nhìn rất xa và toàn diện của quốc gia này đối với vấn đề bảo vệ di sản văn hóa truyền thống .

Trong công việc bảo vệ văn hóa truyền thống, Nhật Bản rất coi trọng những người đặc hữu các giá trị văn hóa truyền thống. Trong “Luật bảo vệ tài sản văn hóa” của Nhật, Chính phủ dành cho nghệ nhân biểu diễn cũng như nghệ nhân thủ công mỹ nghệ trong dân gian một địa vị rất cao. Họ gọi những nghệ nhân có khả năng truyền giữ và kế thừa một hạng mục văn hóa truyền thống nào đó là “Quốc bảo trong dân gian”. Những nghệ nhân dân gian này không những được Chính phủ ưu đãi trong các chế độ thuế mà còn được giúp đỡ trong việc tiêu thụ tác phẩm hoặc trình diễn. Dưới sự bảo trợ của Chính phủ, tác phẩm của những nghệ nhân này có giá trị lưu giữ và sinh lợi nhuận nên việc mua các tác phẩm của họ giống như một món đồ cổ có giá trị kinh tế và văn hóa rất cao.

Những giá trị văn hóa truyền thống tồn tại trong nhân dân và chỉ có thể được bảo vệ và gìn giữ bởi nhân dân. Chính phủ có đầu tư bao nhiêu tiền của cũng sẽ bất lực nếu như không chú ý đến việc bồi dưỡng ý thức cũng như huy động nhân dân tham gia trong công việc này. Người Nhật đã làm việc này một cách rất hiệu quả.

Bên cạnh những chính sách hỗ trợ, mỗi năm, Chính phủ Nhật còn trợ cấp một khoản tiền rất lớn cho các nghệ nhân thuộc danh sách “Quốc bảo dân gian” này. Theo thống kê của Bộ Văn hóa Nhật Bản, đến nay trong lĩnh vực văn hóa và kỹ nghệ, Nhật có 114 “Bảo vật dân gian”, và trong số 10% tổng số tiền dự toán hằng năm của Bộ Văn hóa chi cho các hoạt động bảo vệ di sản văn hóa vật thể và phi vật thể (khoảng 10 tỷ yên) thì Nhật Bản dung 2 tỷ Yên để trợ cấp cho các nghệ nhân này. Ngoài ra, luật pháp Nhật cũng quy định rõ, nếu như những người đặc hữu các di sản văn hóa phi vật thể mà giữ bí mật, không truyền cho người khác, thì dù kỹ thuật cao bao nhiêu cũng không được đưa vào danh sách “quốc bảo dân gian” hoặc “những người đặc hữu các di sản văn hóa phi vật thể”.

Điểm đặc trưng của chính sách này Nhật Bản chính là đặt lên hàng đầu yếu tố con người trong công việc giữ gìn và kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống. Người ta thường nói đến mệnh đề “truyền lửa hơn là giữ lửa”, thế nhưng, để truyền được lửa, sự hờ hào theo lối phong trào là vô nghĩa. Muốn giữ lửa,

trước hết con người phải là trung tâm . Thực tế đã chứng minh rất rõ, những biện pháp được Chính phủ Nhật thực thi đã tác động một cách tích cực thúc đẩy việc bồi dưỡng thế hệ kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống.

Công tác gìn giữ và phát huy di sản văn hoá truyền thống với những quan niệm và cách làm mới ở Nhật có thể nói đã có sự ảnh hưởng khá sâu rộng trên phạm vi thế giới. Việc cho ra đời “Luật bảo vệ tài sản văn hoá” vào năm 1950 và đưa ra khái niệm văn hoá phi vật thể trong thế đối ứng với văn hoá vật thể, việc xây dựng khái niệm và thể chế đối với “tài sản văn hoá”, “Quốc bảo dân gian”...đã có ảnh hưởng lớn đến tổ chức UNESCO của Liên Hợp Quốc và không ít các quốc gia phát triển khác trên thế giới. Sau Nhật Bản, lần lượt các quốc gia Hàn Quốc (1964), Thái Lan (1985), Philippin (1994), Pháp (1994), ...đều xây dựng các thể chế chính thức dành cho các “Quốc bảo dân gian”. Từ 1996, tổ chức UNESCO bắt đầu tổ chức các “Lớp bồi dưỡng quốc tế về thể chế gìn giữ những quốc bảo dân gian”. Có thể nói kinh nghiệm của Nhật Bản trong việc giữ gìn và phát huy những di sản văn hoá truyền thống là những bài học vô cùng thiết thực đối với đất nước chúng ta.

Câu hỏi ôn tập

1. Phân tích đặc điểm mô hình chính sách văn hóa Trung Quốc và ý nghĩa đối với phát triển chính sách văn hóa ở nước ta?
2. Phân tích đặc điểm mô hình chính sách văn hóa Hàn Quốc và ý nghĩa đối với phát triển chính sách văn hóa ở Việt Nam?
3. Phân tích đặc điểm mô hình chính sách văn hóa Nhật Bản và ý nghĩa đối với phát triển chính sách văn hóa ở Việt Nam?

Chương 4

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CHÍNH SÁCH VĂN HÓA THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM

4.1. Xu hướng phát triển của chính sách văn hóa thế giới

4.1.1. *Bối cảnh toàn cầu hóa*

4.1.1.1. *Khái quát về toàn cầu hoá*

Xu hướng toàn cầu hoá xuất hiện vào khoảng những năm 1870 – 1913, cho đến ngày nay nó đã trở nên phổ biến và ngày càng diễn ra hết sức sôi động trên hầu hết mọi mặt của đời sống xã hội. Nói chung toàn cầu hóa được nhắc đến rất nhiều trong các cuộc họp, các buổi nghị sự giữa nguyên thủ các quốc gia bên cạnh những vấn đề nổi cộm của thế giới hiện nay như: khủng bố, phát triển kinh tế, ô nhiễm môi trường, xung đột sắc tộc, tôn giáo,..Và một trong những vấn đề được nhiều người quan tâm đó là toàn cầu hóa văn hóa – bởi xu hướng này đang diễn ra quyết liệt và sâu sắc hơn. Nhưng vấn đề đặt ra ở đây là hiểu nó thế nào cho đúng để đưa ra quyết sách phát triển đúng đắn cho nền văn hóa bản địa, và giữ vững ổn định xã hội.

Có rất nhiều quan điểm khác nhau khi nói về vấn đề toàn cầu hoá. Một số người thì hết lời khen ngợi những tác động tích cực mà toàn cầu hoá đem lại, theo họ toàn cầu hoá là một phương thức phát triển tất yếu của một thế giới hiện đại, nó đem lại cho tất cả các quốc gia trong cái thế giới đó những cơ hội được phát triển mạnh mẽ về mọi mặt mà trước hết là về kinh tế. Nhưng cũng có người lại ra sức phản đối quá trình toàn cầu hoá. Họ cho rằng, toàn cầu hoá chẳng qua chỉ là một công cụ để cho các nước tư bản phát triển bóc lột các nước nhỏ đang và chậm phát triển, chính vì vậy, bên cạnh những cuộc họp, những hội nghị nhằm thúc đẩy tiến trình toàn cầu hóa kinh tế, chính trị trên thế giới thì đồng thời cũng diễn ra rất nhiều các cuộc biểu tình phản đối quá trình này.

Tuy vậy, xu hướng toàn cầu hoá đã trở nên phổ biến với mọi người trong xã hội hiện đại ngày nay, và quá trình này đang diễn ra hết sức sôi động trên hầu hết mọi mặt của đời sống xã hội, mà trước hết và rõ nét nhất là trên lĩnh vực kinh

tế. Cũng như các hiện tượng xã hội khác, toàn cầu hoá cũng là một quá trình mang tính hai mặt, nó vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực. Ở mỗi quốc gia, khi tiếp nhận quá trình toàn cầu hoá thì cả hai mặt này đều bộc lộ ra. Vấn đề là những quốc gia đó đã làm gì để có thể tận dụng được tốt nhất những cơ hội mà quá trình toàn cầu hoá đem lại, đồng thời giảm thiểu đến mức tối đa những tác động tiêu cực của nó. Trong rất nhiều lĩnh vực mà toàn cầu hoá tác động và chi phối, chúng ta không thể không nói đến văn hóa. Tuy nhiên, hiện nay, câu hỏi lớn vẫn được đặt ra và đang được giải quyết là liệu có hay không quá trình toàn cầu hóa văn hóa, mà chủ yếu và nổi cộm đó là sự bị xâm lấn bản sắc văn hóa của các quốc gia đang và chậm phát triển bởi nền văn hóa phương Tây?

Nhìn chung quan điểm về toàn cầu hoá có thể khái quát thành những quan điểm chủ yếu sau:

Quan điểm thứ nhất cho rằng: toàn cầu hoá là một quá trình có tính nhiều mặt, bao gồm tăng trưởng thương mại quốc tế, các luồng lao động, vốn và công nghệ cũng như sự giao lưu ý tưởng và cách sống... ảnh hưởng của toàn cầu hoá đến vấn đề văn hoá phụ thuộc rất nhiều vào tính chất của các chính sách của các chính phủ đối với quá trình toàn cầu hoá⁴.

Quan điểm thứ hai thì toàn cầu hoá được nói đến trước hết và chủ yếu là toàn cầu hoá kinh tế. Toàn cầu hoá kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, xu thế này đang bị một số nước phát triển và một số tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh, vừa tạo ra những cơ hội cho sự phát triển nhưng cũng vừa có những thách thức đối với các quốc gia, nhất là các quốc gia đang ở trình độ kém phát triển. Hay “Toàn cầu hoá là một quá trình mà thông qua đó thị trường và sản xuất ở nhiều nước khác nhau trở nên ngày càng phụ thuộc lẫn nhau do tính năng động

⁴ Báo cáo phát triển con người Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, trg 22

của việc buôn bán hàng hoá và dịch vụ cũng như do tính năng động của sự lưu thông vốn tư bản và công nghệ”⁵.

Cũng có học giả cho rằng toàn cầu hoá hiện nay chỉ là một khái niệm của một quá trình đã tiếp diễn từ lâu, một sự mở rộng không gian của phương thức kinh tế tư bản đến tận cùng của thế giới⁶.

Mặc dù được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, với những mục đích khác nhau nhưng hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng toàn cầu hoá trước hết là khái niệm dùng để chỉ toàn cầu hoá về kinh tế, sau đó nó tác động ảnh hưởng đến các lĩnh vực khác.

Toàn cầu hóa, về thực chất, là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, sự ảnh hưởng, tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên toàn thế giới, hay nói như C. Mác, là quá trình lịch sử biến thành lịch sử thế giới. Toàn cầu hóa là giai đoạn mới, giai đoạn phát triển cao của quá trình quốc tế hóa đã diễn ra từ nhiều thế kỷ trước đây. Hình thức biểu hiện đầu tiên của toàn cầu hoá đó chính là toàn cầu hoá kinh tế.

Sự xuất hiện xu thế toàn cầu hóa kinh tế bắt nguồn từ sự phát triển của lực lượng sản xuất, từ tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất trên phạm vi quốc gia và quốc tế, từ nền kinh tế thị trường thế giới. Sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ với quá trình biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp, sự phát triển của các công nghệ cao (công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ vũ trụ...) đã làm thay đổi về chất lực lượng sản xuất của loài người, đưa loài người từ nền văn minh công nghiệp lên văn minh tin học, từ cơ khí hóa sản xuất lên tự động hóa, tin học hóa sản xuất. Cách mạng khoa học và công nghệ đang tạo ra những biến đổi căn bản và sâu sắc không những trong công nghệ, trong sản xuất, mà còn trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. C. Mác và Ph. Ăng - ghen đã vạch rõ : "Vì luôn bị thúc đẩy bởi nhu cầu về những nơi tiêu thụ sản phẩm, giai cấp tư sản xâm lấn khắp

⁵ Nguyễn Văn Dân (chủ biên), Những vấn đề của toàn cầu hoá kinh tế, Nxb. KHXH. Hà Nội, 2001, trg 78

⁶ Việt Nam trong thế kỷ XX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 565

toàn cầu. Nó phải xâm nhập vào khắp nơi, trụ lại ở khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ ở khắp nơi... Do bóp nặn thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới..."⁷.

4.1.1.2. Tác động của xu thế toàn cầu hoá đối với văn hoá

Về văn hóa - tư tưởng, toàn cầu hóa một mặt tạo điều kiện cho việc mở rộng giao lưu quốc tế, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc; tạo điều kiện cho việc tiếp thu những thành tựu của văn hóa nhân loại cũng như phổ biến và khẳng định bản sắc văn hóa của dân tộc mình, đồng thời nó cũng tạo điều kiện cho việc hiện đại hóa và làm phong phú nền văn hóa của dân tộc; mặt khác, nó cũng là nguy cơ làm mai một bản sắc văn hóa dân tộc. Thông qua toàn cầu hóa, lối sống thực dụng, vị kỷ, chủ nghĩa cá nhân, "văn hóa phẩm" độc hại dễ dàng được du nhập, đặc biệt là thông qua các phương tiện truyền thông. Hiện nay, dưới ảnh hưởng của công nghệ thông tin, ý thức hệ của Mỹ, lối sống Mỹ, văn hóa Mỹ, phim ảnh Mỹ, đồ ăn thức uống Mỹ... đang được truyền bá rộng khắp thế giới đến nỗi một số người coi toàn cầu hóa là "Mỹ hóa toàn cầu", là sự đồng nhất hóa các hệ giá trị văn hóa với nguy cơ xuất hiện của nền "văn hóa đồng phục" đang đe dọa, làm hạn chế khả năng sáng tạo, sự đa dạng và phong phú của các nền văn hóa khác trên thế giới. Đó chính là toàn cầu hóa văn hóa. Tuy nhiên cũng vẫn còn nhiều cách nhìn nhận khác nhau về toàn cầu hóa văn hóa.

Nhưng có thể khẳng định rằng bên cạnh quá trình toàn cầu hóa kinh tế đang diễn ra như là một xu thế tất yếu và đang trở thành đề tài sôi nổi và nóng bỏng trên toàn thế giới, thì chúng ta còn nhận ra một trào lưu toàn cầu hóa khác, thậm chí còn quyết liệt hơn, sâu sắc hơn, đó là toàn cầu hóa về văn hóa. Với tính đặc thù và tính độc lập tương đối của mình, quá trình toàn cầu hóa văn hóa diễn ra gần song song với toàn cầu hóa nói chung, và toàn cầu hóa về kinh tế nói riêng. Trên cơ sở sự tăng cường mạnh mẽ của toàn cầu hóa kinh tế; sự tăng cường mạnh mẽ của các thành tựu khoa học công nghệ, đặc biệt là giao thông và viễn thông; sự tăng cường giao lưu ảnh hưởng và xích lại gần nhau giữa các dân

⁷ C. Mác-Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, t 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, trg 601

tộc, các quốc gia, khiến văn hoá các dân tộc có nhiều cơ hội giao lưu ảnh hưởng, cọ sát, học hỏi, chia sẻ lẫn nhau. Trong quá trình như vậy, một mặt văn hoá các dân tộc vừa phong phú, đa dạng hơn, mặt khác cũng không loại trừ sự mất mát, thui chột của các nền văn hoá, các yếu tố văn hoá đã lỗi thời, không còn sức sống cạnh tranh. Như vậy, cũng như toàn cầu hoá nói chung, mà cốt lõi của nó là toàn cầu hoá kinh tế, thì toàn cầu hoá văn hoá cũng là điều hiển hữu. Vấn đề chỉ còn là toàn cầu hoá văn hoá như thế nào, theo kiểu nào, mức độ nào mà thôi.

“Toàn cầu hoá văn hoá có thể được hiểu là quá trình văn hoá các dân tộc, thông qua giao lưu, dung hợp, xâm nhập và bổ sung lẫn nhau, không ngừng phá vỡ tính hạn chế về khu vực và về mô hình của văn hoá dân tộc mình và trong sự bình phán và chọn lọc của loài người mà đạt được sự hoà đồng văn hoá, không ngừng chuyển các nguồn khu vực của văn hoá dân tộc mình thành các nguồn hưởng thụ chung, sở hữu chung của loài người. Tuy nhiên, điều cần chú ý là toàn cầu hoá văn hoá là một quá trình bao gồm sự xung đột, giao lưu, dung hợp giữa các nền văn hoá dân tộc, đồng thời bản thân nó cũng là một kết quả, tức là các nguồn khu vực của văn hoá các dân tộc có thể được loài người cùng hưởng cùng sở hữu. Nhưng nó tuyệt nhiên không có nghĩa là sự mất đi của các nền văn hoá dân tộc để hình thành nên một thứ văn hoá có tính toàn cầu thống nhất, liên thông, phổ quát”⁸.

Như vậy, toàn cầu hoá văn hoá đã tạo ra những cơ hội, thách thức và rủi ro đối với các nền văn hoá khác nhau trong việc quảng bá nền văn hoá của mình ra bên ngoài. Trong quá trình toàn cầu hoá, các nền văn hoá đều bình đẳng, giao lưu với nhau trong thế bình đẳng, đều có những chỗ “mạnh”, những chỗ “yếu”, đều có “quyền” tự do nhìn nhận, lựa chọn, thử nghiệm để tiếp nhận từ “kẻ khác” những gì mà họ muốn tiếp nhận.

Tuy nhiên, không phải mọi quốc gia đều tham gia vào quá trình toàn cầu hoá với những mức độ giống nhau và đều được bình đẳng như nhau. Khi tham gia vào toàn cầu hoá, các nước phát triển có rất nhiều lợi thế. Phần còn lại của

⁸ C. Mác-Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, t 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, trg 329

thế giới thì chịu thiệt thòi về nhiều mặt và gặp nhiều thách thức. Mặc dù vậy, trong thế giới ngày nay, các quốc gia không thể tẩy chay hoàn toàn toàn cầu hoá hoặc đứng ngoài quá trình toàn cầu hoá. Vấn đề đối với tất cả các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước kém phát triển, là phải có chiến lược thích ứng và khôn ngoan để vượt qua thử thách và chớp lấy thời cơ; trong quá trình hội nhập thế giới phải có ý thức giữ vững chủ quyền quốc gia, độc lập dân tộc, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ để đưa quốc gia dân tộc mình đến chỗ phồn vinh.

4.1.2. Hợp tác quốc tế về văn hóa

Hội nhập quốc tế về văn hóa được hiểu là sự chủ động của một quốc gia liên kết, xây dựng các mối quan hệ văn hóa với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực để giao lưu, hợp tác thông qua các thể chế (cam kết, nghị định, công ước...) song phương và đa phương, tôn trọng, học hỏi lẫn nhau, bình đẳng, cùng có lợi, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại nhằm chia sẻ các giá trị văn hóa của nhau làm nền tảng cho các loại hình hội nhập quốc tế khác.

Các nhà lý luận Mác-xít đưa ra luận điểm về tính dân tộc và tính quốc tế trong sự phát triển văn hóa của mỗi dân tộc. Không có một dân tộc nào mà văn hóa của mình lại phát triển cô lập với văn hóa dân tộc khác. Sự tác động và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các nền văn hóa của các dân tộc là quy luật của lịch sử văn hóa. Vấn đề đặt ra là văn hóa ở mỗi quốc gia chủ động giao lưu, hợp tác, hội nhập quốc tế về văn hóa như thế nào.

Cuối thế kỷ XX, nhiều nước trên thế giới gia tăng việc tận dụng và phát huy “sức mạnh mềm” của quốc gia trong chiến lược phát triển, hội nhập quốc tế, trở thành trào lưu phát triển trên thế giới. “Sức mạnh mềm” là một khái niệm do giáo sư người Mỹ là Joseph Samuel Nye đưa ra trong một cuốn sách xuất bản năm 1990. Sau đó, khái niệm này được sử dụng rộng rãi ở các nước. Sức mạnh mềm được thực hiện thông qua sự hấp dẫn và thuyết phục, không phải là áp đặt, cưỡng chế, nghĩa là việc gây ảnh hưởng để khiến người khác làm theo những thứ mình muốn. Sức mạnh mềm văn hóa là các giá trị văn hóa, con người, thể

chế của quốc gia, tạo nên sự hấp dẫn, sức lan tỏa có khả năng ảnh hưởng, thu hút của một quốc gia này đối với quốc gia khác nhằm đạt được lợi ích thông qua các hoạt động văn hóa. Di sản văn hóa dân tộc ngày càng được coi trọng, là tài sản vô giá của mỗi quốc gia. Các quốc gia ngày càng đề cao việc bảo vệ và phát huy tính đặc thù, bản sắc văn hóa dân tộc đồng thời với tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại trong quá trình toàn cầu hóa.

Thế giới đang diễn ra quá trình toàn cầu hóa trên mọi lĩnh vực, trong đó có toàn cầu hóa về văn hóa, mức độ tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước ngày một gia tăng, thu hút các quốc gia tham gia vào các hoạt động do các tổ chức quốc tế và khu vực khởi xướng. Toàn cầu hóa tạo nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức, đòi hỏi mỗi quốc gia phải tiên liệu những vấn đề mới xuất hiện để tranh thủ cơ hội, hóa giải thách thức, tích cực, chủ động tham gia hội nhập quốc tế. Đây là xu hướng có tính tất yếu khách quan nhằm tranh thủ tối đa sức mạnh của dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại cho lợi ích và sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Từ chối hội nhập quốc tế đồng nghĩa với cản trở phát triển dẫn đến sự tụt hậu của quốc gia trong sự phát triển chung của nhân loại.

4.1.3. Đổi mới cơ chế quản lý văn hóa

Hiện nay, do tác động của bối cảnh kinh tế - xã hội nhiều nước đã có những cải cách, điều chỉnh bộ máy quản lý nhà nước về văn hoá nghệ thuật theo hướng tinh giản bộ máy hành chính, tập trung vào chất lượng nguồn nhân lực quản lý, xây dựng hệ thống thi tuyển nhân lực chặt chẽ.

Ví dụ như tại Hàn Quốc, thay đổi quan trọng trong cơ chế quản lý văn hóa của Hàn Quốc hiện nay là xu hướng phi tập trung hóa, xem đây như một “bước ngoặt quyết định” từ việc “chính phủ ra quyết định và quản lý” sang việc “hợp tác giữa chính phủ và các khu vực tư nhân”.

Hiện nay, với chiến lược “chính phủ tham dự” (participatory government), việc tham gia của nhiều bộ phận xã hội từ chính quyền trung ương, chính quyền địa phương cho đến các nhà nghiên cứu, giáo sư, nghệ sĩ và cộng đồng trong quá trình hoạch định chính sách văn hóa đang được khuyến khích. Xu hướng

này đảm bảo cho việc chính sách văn hóa không phải được áp đặt từ trên xuống mà chính sách phản ánh được nhu cầu của mọi tầng lớp xã hội, của từng người dân. Hướng đi này là chuyển biến tích cực, mang tính dân chủ trong việc xây dựng và thực hiện chính sách văn hóa ở Hàn Quốc. Nhìn rộng ra, đây cũng là xu hướng quản lý văn hóa hiện đại của nhiều nước như Pháp, Thụy Điển, Phần Lan. Quá trình phân cấp, phân quyền trong quản lý văn hóa có thể làm cho khu vực văn hóa nghệ thuật tự chủ và năng động hơn, đồng thời cũng là tiền đề cho sự phát triển lành mạnh của khu vực này. Cơ chế mới này sẽ truyền cảm hứng và đánh thức sự sáng tạo và tiềm năng của mỗi cá nhân và tổ chức trong xã hội, tạo cho họ những cơ hội để đóng góp vào sự phát triển của văn hóa và nghệ thuật.

Tại Trung Quốc, có chính sách giao trách nhiệm cho các cơ quan cấp dưới, khuyến khích thành lập các công ty, tập đoàn lớn, các cơ quan trọng điểm cho hoạt động văn hóa, trong đó có thị trường văn hóa, lựa chọn những lĩnh vực thế mạnh trong văn hóa, đầu tư nhiều để làm nổi rõ cái “quốc túy” trước làn sóng du nhập ồ ạt của văn hóa thế giới, nhất là sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

4.1.4. Đổi mới về cơ chế đầu tư

Cơ chế tài chính là một công cụ quan trọng trong quá trình đề ra các chính sách văn hoá và trong hoạt động quản lý văn hoá nên được các quốc gia rất quan tâm. Hiện nay, Trong xu hướng mở cửa, hội nhập và cải cách toàn diện kinh tế, chính trị, xã hội, các nước có nhiều cải cách quan trọng trong lĩnh vực văn hóa. Một số cải cách quan trọng có thể kể đến là thay đổi cơ chế đầu tư của Nhà nước cho văn hóa.

Tại Trung Quốc, các chính sách tăng nguồn vốn cho văn hóa và phát triển các chính sách hỗ trợ, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, chính sách thuế ưu đãi cho hoạt động và tổ chức văn hóa, chính sách giá cả cho sản phẩm và dịch vụ văn hóa, chính sách khuyến khích biểu tặng cho các tổ chức văn hóa nghệ thuật và chính sách an sinh xã hội. Những biện pháp này là đòn bẩy cho sự phát

triển đa dạng và mạnh mẽ của văn hóa nói chung và các ngành công nghiệp văn hóa Trung Quốc nói riêng trong thời gian qua.

Tại Hàn Quốc, Một trong những thay đổi cơ bản nhất trong chính sách tài chính của chính phủ cho văn hóa nghệ thuật là sự chuyển hướng tài trợ, từ tài trợ cho “bên cung” sang hỗ trợ cho “bên cầu”. Nói cách khác, trước đây, các trợ cấp của chính phủ chủ yếu dành cho các tổ chức nghệ thuật và nghệ sỹ, nhằm vào quá trình sáng tạo và biểu diễn nghệ thuật.

Như vậy, đối tượng nhận hỗ trợ của chính phủ là nghệ sỹ và các tổ chức nghệ thuật. Ngày nay chính phủ quan tâm và tập trung nhiều hơn vào khán giả là những người thưởng thức/ tiêu thụ văn hóa. Quan điểm của chính phủ Hàn Quốc là cố gắng đạt được sự cân bằng giữa “sáng tạo, truyền bá và hưởng thụ” các giá trị văn hóa nghệ thuật. Có thể thấy, đây là một động thái tích cực, hướng đến sự phát triển lâu dài và bền vững của văn hóa, nghệ thuật Hàn Quốc. Khán giả là động lực quan trọng cho văn hóa nghệ thuật, thậm chí là lực lượng thúc đẩy và định hướng cho khu vực này.

Đặc biệt, khi các tổ chức văn hóa nghệ thuật phải độc lập về tài chính trong nền kinh tế thị trường, các hoạt động và sản phẩm nghệ thuật của họ phải hướng tới khán giả nhiều hơn để đảm bảo cho tổ chức có thể tồn tại và phát triển. Hướng trọng tâm ưu tiên vào khán giả cũng khẳng định hướng tiếp cận đảm bảo phúc lợi xã hội của chính phủ Hàn Quốc, trong đó nhấn mạnh vào sự tham dự và hưởng thụ văn hóa nghệ thuật của mọi người dân. Văn hóa được nhìn nhận như một phần không thể thiếu trong cuộc sống và là công cụ để nâng cao mức sống của nhân dân Hàn Quốc.

Về cách thức hỗ trợ cho khu vực văn hóa nghệ thuật, chính phủ cam kết tiếp tục tài trợ trực tiếp những khoản trợ cấp lớn, đồng thời thực hiện các tài trợ gián tiếp khác. Lĩnh vực văn hóa và nghệ thuật ở Hàn Quốc nhận được nhiều hỗ trợ trực tiếp từ chính phủ. Ngân sách quốc gia cho văn hóa nghệ thuật tăng đáng kể từ 0,6% năm 1998 đến 1,05% năm 2005. Trong năm 2005, chỉ tính riêng lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn đã nhận được khoản ngân sách 168,2 tỉ won (tương

đương với 172,3 triệu đô la Mỹ)⁷. Chính phủ cũng đã xây dựng cơ sở hạ tầng, hình thành nhiều quỹ cho văn hóa nghệ thuật, cải tạo và nâng cấp nhiều trung tâm biểu diễn văn hóa nhỏ, đảm bảo điều kiện vật chất cho các địa điểm biểu diễn và quảng bá, thúc đẩy văn hóa nghệ thuật thông qua nhiều hoạt động, sự kiện.

Tuy vậy, hiện nay, chính phủ Hàn Quốc tập trung nhiều hơn theo hướng hỗ trợ gián tiếp cho văn hóa nghệ thuật. Nhà nước cố gắng tạo ra các động cơ để xã hội đầu tư và tiêu thụ văn hóa nghệ thuật như ban hành các qui định, giảm và miễn thuế cho việc mua bán các tác phẩm nghệ thuật và doanh thu từ các sự kiện văn hóa nghệ thuật. Hơn nữa, chính phủ Hàn Quốc đang trong quá trình tìm tòi phương thức đa dạng hóa các nguồn lực tài chính cho văn hóa để khuyến khích sự thích ứng với môi trường và chủ động phát triển của các tổ chức văn hóa nghệ thuật trong nước. Khuyến khích sự đầu tư, hỗ trợ cho nghệ thuật từ khu vực tư nhân và các cá nhân thông qua hoạt động tài trợ và từ thiện, đặc biệt là việc thực hiện trách nhiệm xã hội và hợp tác với các tổ chức văn hóa nghệ thuật của các doanh nghiệp là một trong những khuynh hướng được ưu tiên hàng đầu.

4.1.5. Đổi mới chính sách văn hóa trong một số lĩnh vực khác

Hiện nay, các nước đều rất coi trọng lĩnh vực thị trường văn hoá. Coi thị trường văn hóa là một trong những lĩnh vực quan trọng cần quan tâm trong phát triển kinh tế. Sản phẩm văn hóa ngày nay cũng được xem như một loại hàng hóa, tất nhiên, là loại hàng hóa đặc biệt và cần có những chế tài riêng. Ngành nghệ thuật ở Anh có con số kinh doanh lên tới 17 tỉ USD (tương đương với ngành công nghiệp ô-tô của nước này), ở Nhật Bản doanh thu của ngành công nghiệp giải trí vượt qua giá trị sản xuất ô-tô, sản phẩm nghe nhìn của Mỹ chỉ đứng dưới sản phẩm xuất khẩu của ngành hàng không vũ trụ.

Chính sách của nhiều nước là nhà nước ít quan tâm đầu tư cho các sản phẩm văn hóa này mà để cho các thành phần kinh tế tư nhân tham gia sản xuất và kinh doanh. Tuy nhiên gần đây, ngày càng có nhiều nước quan tâm đến các lĩnh vực đó, do lo ngại về quá trình toàn cầu hóa có ảnh hưởng tiêu cực đến sản phẩm văn hóa mang bản sắc dân tộc của nước mình. Trường hợp Hàn Quốc đã

cho thấy, chính sách bảo hộ sản phẩm văn hóa trong nước thông qua hình thức quota nhập khẩu phim và định mức chiếu phim trong nước đến các rạp đã có những tác dụng tích cực. Như vậy, rõ ràng chính sách của nhà nước đối với lĩnh vực công nghiệp văn hóa, trong đó khuyến khích việc sản xuất những sản phẩm mang nội dung văn hóa dân tộc, định hướng xuất khẩu sản phẩm văn hóa để thúc đẩy sự hiểu biết quốc tế đối với dân tộc mình cũng là một ưu tiên trong việc hoạch định chính sách.

Ngoài lĩnh vực công nghiệp văn hoá, vấn đề về bảo vệ và phát huy giá trị của văn hoá truyền thống, của di sản văn hoá dân tộc cũng được các nước hết sức quan tâm, bởi trước sự tấn công mạnh mẽ của xu thế toàn cầu hoá, văn hoá là một đối tượng rất dễ bị tổn hại, nếu không có các chính sách quản lý hiệu quả thì sẽ ảnh hưởng xấu đến nền văn hoá truyền thống.

Tại Hàn Quốc, Một trong những trách nhiệm chính của Bộ Văn hoá và Thể thao là bảo tồn di sản văn hoá quốc gia. Một phần ngân sách nhất định được phân bổ cho các hoạt động hỗ trợ phát triển các bảo tàng, công viên quốc gia, thư viện, trung tâm lưu trữ quốc gia, các di sản văn hoá di chuyển được và không di chuyển được và bảo vệ môi trường quốc gia và các loài động vật gặp nguy hiểm. Số lượng các bảo tàng ở Hàn quốc vào năm 1996 là 182 với 23 bảo tàng chính của quốc gia như bảo tàng lịch sử, nghệ thuật, khoa học, dân gian, bưu chính và đường sắt nằm dưới sự điều hành và quản lý của chính phủ. Chức năng bảo tồn di sản văn hóa như tu bổ các cung điện lịch sử được thực hiện bởi Cục Quản lý Tài sản Văn hoá. Các bộ phận bảo tàng trực thuộc cũng được thành lập tại các bảo tàng lớn của Hàn quốc tại nước ngoài như Anh, Pháp, Nhật Bản, Mỹ..vv. Các tổ chức trực thuộc này do Hiệp hội Văn hoá và nghệ thuật Hàn Quốc và Hội bảo trợ ngành kinh tế tư nhân hỗ trợ về tài chính.

Cục Quản lý Tài sản Văn hoá có nhiệm vụ chính trong thực hiện công tác bảo tồn di sản văn hoá và các hoạt động khác nhau như quản lý, nghiên cứu, khai quật, trùng tu các khu di tích văn hoá, hợp tác quốc tế về văn hóa. Đồng

thời Cục Quản lý Tài sản Văn hóa cũng thực hiện chức năng công nhận các di sản văn hóa quốc gia.

Tại Nhật Bản, là nước đi đầu trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hoá . Từ rất sớm, người Nhật đã có quan niệm khá mới mẻ và thực tế về những thành tựu vật chất, tinh thần tiêu biểu cha ông họ để lại. Di sản văn hoá được coi là “tài sản văn hoá”, là nguồn lực nội sinh to lớn cho sự phát triển hài hoà, bền vững. Vì vậy những vấn đề quan trọng và nhạy cảm như sở hữu, trách nhiệm của chủ sở hữu đối với việc bảo quản, giữ gìn, phổ biến và khai thác giá trị di sản văn hoá đều được Nhà nước xác định rõ thông qua hệ thống luật pháp. Đối với di sản văn hoá phi vật thể, trong khi ở nhiều nước sự quan tâm mới chỉ bắt đầu thì Nhật Bản đã có hàng loạt động thái tích cực và hiệu quả. Xuất phát từ sự đánh giá cao yếu tố con người trong việc bảo tồn, phát huy những giá trị tinh thần vô giá chủ yếu được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng miệng, truyền hình, trình diễn... Nhật Bản đã thiết lập “Hệ thống bảo vật nhân văn sống” theo đề nghị của UNESCO, suy tôn 104 cá nhân và 23 nhóm nghệ nhân ưu tú nhất. Những nghệ nhân là “bảo vật nhân văn sống” được Chính phủ cấp 500 USD/tháng, mỗi năm về họp ở Tôkyô một lần, do đích thân Thủ tướng ra chân cầu thang máy đón một cách trọng thị. Không những đãi ngộ thoả đáng, Nhật Bản còn có chính sách và biện pháp đào tạo những người kế nghiệp các nghệ nhân, nghệ sĩ dân gian, bảo quản và phát huy những kỹ năng, những thành quả lao động của họ, tránh tình trạng di sản văn hoá phi vật thể bị đứt gãy, mai một sau khi các nghệ nhân ưu tú qua đời.

Nhật Bản hết sức coi trọng việc ban hành pháp luật, tạo cơ sở pháp lý chắc chắn cho hoạt động quản lý di sản văn hoá. Pháp luật di sản văn hoá của quốc gia này tương đối hoàn chỉnh và đồng bộ, được xây dựng công phu, với kỹ thuật lập pháp tiên tiến. Bên cạnh Luật bảo tồn các tài sản văn hoá - đạo luật có khả năng đi thẳng vào cuộc sống mà không cần phải hướng dẫn, giải thích thêm bởi bất cứ văn bản dưới luật nào, quá trình quản lý nhà nước về di sản văn hoá của Nhật Bản còn phải tuân thủ các quy định của Luật Bảo tàng, Luật Kiểm soát ô nhiễm không khí, Luật Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước, Luật Bảo tồn thiên

nhiên, Luật Bản quyền... Toàn bộ hệ thống pháp luật đó thể hiện ý chí của nhà nước Nhật Bản trong việc xây dựng một quốc gia hùng cường cả về kinh tế và văn hoá trên trường quốc tế, một quốc gia công nghiệp phát triển nhưng vẫn giữ được bản sắc dân tộc độc đáo, vẫn duy trì được sự sống động của văn hoá cổ truyền trong đời sống đương đại.

Pháp luật di sản văn hoá Nhật Bản không xa lạ với nhân dân, bởi công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chúng được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền triển khai thường xuyên, rộng khắp, có hệ thống. Nhật Bản đặc biệt quan tâm tới việc nâng cao ý thức bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hoá cho cộng đồng nơi tồn tại các di sản văn hoá cụ thể và cho thế hệ trẻ - lớp người sẽ đảm nhận trọng trách bảo tồn di sản văn hoá trong tương lai. Ngoài việc khai thác tối đa thế mạnh của các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống bảo tàng, chính phủ nước này còn chủ trương mở rộng cơ hội để đưa người dân đến với di sản văn hoá và đưa di sản văn hoá đến với người dân thông qua chương trình “giáo dục học đường” và phát triển du lịch, tạo điều kiện để mọi tổ chức, cá nhân trong xã hội tiếp xúc, hưởng thụ, tìm hiểu di sản văn hoá, từ đó tác động trực tiếp đến thái độ, tình cảm, lòng tự hào dân tộc và trách nhiệm công dân của con người đương đại trước những giá trị văn hoá tiêu biểu được sáng tạo, tích lũy trong quá khứ.

Cũng như hầu hết các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia có nền kinh tế phát triển, Nhật Bản khuyến khích sự tham gia của cộng đồng cư dân và các tổ chức xã hội vào sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc. Tại đây, các tổ chức văn hoá tư nhân có vai trò rất quan trọng, được pháp luật thừa nhận có tư cách pháp nhân. Tính đến năm 1989, cả nước Nhật có 46 tổ chức bảo tồn di sản văn hoá, trong đó có 36 tổ chức độc lập, 10 công ty liên kết. Trong hệ thống 2722 bảo tàng các loại của Nhật, chỉ có 20% bảo tàng nhà nước, số còn lại là các bảo tàng tư nhân và các bảo tàng thuộc sở hữu của các tổ chức xã hội. Hiện đã có hơn 1.044 bảo tàng tư nhân đăng ký hoạt động theo Luật bảo tàng.

Nhà nước tận dụng tối đa lợi thế kỹ thuật và tiềm năng kinh tế của các lực lượng xã hội thông qua nhiều biện pháp như: cải tiến mức thuế, khuyến khích các tổ chức công nghiệp ủng hộ tài chính cho các hoạt động bảo tồn di sản văn hoá như một hình thức và biện pháp nhằm nâng cao uy tín và hình ảnh của các tổ chức đó trên thị trường, tạo cơ chế tổ chức để thu hút những người tình nguyện đóng góp thời gian, công sức và tiền bạc vào hoạt động này, khuyến khích việc thành lập các quỹ bảo tồn di sản văn hoá...

4.2. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

4.2.1. Về thể chế, bộ máy quản lý nhà nước về văn hoá

Tập trung vào việc thể chế hóa cụ thể hóa quan điểm phát triển về văn hóa của Đảng thành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách một cách đồng bộ, vừa bảo đảm phù hợp với nguyên tắc, thông lệ quốc tế vừa giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Trên tất cả các lĩnh vực văn hóa, cần xác định rõ chủ thể quản lý nhà nước (QLNN), xác định rõ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của từng cấp, từng ngành. Sửa đổi, bổ sung một cách đồng bộ các quy định hiện hành không còn phù hợp của các luật Di sản văn hoá, Sở hữu trí tuệ, Điện ảnh, Quảng cáo, Xuất bản, Thư viện:

- + Luật Di sản văn hóa: Bổ sung những quy định về quản lý di sản thiên nhiên; cơ chế tài chính cho công tác điều tra sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể và khai quật khảo cổ đối với các công trình xây dựng nơi có di sản văn hóa (xây dựng thủy điện, khu công nghiệp, nhà máy...); phân cấp quản lý di tích; phân cấp việc cấp phép khai quật khảo cổ...

- + Luật Du lịch: Bổ sung, điều chỉnh một số quy định cho phù hợp với Hiệp định Thương mại thế giới.

- + Luật Sở hữu trí tuệ: Quy định về việc xin phép và trả tiền cho tác giả khi sử dụng tác phẩm của họ.

- Xây dựng luật mới: Nước ta đã ban hành một số luật chuyên ngành về văn hóa (Luật Di sản văn hóa, Luật Điện ảnh, Luật Xuất bản...), nhưng chưa có

Luật Văn hóa để điều chỉnh những vấn đề chung về văn hóa mà các luật chuyên ngành không thể thay thế được.

- Nâng một số pháp lệnh lên thành luật (Pháp lệnh Quảng cáo, Pháp lệnh Thư viện).

- Xây dựng mới một số pháp lệnh, như Pháp lệnh Nghệ thuật biểu diễn Pháp lệnh Mỹ thuật - Nhiếp ảnh.

- Xây dựng quy hoạch phát triển các ngành chưa có quy hoạch, như điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, thư viện, mỹ thuật - nhiếp ảnh, hệ thống thiết chế văn hóa - thông tin cơ sở, khu vui chơi giải trí cho trẻ em...

Hoàn thiện chính sách về hoạt động và hưởng thụ văn hóa; chính sách bảo tồn di sản văn hóa dân tộc, văn hóa vùng miền; chính sách khuyến khích và tôn vinh hoạt động sáng tạo. Rà soát, xây dựng ban hành đầy đủ, đồng bộ các chương trình, đề án, chiến lược phát triển, quy hoạch phát triển từng lĩnh vực quản lý văn hóa gắn với việc xác định rõ những chiến lược, giải pháp phù hợp với từng đối tượng, lĩnh vực, địa bàn quản lý cụ thể. Hoàn thiện cơ chế tự chịu trách nhiệm của các tổ chức văn hóa, nghệ thuật khi sáng tạo và sản xuất các sản phẩm văn hóa. Hoàn thiện cơ chế lựa chọn, sử dụng công chức văn hóa theo cơ chế công khai, minh bạch, cạnh tranh, trọng dụng người tài, đức.

* Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý văn hoá theo hướng tinh gọn, hiện đại, đáp ứng yêu cầu số hoá trong hoạt động quản lý, trong đó, hoạt động của các cơ quan QLNN về văn hóa từ trung ương đến địa phương phải bảo đảm tính thống nhất, liên thông và hiệu quả; đẩy mạnh phân quyền cho địa phương; mở rộng sự tham gia của khu vực tư nhân và các thành phần kinh tế ngoài nhà nước trong cung ứng dịch vụ công, xây dựng kết cấu hạ tầng ngành văn hóa.

Thông qua chính sách quản lý văn hoá (QLVH) của Anh qua Hội đồng nghệ thuật, chúng ta nhận thấy cần nghiên cứu phân cấp cho các tỉnh, thành phố xây dựng, ban hành các chính sách văn hóa trong phạm vi được phân cấp. Cụ thể:

- Nghiên cứu việc thành lập các hội đồng chuyên ngành về văn hóa - nghệ thuật giúp Nhà nước về chính sách văn hóa. Hội đồng không phải là cơ quan nhà nước, mà là tổ chức tư vấn, gồm các nhà văn hóa, nghệ sĩ có uy tín, có phẩm chất tốt, có trình độ chuyên môn cao, am hiểu về chính sách văn hóa. Hội đồng được giao nhiệm vụ tư vấn về chính sách văn hóa; đánh giá thẩm định các đề án, dự án về chính sách văn hóa đã được chuẩn bị và phối hợp với cơ quan chức năng của Nhà nước quyết định việc tài trợ kinh phí cho các dự án, cũng như giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các dự án.

- Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và cơ cấu tổ chức của các hội văn hóa nghệ thuật từ trung ương tới địa phương hoạt động theo phương thức xã hội hóa, phi hành chính hóa.

- Xây dựng cơ chế phản biện, phản hồi trong việc xây dựng và thực hiện chính sách văn hóa.

Hướng hoạt động văn hóa đi vào chiều sâu, tránh tình trạng phân tán không hiệu quả. Trong thời gian dài, hoạt động văn hóa ở Việt Nam chưa được quy hoạch phát triển theo định hướng. Thông thường các hoạt động chỉ dừng lại ở mức khai thác khả năng hiện có mà chưa quan tâm đào tạo, nghiên cứu, thực nghiệm các hoạt động mới, các loại hình mới mang tính văn hóa sâu hơn. Để đưa hoạt động văn hóa đi vào chiều sâu, chúng ta cần học tập kinh nghiệm của Trung Quốc về các chính sách giao trách nhiệm cho các cơ quan cấp dưới, khuyến khích thành lập các công ty, tập đoàn lớn, các cơ quan trọng điểm cho hoạt động văn hóa, trong đó có thị trường văn hóa. Chúng ta phải lựa chọn những lĩnh vực thế mạnh trong văn hóa, đầu tư nhiều để làm nổi rõ cái “quốc túy” trước làn sóng du nhập ồ ạt của văn hóa thế giới, nhất là sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cần có nhiều chính sách phát triển, chế tác hoặc sản xuất các sản phẩm văn hóa chất lượng cao mang tầm cỡ quốc gia để tạo chỗ đứng vững chắc, trước hết là tạo lòng tin trong cộng đồng.

4.2.2. Về tổ chức thực thi chính sách văn hoá

Tích cực đổi mới phương thức tổ chức thực hiện thể chế, chính sách văn hóa theo hướng chính phủ số và tập trung vào công vụ cốt lõi: chuyển từ kiểm soát sang kiến tạo, can thiệp trực tiếp sang gián tiếp, tiền kiểm sang hậu kiểm. Tăng cường các hoạt động tuyên truyền theo hướng đa dạng, linh hoạt, trong đó: định vị rõ giá trị văn hóa cốt lõi của người Việt Nam, của dân tộc Việt Nam; xác định rõ hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; tiếp tục đa dạng hóa các kênh truyền thông quảng bá hình ảnh quốc gia, cũng như phát huy vai trò kết nối, truyền tải các giá trị văn hóa của kiều bào Việt Nam ở nước ngoài; nhấn mạnh tầm quan trọng của tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước.

Tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động quản lý văn hóa trên các lĩnh vực theo các nội dung mà Nghị quyết số 33-NO/TW của Bộ Chính trị đã đề cập về các ngành công nghiệp văn hóa, hoạt động sáng tạo, xây dựng, phát triển thị trường văn hóa, các ngành công nghiệp văn hóa, quyền sở hữu trí tuệ và các quyền liên quan, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường; mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc gắn với với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bên vững ở các địa phương, các chương trình phục hồi, bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một; giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, các giá trị văn hóa trong tôn giáo, tín ngưỡng. ..

Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế của ngành văn hóa theo hướng tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế đầu tư trí tuệ, nguồn lực, tham gia phát triển văn hóa, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam. Tiếp tục phát huy tài năng, tâm huyết của lực lượng trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài trong việc tham gia phát triển văn hóa, văn học - nghệ thuật của đất nước.

Tiếp tục xây dựng và phát triển mạng lưới trung tâm văn hóa và các cơ sở văn hóa ở một số khu vực trọng điểm trên thế giới để mở rộng việc trao đổi, hợp tác trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, góp phần nâng cao “sức mạnh mềm” văn hóa của quốc gia.

Thực hiện tốt công tác tổng kết, đánh giá kết quả QLNN về văn hóa, từ đó, đúc kết kinh nghiệm và kịp thời điều chỉnh để phù hợp hơn với thực tiễn. Tiếp tục xây dựng những giá trị văn hóa mới, đi đôi với việc mở rộng và chủ động trong giao lưu quốc tế, tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc, bắt kịp sự phát triển của thời đại. Chủ trương ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng các phần mềm quản lý với hệ thống chỉ tiêu thống kê được chuẩn hóa, phục vụ tốt hơn việc ra quyết định cho các chủ thể QLNN.

4.2.3. Về công tác đào tạo nguồn nhân lực quản lý văn hoá

Coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức văn hóa, nghệ thuật, nhất là phải bảo đảm đủ số lượng đội ngũ công chức văn hóa cơ sở. Nâng cao năng lực, chất lượng của đội ngũ cán bộ công chức trong bộ máy QLNN về văn hóa, đặc biệt là năng lực xây dựng thể chế, chính sách, các chương trình và kế hoạch dài hạn về phát triển văn hóa.

Tiếp tục nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ công chức văn hóa thông qua quá trình tiêu chuẩn hóa, tuyển chọn và bồi dưỡng công chức, chú trọng các kỹ năng mềm bên cạnh trình độ chuyên môn.

Nâng cao công tác đào tạo nhân lực QLVH, chính sách thi tuyển công chức QLVH ở Trung Quốc cho thấy quyết tâm nâng cao năng lực quản lý và hoạt động văn hóa của quốc gia này trong cuộc chiến chống lạc hậu về văn hóa sau khi gia nhập WTO. Có lẽ việc thực hiện một biện pháp như vậy sẽ không phù hợp với Việt Nam vì chúng ta có nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa đã được đào tạo ít ỏi. Thực tế Việt Nam chỉ có một trường Đại học Văn hóa ở Hà Nội, một vài trường cao đẳng văn hóa nghệ thuật tại các địa phương, một vài khoa văn hóa học tại các trường đại học với số tuyển sinh hằng năm

không cao, rõ ràng không thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu nhân lực quản lý và hoạt động văn hóa tại các địa phương trong cả nước. Tuy vậy, một tín hiệu khả quan hiện nay cho lĩnh vực này là các trường đại học đã mạnh dạn tăng cường đào tạo sau đại học các chuyên ngành văn hóa học. Trong tương lai không xa, nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực văn hóa sẽ phong phú hơn, nhờ đó các hoạt động của lĩnh vực văn hóa sẽ khởi sắc hơn.

4.2.4. Về đầu tư cho hoạt động văn hoá

Đẩy mạnh việc hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, nhất là thiết chế văn hóa cơ sở theo hướng tăng cường tính hiệu quả, phù hợp với đặc điểm vùng, miền với nhu cầu và nguyện vọng của người dân; phát huy hơn nữa vai trò và tính tích cực của hệ thống thiết chế văn hóa cổ truyền, của các tôn giáo và tín ngưỡng; tiếp tục đầu tư xây dựng một số thiết chế văn hóa tiêu biểu cho thời đại mới, có trang thiết bị hiện đại, chuyên nghiệp tại một số tỉnh, thành phố trọng điểm.

Cần xác định một số ngành công nghiệp văn hóa có thể mạnh làm ngành chủ đạo, mũi nhọn, tiên phong, có khả năng dẫn dắt các hoạt động văn hóa để tự tiền phát triển. Tạo cơ chế thu hút nguồn lực khu vực từ trong cung ứng dịch vụ công của ngành văn hóa, xây dựng và thực hiện theo lộ trình việc có phân hoá các tổ chức văn hoá – nghệ thuật nhà nước. Tiếp tục chế độ tài trợ, đặt hàng và giải thưởng cho các tác phẩm văn học – nghệ thuật, kịch bản phim điện ảnh và sản xuất phim, trợ giá xuất bản.

Nghiên cứu thử nghiệm về việc thành lập và hoạt động của các quỹ văn hóa mang tính độc lập, phi chính phủ, phi lợi nhuận ở Việt Nam. Có thể nói, những cơ sở và điều kiện chủ quan và khách quan ở nước ta hiện nay đều đã chín muồi để xúc tiến thành lập các quỹ văn hóa. Xã hội hóa các hoạt động văn hóa là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp quy quan trọng để đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa. Đặc biệt, Nghị định số 177/1999/NĐ-CP ban hành ngày 22-12-1999 về Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện. Xã hội

hóa các hoạt động văn hóa là xu hướng chung và phổ biến của thế giới ngày nay, dù cách gọi có khác nhau. ở mọi quốc gia, nhà nước đều khuyến khích và tạo điều kiện để mọi người dân, khu vực doanh nghiệp tư nhân, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện tham gia đóng góp và xây dựng và phát triển đời sống văn hóa. Quỹ Văn hóa mang tính độc lập, phi chính phủ, phi lợi nhuận sẽ là những động lực thúc đẩy các hoạt động văn hóa ở Việt Nam phát triển.

Câu hỏi ôn tập

1. Nêu quan điểm về toàn cầu hoá và tác động của toàn cầu hoá đối với văn hoá hiện nay?
2. Hội nhập về văn hoá là gì? Xu thế này tác động như thế nào đối với văn hoá Việt Nam
3. Trình bày một số biến đổi trong chính sách văn hoá của các nước trên thế giới hiện nay?
4. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam qua tìm hiểu mô hình chính sách văn hoá các nước trên thế giới

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Văn hoá Thông tin (2003): *Quy định của nhà nước về hoạt động và quản lý văn hoá Thông tin*.
2. Nguyễn Chí Bền (2006), *Văn hóa Việt Nam, mấy vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Nguyễn Chí Bền, chủ biên (2010), *Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng cộng sản Việt Nam (1998), *Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Kết luận Hội nghị Trung ương 10 khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong những năm sắp tới*.
6. Nguyễn Khoa Điềm (chủ biên), (2002), *Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Phan Hồng Giang - Bùi Hoài Sơn, đồng chủ biên (2014), *Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế* (xuất bản lần thứ hai, có sửa chữa, bổ sung), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Phạm Duy Đức, chủ biên (2010), *Thành tựu trong xây dựng và phát triển văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Phạm Duy Đức, chủ biên (2010), *Phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 xu hướng và giải pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Hy, Phan Văn Tú, Hoàng Sơn Cường, Lê Thị Hiền, Trần Thị Diên (1998), *Quản lý hoạt động văn hóa*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
11. Dương Phú Hiệp, chủ biên (2010), *Tác động của toàn cầu hóa đối với sự phát triển văn hóa và con người Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Kiều, Trần Tiến (1993), *Tổng thuật chính sách văn hóa của một số nước trên thế giới*, Nxb Văn hóa Thông tin.

13. Nguyễn Thị Thu Linh (chủ biên) (2004), *Giáo trình quản lý nhà nước về văn hóa – giáo dục-y tế*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội,

14. *Luật Di sản văn hóa* (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) (2013), Nxb Lao động, Hà Nội.

15. Lương Hồng Quang (chủ biên) (2016), *Chính sách văn hóa*, Nxb Lao động.

16. TS. Nguyễn Văn Tình (2009), *Chính sách văn hóa trên thế giới và việc hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.

17. TS. Nguyễn Toàn Thắng (chủ biên) (2014), *Những vấn đề lý luận về phát triển văn hóa trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

PHỤ LỤC
MỘT SỐ BÀI VIẾT VỀ KINH NGHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG
VĂN HOÁ TRÊN THẾ GIỚI

Phát triển điện ảnh Việt Nam từ kinh nghiệm
phát triển điện ảnh của Hàn Quốc

Tác giả: PGS.TS Nguyễn Hữu Thức

Nguồn: (Bài đăng trong Tạp chí Lý luận phê bình văn học, nghệ thuật, tháng 1/2014)

Cha ông ta có câu “Đi một ngày đường học một sàng khôn”, quả là chí lý. Năm 2013, tôi may mắn cùng Đoàn công tác của Hội Điện ảnh Việt Nam sang tìm hiểu kinh nghiệm phát triển điện ảnh ở xứ sở Kim Chi. Ít ai là không biết tới sự lớn mạnh của Hàn Quốc trên nhiều lĩnh vực, trong đó có điện ảnh, tạo nên kỳ tích sông Hàn trong 40 năm qua.

Đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Hàn Quốc thực hiện chính sách kinh tế mới, tăng tốc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và mở cửa, hội nhập với thế giới. Sau đó là những năm tháng phát triển rực rỡ của kinh tế Hàn Quốc. Các nhà nghiên cứu đánh giá chỉ với 30 năm (1970-2000) công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Hàn Quốc đã đạt kỷ lục kinh tế sánh vai với các nước tư bản có lịch sử phát triển 300 năm. Năm 2000, công nghiệp Hàn Quốc đứng thứ 11 trên thế giới. Các tập đoàn kinh tế Hàn Quốc như Tập đoàn Samsung, Tập đoàn LG (Lucky-Goldstar), Tập đoàn Hyundai, Tập đoàn Posco... là những tập đoàn xuyên quốc gia tung ra thị trường thế giới nhiều sản phẩm hấp dẫn, như: ô tô, điện tử, sắt thép, thời trang, dệt may, hóa chất...

Vào những năm 1990, khi kinh tế Hàn Quốc trỗi dậy, thu nhập của người dân nâng cao, nhu cầu giải trí gia tăng, Chính phủ Hàn Quốc sớm nhận ra vai trò, lợi thế của nền công nghiệp điện ảnh trong đời sống tinh thần của người dân và quảng bá đất nước, con người Hàn Quốc ra thế giới nên chủ động đầu tư cho chương trình gửi các tài năng ra học tập ở các nước có nền điện ảnh phát triển là Mỹ, Hồng Kông, Nhật Bản... Ngoài số nhân lực do Nhà nước gửi đi, nhiều hộ dân có kinh tế khá giả cũng đầu tư gửi con theo học ở những trường điện ảnh nổi tiếng trên thế giới. Lúc đầu 200 người được chính phủ gửi đào tạo về các lĩnh vực đạo diễn, biên kịch, diễn viên, quay phim, thiết kế mỹ thuật, âm thanh... Họ

trở về nước vào năm 1993 và tập hợp thành từng nhóm làm phim. Chỉ 10 năm sau đó, những nhà điện ảnh Hàn Quốc liên tiếp sản xuất hàng trăm bộ phim, trong đó có nhiều bộ phim gây chấn động dư luận trong nước. Điển hình là phim Quái vật, thu hút tới 13 triệu lượt người tới rạp. Năm 2013, phim 26 năm chiếu rạp đã tạo cơn sốt vé, thu hút 3 triệu lượt người vào xem. Phim Hàn Quốc nhập thị trường phim thế giới được nhiều nước đón nhận, gây ấn tượng và thu hút sự quan tâm của khán giả. Thế giới đã quen thuộc với cụm từ “làn sóng phim Hàn”, nhất là dòng phim tâm lý xã hội và dòng phim lịch sử.

Ngoài việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực, các nhà xây dựng chính sách luôn trăn trở tìm lối đi, nhất là tạo cơ chế cho điện ảnh Hàn Quốc phát triển. Tổ chức Hội Điện ảnh Việt Nam bao gồm những người làm phim điện ảnh (phim chiếu rạp) và những người làm phim truyền hình (phim phát trên truyền hình) nhưng Hiệp Hội Điện ảnh Hàn Quốc tập hợp hội viên là những người làm phim điện ảnh. Đặc điểm của phim chiếu rạp khác với phim truyền hình. Phim chiếu rạp được ví là một “bữa ăn tinh thần hoàn chỉnh”, độ dài không vượt 150 phút, thời gian tối đa giữ chân người xem ở trong rạp. Người xem bỏ tiền mua vé để vào rạp xem phim nên họ có quyền đòi hỏi được xem một sản phẩm phim hay, hấp dẫn, có tìm tòi, sáng tạo cách thể hiện và gửi gắm trong phim thông điệp tư tưởng sâu sắc về thời cuộc và thân phận con người. Nhà sản xuất phim, đạo diễn, biên kịch và nhóm làm phim phải trăn trở tính toán để làm như thế nào khi bộ phim mang chiếu rạp gây được ấn tượng ngay ở buổi đầu tiên, tạo dư luận thu hút khán giả đến rạp những ngày tiếp theo. Do vậy, yêu cầu về nghệ thuật đối với phim chiếu rạp là rất khắt khe. Còn phim phát trên truyền hình, yêu cầu đặt ra cũng rất cao về nghệ thuật, nhưng áp lực không lớn bằng phim chiếu rạp. Phim phát trên kênh truyền hình có số lượng khán giả màn ảnh nhỏ đông vì họ trả tiền trước để chọn xem các kênh trên truyền hình có quảng cáo tích hợp vào ti vi nên họ có quyền lựa chọn không xem phim ở kênh này thì xem chương trình tin tức ở kênh khác. Phim truyền hình có nhiều dạng, có thể là một bộ phim hoàn chỉnh trong một buổi phát sóng nhưng cũng có thể là một bộ phim dài hàng chục tập đến hàng trăm tập, thời gian phát không liên tục, mỗi tập ví như là một “món ăn” trong một “bữa ăn tinh thần hoàn chỉnh”. Phim điện ảnh chiếu rạp nguồn thu chính để bù sản xuất phim là từ nguồn tiền qua bán vé vào rạp, còn phim truyền hình nguồn thu chính bù kinh phí sản xuất là từ kinh phí quảng cáo

và hỗ trợ của các nhà tài trợ. Sự khác biệt cơ bản nêu trên đã tác động đến cơ chế đầu tư tài chính giữa phim điện ảnh và phim truyền hình có khác nhau.

Theo thời giá hiện nay, việc đầu tư sản xuất một bộ phim điện ảnh dài khoảng 120 phút kinh phí tối thiểu phải 15 tỷ đồng. Bất cứ nhà sản xuất nào đều hy vọng phim làm ra sẽ là “quả bom tấn” hút khách đến rạp. Nhưng mọi sự không “xuôi chèo mát mái” như vậy, có phim đạo diễn tưởng là “ăn khách”, nhưng khi ra rạp thì ngược lại. Vì vậy, các nhà sản xuất, sau khi chọn được kịch bản, rất cần “bà đỡ” để có nguồn kinh phí ban đầu tạo “cú hích” và cảm hứng cho họ quyết tâm làm phim. Chính phủ Hàn Quốc đã có kinh nghiệm trong xử lý vấn đề này. Từ năm 1973, Hội đồng phim Hàn Quốc (KOFIC) được thành lập trực thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, gồm chủ tịch và 8 ủy ban thành viên có nhiệm vụ nghiên cứu đề xuất các chính sách phát triển phim điện ảnh Hàn Quốc. Đến năm 2007, Hội đồng phim Hàn Quốc chính thức quản lý Quỹ phát triển phim điện ảnh với tổng số vốn là 430 triệu USD để hỗ trợ đầu tư cho công nghiệp phim điện ảnh. Nguồn quỹ này do Chính phủ cấp ban đầu là 172 triệu USD; cùng với 172 triệu USD số tiền do các rạp chiếu phim đóng góp từ phần trăm trích lại giá vé vào xem phim và 86 triệu USD là nguồn tiền còn lại do tổ chức, cá nhân tài trợ của những năm trước. Từ 01/7/2007, Hàn Quốc thực hiện chính sách trích 3% từ tiền vé vào rạp đóng vào Quỹ phát triển phim điện ảnh. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ phát triển điện ảnh là hằng năm xem xét các dự án sản xuất phim gửi tới, thông qua các ủy ban chuyên môn lựa chọn phim phù hợp tiêu chí đặt ra thì đưa vào diện hỗ trợ. Hỗ trợ sản xuất phim phải đảm bảo nguyên tắc bảo tồn vốn. Nhà nước chỉ cấp vốn cho Quỹ một lần 172 triệu USD. Sau đó việc hồi vốn và phát triển Quỹ phụ thuộc vào nguồn thu 3% giá vé vào rạp trên địa bàn toàn quốc. Năm 2012, Quỹ phát triển điện ảnh hỗ trợ 30 triệu USD cho làm phim và số tiền 3% thu từ vé vào rạp, chuyển về Quỹ đạt 35 triệu USD. Phim được hỗ trợ mà hay khi chiếu ở rạp đông khán giả tới xem thì số 3% giá vé thu về càng nhiều. Từ năm 2000 đến năm 2012 (12 năm), Hội đồng phim Hàn Quốc đã hỗ trợ cho 602 phim, bình quân mỗi năm khoảng 50 phim điện ảnh được hỗ trợ. Đây là cơ quan ở cấp Trung ương còn ở các thành phố lớn, vùng lãnh thổ, đều có tổ chức Hội đồng phim, trong đó có quản lý Quỹ phát triển phim điện ảnh và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ tương tự Hội đồng ở Trung ương nhưng cụ thể việc hỗ trợ làm phim căn cứ từ yêu cầu của từng thành phố và vùng lãnh thổ. Hiệp hội phim điện ảnh thủ đô Seoul mỗi năm được thành

phổ cấp 3 triệu USD cho hỗ trợ phát triển điện ảnh. Đáng lưu ý là Hàn Quốc khuyến khích các dự án của nước ngoài sang làm phim ở Hàn Quốc, có sử dụng các trường quay ở Hàn Quốc. Dự án làm phim có liên quan đến quảng bá đất nước, con người Hàn Quốc, độ dài bộ phim tối thiểu là 60 phút, số tiền làm phim từ 900 nghìn USD trở lên và phải ở ít nhất 10 ngày ở Hàn Quốc sẽ được các Quỹ phát triển phim điện ảnh ở Trung ương hoặc địa phương xem xét hỗ trợ 25% bù số kinh phí làm phim trên đất nước Hàn Quốc. Họ cho rằng việc làm phim có giới thiệu đất nước, con người Hàn Quốc chính là truyền thông phát triển du lịch và quảng cáo sản phẩm kinh tế của nước họ ra thế giới.

Muốn công nghiệp Hàn Quốc phát triển vững mạnh, sau các bước đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ nhà sản xuất phim, Chính phủ Hàn Quốc ưu tiên phát triển các trường quay phim. Có hai loại trường quay phim: thứ nhất là loại trường quay chuyên dụng làm dịch vụ cho các đoàn làm phim; thứ hai là loại trường quay nằm trong các khu bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc như Làng dân tộc Seongup ở đảo Jeju, Làng dân tộc Hàn Quốc ở thành phố Yong-in.

Hội đồng phim Hàn Quốc đã đầu tư xây dựng một trường quay lớn là Trường quay Namyangiu ở thành phố Gyonggi-do, với tổng diện tích rộng tới 1.212.727m², diện tích xây dựng là 278.199m². Đây là một quần thể khép kín có khu trung tâm xử lý kỹ thuật âm thanh, in tráng; khu liên hợp dịch vụ làm phim; hai khu làng truyền thống (thị dân và nông thôn); một khu nhà cổ truyền thống đại diện cho giới quý tộc Hàn Quốc; khu Bàn Môn Điểm, nơi cửa khẩu tiếp giáp hai miền Nam-Bắc bán đảo Triều Tiên và một phòng quay đặc biệt với một phòng lớn và sáu phòng nhỏ phục vụ làm kỹ xảo phim. Trường quay phim Namyangiu cùng lúc có thể đón tiếp hàng chục đoàn tới làm phim khép kín từ tiền kỳ đến hậu kỳ. Điều đáng nói là, Chính phủ Hàn Quốc chỉ đầu tư kinh phí ban đầu xây dựng trường quay, khi trường quay đi vào hoạt động phải theo phương châm tự hạch toán thu chi vừa nuôi bộ máy vận hành vừa đảm bảo trường quay hoạt động có hiệu quả kinh tế và phát triển mở rộng cơ sở vật chất. Họ không có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào kinh phí nhà nước mà phải chủ động khai thác, hạch toán nuôi nhau. Năm 2012, khoảng 130 đoàn phim trong nước và quốc tế quay ở Trường quay Namyangiu, tổng doanh thu đạt 30 triệu USD.

Nổi bật trong trường quay là Trung tâm liên kết các dịch vụ làm phim điện ảnh. Đây là khu liên hợp 2 tầng, diện tích xây dựng 12.600m², gồm các khu: Khu nghệ thuật phim, khu trải nghiệm các sản phẩm phim, khu quay phim

kỹ xảo, khu giáo dục thị giác, phòng quay nhỏ, phòng đạo cụ (với 400.000 loại), phòng trang phục (với 50.000 trang phục), khu thông tin giới thiệu lịch sử nghệ thuật điện ảnh Hàn Quốc và trưng bày những đạo cụ, cảnh phim, ảnh đạo diễn, diễn viên điện ảnh xuất sắc từng tham gia dựng những bộ phim nổi tiếng ở Trường quay Namyangju. Trường quay này thực sự trở thành một bảo tàng nghệ thuật điện ảnh lưu giữ các hiện vật gốc-những vật chứng về lịch sử làm phim chiếu rạp ở Hàn Quốc. Trừ ngày tết năm mới và thứ hai hàng tuần còn những ngày khác trong năm, Trường quay đều mở cửa đón khách vào tham quan; tháng 5 đến tháng 10, mở cửa từ 10 giờ đến 18 giờ còn tháng 11 đến tháng 4, mở cửa từ 10 giờ đến 17 giờ. Giá vé vào cửa người lớn là 3.000 won/người (tương đương 60.000 đồng tiền Việt); học sinh, sinh viên 2.500 won/người; trẻ em 2.000 won/người; nếu đoàn từ 29 người trở lên được giảm giá vé còn 500 won/người. Nguồn vé vào tham quan trường quay là một nguồn thu đáng kể cho Ban quản lý Trường quay Namyangju. Năm 2012, trường quay này thu qua vé được 1 triệu USD của khách du lịch. Những ngày cuối tuần có khoảng 2.000 du khách vào tham quan.

Chính phủ Hàn Quốc có chiến lược đào tạo đội ngũ làm phim không chuyên nghiệp, bồi dưỡng thẩm mỹ và lòng say mê của công chúng đối với môn nghệ thuật điện ảnh. Hiện nay, cả nước Hàn Quốc có 32 Trung tâm truyền thông điện ảnh. Chính phủ đặt mục tiêu đến năm 2018, cả nước Hàn Quốc phải có 200 trung tâm truyền thông điện ảnh và mỗi trung tâm được đầu tư ban đầu là 2 triệu USD. Trung tâm có nhiệm vụ tập hợp những người dân yêu thích điện ảnh từ trẻ em đến người cao tuổi để truyền đạt kiến thức điện ảnh và truyền dạy cách làm phim ký sự, phóng sự, phim truyện điện ảnh. Trung tâm truyền thông điện ảnh thành phố Buchon thành lập năm 2010, số vốn ban đầu là 2 triệu USD, trong đó thành phố hỗ trợ 1 triệu, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đóng góp khoảng 1 triệu USD. Trung tâm có 7 nhân viên, mỗi năm đón nhận khoảng 1.000 người đến học. Mỗi khóa học từ 3 đến 6 tháng, thời gian học có thể đáp ứng cho nhiều đối tượng. Có lớp học từ 1 giờ đến 6 giờ chiều; có lớp từ 7 giờ đến 10 giờ tối; lại có lớp học vào thứ bảy, chủ nhật. Học làm phim từ cách viết kịch bản, biên kịch, đạo diễn, dựng phim, lồng tiếng, biên tập hình... Tòa nhà của Trung tâm gồm nhiều phòng, như phòng lưu trữ có khoảng gần 1.000 bộ phim trong nước và ngoài nước làm tài liệu tham khảo cho học viên; phòng học và hội thảo; phòng biên tập trên máy tính; phòng thu âm, lồng tiếng; phòng chiếu phim; phòng vật

tư có đầy đủ thiết bị thiết yếu để học viên có thể tự dàn dựng hoàn chỉnh một phim ngắn 30 phút. Giảng viên là những đạo diễn, giáo viên dạy ở các trường đại học điện ảnh, các nhà biên kịch, kỹ thuật âm thanh. Các lớp học về kỹ năng làm phim điện ảnh không chú trọng lợi nhuận kinh tế mà mục đích chính là giúp người dân phát huy tự do ngôn luận, thể hiện chính kiến của mình qua loại hình nghệ thuật thứ bảy. Số tiền trung tâm thu được qua học phí, thuê máy móc, thiết bị, phòng quay để làm phim năm 2012 khoảng 100.000 USD, thành phố Buchon hỗ trợ 400.000 USD. Thông qua các trung tâm truyền thông điện ảnh, ở Hàn Quốc đã hình thành một đội ngũ đông đảo những người am hiểu về nghệ thuật điện ảnh và trực tiếp thể nghiệm việc làm phim điện ảnh, họ cũng là công chúng nhiệt huyết đối với các phim điện ảnh của Hàn Quốc.

Hàn Quốc ban hành chính sách bảo hộ phim điện ảnh sản xuất trong nước, quy định trong năm các rạp phải chiếu 51% phim điện ảnh Hàn Quốc. Đây là cơ hội cho các nhà sản xuất phim về một thị trường rộng mở đón nhận sản phẩm họ làm ra. Năm 2012, Hàn Quốc sản xuất 170 bộ phim điện ảnh trong đó 70% là phim thương mại, còn 30% là phim phóng sự, tài liệu khoa học, du lịch..., 10% trong số đó khi chiếu rạp tạo được ấn tượng thu hút khán giả. Theo thống kê của Hội đồng phim Hàn Quốc, năm 2012, số phim chiếu rạp là: phim Hàn Quốc 59,2%; phim Mỹ 34,10%; phim các nước Châu Âu 4,30%; phim Nhật Bản 1,60%; phim Trung Quốc 0,3%; phim các nước khác 0,50%. Như vậy, số phim điện ảnh Hàn Quốc chiếu rạp đạt tỉ lệ khá cao. Người Hàn Quốc rất đam mê phim điện ảnh và tự hào về thành tựu của nền điện ảnh dân tộc. Hàn Quốc có 314 cụm rạp chiếu phim với khoảng 2.500 phòng chiếu. Năm 2012, bình quân mỗi người dân Hàn Quốc đạt 3,8 lượt đến rạp xem phim (dân số Hàn Quốc khoảng 50 triệu người).

Hàn Quốc thành lập Hội đồng phân loại phim, thực chất là Hội đồng kiểm duyệt phim, có nhiệm vụ phân loại số phim điện ảnh sản xuất trong năm thành các loại: phim chiếu rạp không hạn chế; phim chiếu rạp hạn chế tuổi; phim hạn chế chỉ dành cho giới nghiên cứu. Khi phim bị Hội đồng liệt vào loại hạn chế dành cho giới nghiên cứu đồng nghĩa là phim không được chiếu cho công chúng rộng rãi. Các phim không có ý đồ chính trị, khi bị xếp loại dành cho giới nghiên cứu, nếu muốn được ra rạp, đạo diễn phải chấp nhận cắt bỏ những cảnh nhạy cảm, độc hại. Năm 2013, phim Moebius của đạo diễn Hàn Quốc nổi tiếng là Kim Ki Duk đã bị Hội đồng phân loại phim xếp vào loại không chiếu

rộng rãi vì phim có quá nhiều cảnh nóng miêu tả quan hệ tình dục loạn luân trong gia đình giữa mẹ và con trai vi phạm thuần phong mỹ tục. Đạo diễn phải cắt một phút cảnh nóng so với bản đầu tiên và bộ phim này còn phải chiếu lấy ý kiến của 107 nhà báo, nhà bình luận phim, có 93 người đồng ý cho chiếu rạp (tỷ lệ 87%) nhưng với điều kiện cắt thêm 2 phút cảnh nóng và dưới 18 tuổi không được vào xem.

Chính phủ Hàn Quốc rất coi trọng tổ chức các cuộc liên hoan phim trong nước và quốc tế tại Hàn Quốc, tạo cơ hội cho giới hoạt động điện ảnh giao lưu, trao đổi kinh nghiệm làm phim và là dịp tôn vinh các tài năng điện ảnh. Có điều, Hàn Quốc tôn vinh nghệ sĩ nhưng không có chính sách đãi ngộ nghệ sĩ. Phần thưởng cao quý trao cho nghệ sĩ điện ảnh trong các cuộc liên hoan phim, đó là sự ghi nhận tài năng cống hiến của nghệ sĩ, góp phần làm nên một tác phẩm điện ảnh xuất sắc, được công chúng mến mộ. Nhờ vào phần thưởng danh giá tại liên hoan phim, các nghệ sĩ điện ảnh được nhà sản xuất biết tới tài năng và mời tham gia vào dự án làm phim, qua đó tăng thu nhập qua các hợp đồng làm phim. Tôn vinh nghệ sĩ là để khích lệ nghệ sĩ tiếp tục lao động sáng tạo vì sự phát triển của nền điện ảnh Hàn Quốc, chứ không phải tự bằng lòng hưởng thụ với những gì đã có mà nghệ sĩ đã đạt được. Khi các nghệ sĩ tuổi cao sức yếu, họ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội cũng như những người lao động khác, không phân đẳng cấp, vì cho rằng họ đều là con người cần được đối xử bình đẳng. Chính phủ Hàn Quốc cho phép thành lập Quỹ phúc lợi nghệ sĩ. Quỹ này ra đời nhằm hỗ trợ nghệ sĩ học chuyên nghề khi tuổi đời còn trẻ nhưng không còn khả năng theo nghệ thuật; hỗ trợ nghệ sĩ lúc ốm đau, mắc bệnh hiểm nghèo hoặc gặp hoạn nạn trong cuộc sống.

Hiện nay, phim chiếu rạp có nhiều dòng phim hay thể loại phim. Thể loại truyền thống là phim hiện thực xã hội, tâm lý xã hội... Những năm gần đây xuất hiện thể loại phim kinh dị, phim giả tưởng, phim hành động, phim hoạt hình 3D, 4D... Hàn Quốc có bước tiến đáng ghi nhận trong sản xuất phim hoạt hình chiếu rạp. Những phim Gấu trắng, Điệp viên 008... trẻ em Hàn Quốc rất hâm mộ, xuất sang nhiều nước trên thế giới. Chính phủ Hàn Quốc sớm có chính sách bồi dưỡng thẩm mỹ hoạt hình cho trẻ em. Năm cạnh Trung tâm sản xuất phim hoạt hình Hàn Quốc thành phố Gyeonggi-do là Bảo tàng hoạt hình Hàn Quốc. Bảo tàng 2 tầng, thiết kế nhiều gian trưng bày và phòng chiếu phim hoạt hình nằm ở trung tâm tầng 1. Du khách đến tham quan thông qua các hiện vật trưng bày ở

bảo tàng sẽ hiểu lịch sử phát triển nghệ thuật hoạt hình Hàn Quốc từ khi ra đời vào năm 1909 đến những năm gần đây, qua đó cảm phục thành tựu rạng rỡ của nghệ thuật hoạt hình Hàn Quốc. Hằng ngày trẻ em các nơi đến Bảo tàng này rất đông, từ trẻ em lớp mẫu giáo đến học sinh phổ thông. Các em cảm nhận, tham gia vào các công việc vẽ hình, trò chơi tạo hình, xem phim hoạt hình ở các giai đoạn lịch sử. Giá vé vào Bảo tàng hoạt hình khá cao. Từ 3 đến 64 tuổi vé 5.000 won/người. Nếu đi gia đình gồm vợ chồng và 2 đứa con thì giá vé trọn gói là 15.000 won. Tổ chức đi tập thể từ 20 người trở lên giá vé là 4.000 won/người. Từ Bảo tàng hoạt hình các em có thể vào Trung tâm sản xuất phim hoạt hình để chứng kiến các nghệ sĩ đang say mê sáng tạo nhân vật hoạt hình trên máy vi tính.

Có đến các cơ sở sản xuất điện ảnh ở Hàn Quốc, chúng tôi mới cảm nhận đầy đủ sự đam mê của người Hàn Quốc với nghệ thuật điện ảnh và phương châm xã hội hóa kết hợp với chiến lược giáo dục, bồi dưỡng thẩm mỹ nghệ thuật điện ảnh của Chính phủ Hàn Quốc nhằm tạo điều kiện và xây dựng nguồn nhân lực sáng tạo, hưởng thụ và quảng bá các giá trị điện ảnh dân tộc đến các tầng lớp nhân dân ở trong nước và quốc tế.

Từ kinh nghiệm phát triển điện ảnh của Hàn Quốc, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị với các nhà xây dựng chính sách phát triển điện ảnh của Việt Nam:

- Sớm ban hành chính sách lựa chọn những sinh viên giỏi ở các trường điện ảnh trên các lĩnh vực: quay phim, đạo diễn, biên kịch, diễn viên, thiết kế mỹ thuật, âm thanh... gửi đi đào tạo ở các nước có nền điện ảnh phát triển để có nguồn nhân lực chất lượng cao tăng cường cho các cơ sở điện ảnh thuộc khu vực nhà nước.

- Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Hội Điện ảnh Việt Nam là tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp tập hợp những người hoạt động trên lĩnh vực sáng tạo, quảng bá, nghiên cứu, phê bình về phim điện ảnh.

- Chính phủ sớm thành lập quỹ phát triển điện ảnh Việt Nam; quy định cơ chế hoạt động theo phương châm xã hội hóa và đề ra chính sách trích phần trăm giá vé đóng góp vào quỹ.

- Đầu tư xây dựng dự án trường quay quy mô quốc gia để làm dịch vụ sản xuất phim; xây dựng bảo tàng điện ảnh Việt Nam gắn với trường quay, góp phần giáo dục thẩm mỹ điện ảnh đến các tầng lớp nhân dân.

- Hình thành các trung tâm đào tạo kỹ năng làm phim ở các tỉnh, thành phố đáp ứng nhu cầu tự làm phim của những người yêu thích nghệ thuật điện ảnh ở các vùng miền.

- Đầu tư xây dựng các cụm rạp chiếu phim đạt chất lượng cao, thực sự là tụ điểm văn hóa đáp ứng nhu cầu hưởng thụ nghệ thuật của các tầng lớp nhân dân.

- Xây dựng chính sách xã hội hóa hoạt động điện ảnh thu hút các nguồn lực xã hội cho phát triển điện ảnh.

- Coi trọng các hoạt động truyền thông về điện ảnh, xây dựng đội ngũ lý luận, phê bình điện ảnh chuyên nghiệp để định hướng thẩm mỹ công chúng điện ảnh.

Quản lý văn hóa ở một số nước và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Tác giả: Phan Hồng Giang – Bùi Hoài Sơn

Nguồn: Tạp chí Văn hoá nghệ thuật

Quản lý văn hóa (QLVH) là một lĩnh vực rộng và phức tạp, vì vậy, kinh nghiệm quản lý văn hóa ở các nước trên thế giới rất cần thiết và bổ ích. Vấn đề đặt ra là từ những kinh nghiệm đó chúng ta cần nghiên cứu, lựa chọn những gì phù hợp với thực tiễn đất nước nhằm tiếp tục hoàn thiện chính sách văn hóa trên cơ sở quan điểm, đường lối của Đảng và yêu cầu phát triển của nước nhà trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Trên quan điểm đó, chúng tôi lựa chọn kinh nghiệm của một số nước tiêu biểu trên thế giới để rút ra những bài học cụ thể cho việc QLVH ở Việt Nam.

1- Một số nét tiêu biểu của QLVH ở một số nước trên thế giới

Ở Vương quốc Anh, Bộ Văn hóa, Truyền thông và Thể thao (DCMS) thực hiện chính sách của chính phủ và quản lý các khoản trợ cấp của chính phủ đối với các bảo tàng quốc gia, phòng trưng bày nghệ thuật ở Anh, Hội đồng Nghệ thuật Anh, Thư viện Anh quốc và những cơ quan di sản và văn hóa quốc gia khác. Ngoài ra, Bộ cũng quản lý ngành phim và âm nhạc, phát thanh - truyền hình và báo chí, xổ số quốc gia, đánh bạc và cấp phép xuất khẩu các vật phẩm văn hóa. Đứng đầu DCMS là một bộ trưởng, trợ giúp cho bộ trưởng có một quốc vụ khanh và hai thứ trưởng phụ trách.

Một trong những nét độc đáo trong QLVH ở Anh là mô hình hội đồng nghệ thuật. Trong QLVH ở Anh, Hội đồng Nghệ thuật có một vai trò rất quan trọng. Đây là cơ quan duy nhất tài trợ và phát triển nghệ thuật. Hội đồng Nghệ thuật Anh được xem là “cánh tay nối dài” (arm-length) của chính phủ trong việc lựa chọn, xác định những chủ đề, lĩnh vực ưu tiên trong chính sách văn hóa. Thành viên của Hội đồng Nghệ thuật do Bộ trưởng DCMS chỉ định. Các thành viên có nhiệm kỳ 4 năm, và có thể được bổ nhiệm ở nhiệm kỳ 4 năm tiếp theo. Hội đồng họp tối đa 5 lần 1 năm. Mỗi thành viên Hội đồng được lựa chọn do những thành tựu họ đạt được với tư cách là những nghệ sĩ, quản lý nghệ thuật, các nhà nghiên cứu, hay cả các nhà quản trị trong các thành phần kinh tế tư nhân

và nhà nước. Hội đồng Nghệ thuật chịu trách nhiệm phát triển và tăng cường hiểu biết và thực hành nghệ thuật, tăng cường khả năng tiếp cận nghệ thuật của người dân. Hội đồng Nghệ thuật quyết định những chính sách và các hướng ưu tiên, cũng như đầu tư ngân sách cho các nghệ sĩ và các tổ chức nghệ thuật thông qua các hội đồng nghệ thuật vùng. Chính sách văn hóa ở các vùng do các cơ quan vùng thực hiện. ở 8 vùng quy hoạch ngoài phạm vi Luân-đôn, DCMS đã thành lập ở mỗi vùng một cơ quan phụ trách văn hóa vùng. Người ta cũng có các kế hoạch thành lập các hội đồng vùng và sẽ chuyển giao trách nhiệm của chính phủ trung ương cho các cơ quan này.

Với Trung Quốc, đặc trưng thể chế tổ chức quản lý sự nghiệp văn hóa đó là Nhà nước là chủ thể. Nhà nước lấy việc quản lý sự nghiệp văn hóa là một chức năng quản lý quan trọng của chính quyền các cấp. Từ chính quyền trung ương đến chính quyền các tỉnh (khu tự trị, thành phố trực thuộc), thành phố, huyện cho đến các cơ sở xã, thị trấn, đều có cơ cấu tổ chức chuyên môn thay mặt Nhà nước làm công việc quản lý sự nghiệp văn hóa; đồng thời, chính sách quản lý sự nghiệp văn hóa, cơ cấu quản lý đó lại chịu sự chỉ đạo trực tiếp của cơ quan tuyên truyền Đảng ủy cùng cấp.

Trong cách QLVH của Trung Quốc, các biện pháp quản lý hành chính, chính trị, pháp luật, kinh tế, dư luận xã hội... tác động qua lại, bổ sung cho nhau. Vận dụng nhiều biện pháp quản lý đối với việc giải quyết những vấn đề xuất hiện trong đời sống và việc QLVH càng giúp ích cho sự tích cực, chủ động của các đơn vị văn hóa, những người làm công tác trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, và giúp điều hòa các mối quan hệ trong quá trình xây dựng, phát triển và quản lý các hoạt động văn hóa. Trong việc xây dựng các chính sách văn hóa, Trung Quốc ngày càng chú ý và coi trọng việc vận dụng biện pháp quản lý bằng pháp luật và biện pháp kinh tế.

Trung Quốc phân chia các mức độ QLVH của mình thành ba cấp: quản lý vĩ mô, quản lý trung mô và quản lý vi mô. Ba cấp độ quản lý này có những khác biệt rõ rệt trong việc đưa ra biện pháp quản lý, chức năng quản lý, xác định đối tượng và chủ thể quản lý.

Để hoàn thiện cơ chế quản lý của ngành văn hóa, Trung Quốc đã đưa ra một vài khuyến nghị sau: Thứ nhất, tổng kết thực trạng công tác quản lý ngành văn hóa; thứ hai, từng bước kiện toàn và hoàn thiện hệ thống điều hành quản lý

của ngành với yêu cầu chung là cầu nối giữa điều hành vĩ mô và điều hành vi mô; thứ ba, điều chỉnh, hoàn thiện hơn nữa chức năng quản lý trực tiếp đối với các sự nghiệp, cơ cấu văn hóa quan trọng, các hạng mục phát triển văn hóa quan trọng; thứ tư, hoàn thiện cơ chế vận hành của ngành đó là thực hiện khoa học hóa quyết sách quản lý.

Việc xây dựng chính sách ở Trung Quốc có những nguyên tắc cơ bản như: Nhất trí với các tính chất, phương hướng và mục tiêu phát triển của sự nghiệp văn hóa xã hội chủ nghĩa; phát triển sự nghiệp văn hóa phải cân đối nhịp nhàng với sự phát triển của cả nền kinh tế - xã hội; tôn trọng quy luật khách quan của công cuộc xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc; tính khoa học của chính sách; tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống chính sách.

Đối với nước Mỹ, trong Hiến pháp của mình, Tổng thống hay Quốc hội không được trao nhiệm vụ QLVH. Chính vì lý do đó, chính quyền trung ương hay các tiểu bang không trực tiếp can thiệp vào chính sách văn hóa. Các tiểu bang và các cơ sở văn hóa công cộng hay tư nhân đều căn cứ vào tình hình cụ thể mà hoạch định chính sách văn hóa riêng cho mình và nhờ vậy tạo ra đặc trưng phong phú cho văn hóa Mỹ. Nước Mỹ đề cao sự tự do trong sáng tạo và thể hiện điều này qua cách quản lý của mình.

Ở Mỹ, văn hóa là một loại sản phẩm hàng hóa. Những lý do đặc biệt, tế nhị của văn hóa ít được biết đến do những đặc điểm của lịch sử và xã hội Mỹ: một xã hội đa sắc tộc, đại đa số là dân nhập cư, ít bề dày lịch sử. Tuy nhiên, không phải không có chính sách trực tiếp đối với lĩnh vực văn hóa mà nước Mỹ hoàn toàn không định hướng sự phát triển văn hóa của mình. Một trong những định hướng rõ nhất của Chính phủ Mỹ đối với văn hóa là thông qua các điều khoản trong Luật Thuế và trong các thỏa thuận song phương và đa phương giữa Chính phủ Mỹ và các nước liên quan đến vấn đề hàng hóa. Luật Thuế của Mỹ có những điều khoản cho phép việc miễn giảm thuế đối với những khoản đóng góp cho các quỹ từ thiện hay phát triển văn hóa. Những người góp tiền cho các đơn vị nghệ thuật không chỉ được khấu trừ thuế, mà còn được hưởng miễn thuế tài sản và những quyền lợi miễn thuế thu nhập khi đóng thuế cho địa phương và cho bang.

Trong QLVH ở Hàn Quốc, chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp văn hóa là một đặc điểm nổi bật. Ở Hàn Quốc, khối doanh nghiệp văn hóa đều là các doanh nghiệp tư nhân, nhưng Nhà nước hết sức quan tâm hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp văn hóa Hàn Quốc. Cục Công nghiệp văn hóa thuộc Bộ Văn hóa và Du lịch là cơ quan chuyên hoạch định các chính sách nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh của ngành công nghiệp văn hóa Hàn Quốc trên thị trường quốc tế. Cục hỗ trợ ngành công nghiệp văn hóa xây dựng và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng; hỗ trợ các ngành công nghiệp văn hóa thâm nhập vào thị trường quốc tế; phát triển các giá trị gia tăng cho các sản phẩm văn hóa và tăng cường thúc đẩy đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cho ngành công nghiệp văn hóa. Cục Công nghiệp văn hóa Hàn Quốc có các phòng theo từng lĩnh vực mà Bộ quản lý như: Bản quyền tác giả; điện ảnh, phim hoạt hình và video; công nghiệp trò chơi và công nghệ âm nhạc; công nghệ văn hóa và đào tạo nhân lực. Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ truyền thông đa phương tiện và kỹ thuật số, Cục này cũng có một đơn vị chuyên chăm lo phát triển nội dung cho các phương tiện kỹ thuật truyền thông hiện đại, phát triển nhân vật trò chơi, hoạt hình và truyện tranh.

Một trong những thành công trong ngành công nghiệp văn hóa là lĩnh vực điện ảnh. Trước đây, nhằm bảo vệ nền điện ảnh dân tộc, Chính phủ Hàn Quốc đã quy định: Mỗi năm, 146 ngày, các rạp chiếu phim trên toàn quốc phải chiếu phim do Hàn Quốc sản xuất. Luật pháp Hàn Quốc quy định phim thương mại không được sản xuất dưới 3 triệu USD để bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng được thưởng thức các hàng hóa giải trí có chất lượng cao. Vì thế, giá thành tối thiểu của một phim Hàn Quốc là 9 triệu USD trong đó 3 triệu USD để sản xuất phim và 6 triệu USD dành cho quảng cáo. Mục tiêu sáng tác của điện ảnh Hàn Quốc là tạo ra những tác phẩm có thể chiếu cho khán giả trong nước và nước ngoài vì thế các nghệ sĩ đua nhau tìm tòi thể hiện để phim mình vừa hấp dẫn khán giả trong nước, vừa có thể xuất khẩu và chiến thắng trong các Liên hoan phim quốc tế.

2 - Những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Qua trường hợp mô hình QLVH của một số nước trên thế giới, bài học đối với việc xây dựng chính sách ở Việt Nam: Một là, Nhà nước luôn giữ vai trò chủ đạo trong việc xây dựng và phát triển văn hóa; hai là, cần phân biệt các chính sách ở các mức độ khác nhau phải được thực hiện khác nhau. Chính sách

của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần được xác định như chính sách của đơn vị quản lý trung mô, không quá bao quát như quản lý vĩ mô (Đảng hay Quốc hội) và không quá cụ thể như các chính sách của các đơn vị quản lý vi mô. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, hướng hoạt động văn hóa đi vào chiều sâu, tránh tình trạng phân tán không hiệu quả. Trong thời gian dài, hoạt động văn hóa ở Việt Nam chưa được quy hoạch phát triển theo định hướng. Thông thường các hoạt động chỉ dừng lại ở mức khai thác khả năng hiện có mà chưa quan tâm đào tạo, nghiên cứu, thực nghiệm các hoạt động mới, các loại hình mới mang tính văn hóa sâu hơn. Để đưa hoạt động văn hóa đi vào chiều sâu, chúng ta cần học tập kinh nghiệm của Trung Quốc về các chính sách giao trách nhiệm cho các cơ quan cấp dưới, khuyến khích thành lập các công ty, tập đoàn lớn, các cơ quan trọng điểm cho hoạt động văn hóa, trong đó có thị trường văn hóa. Chúng ta phải lựa chọn những lĩnh vực thế mạnh trong văn hóa, đầu tư nhiều để làm nổi rõ cái “quốc túy” trước làn sóng du nhập ồ ạt của văn hóa thế giới, nhất là sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cần có nhiều chính sách phát triển, chế tác hoặc sản xuất các sản phẩm văn hóa chất lượng cao mang tầm cỡ quốc gia để tạo chỗ đứng vững chắc, trước hết là tạo lòng tin trong cộng đồng.

Coi thị trường văn hóa là một trong những lĩnh vực quan trọng cần quan tâm trong phát triển kinh tế. Trung Quốc là một nước lớn, đã có truyền thống phát triển thị trường văn hóa khá mạnh nhưng vẫn bị tác động mạnh mẽ bởi dòng chảy của WTO, do vậy ngay từ bây giờ chúng ta phải quan tâm hơn nữa yếu tố khai thác kinh tế trong văn hóa. Gia nhập WTO, một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng đầu tiên là thị trường văn hóa do sản phẩm của thị trường này mang nét đặc thù riêng, dễ thâm nhập, dễ phân phối. Việt Nam cần kết hợp hoạt động văn hóa với du lịch, đưa các sản phẩm văn hóa vào danh mục các sản phẩm phục vụ kinh doanh du lịch. Đơn cử một kinh nghiệm của thành phố Thượng Hải (Trung Quốc), khi khách du lịch đến thành phố này, ngoài tham quan các công trình hiện đại, các khu du lịch hoặc đi mua sắm, du khách còn được bố trí thưởng thức các hoạt động văn hóa nghệ thuật đặc sắc mang đậm phong cách Trung Hoa như tạp kỹ, kịch, múa v.v.. Trong khi đó, ở Thành phố Hồ Chí Minh - một địa phương thu hút khách du lịch nước ngoài nhiều nhất nước, chúng ta vẫn chưa làm được. Ngay ở Hà Nội chúng ta cũng chỉ mới đưa

hoạt động múa rối vào chương trình du lịch mà chưa có sự kết hợp hài hòa giữa hai lĩnh vực văn hóa và du lịch. Nhìn chung, với lợi thế nền văn hóa truyền thống đặc sắc, nếu chúng ta biết khai thác tốt, văn hóa sẽ làm lợi cho kinh tế, một khi kinh tế phát triển tốt sẽ tạo điều kiện đầu tư cho kinh tế.

Thứ hai, tăng cường chính sách bảo hộ và chính sách xã hội hóa hoạt động văn hóa. Chính sách bảo hộ này nên hiểu theo ý nghĩa tích cực của nó, bao gồm các điều khoản ưu đãi đặc biệt dành cho lĩnh vực văn hóa. Bên cạnh việc lựa chọn các loại hình văn hóa, hoạt động văn hóa, sản phẩm văn hóa trọng điểm để tập trung đầu tư, chúng ta cần ban hành nhiều chế độ ưu tiên về thuế, giá cả như Trung Quốc đã làm. Bảo hộ không có nghĩa là độc quyền, bảo hộ chỉ tạo điều kiện để các đơn vị tham gia hoạt động trong lĩnh vực văn hóa đẩy mạnh giải quyết đầu ra, giúp đưa hoạt động văn hóa phục vụ lợi ích quốc gia một cách hiệu quả nhất.

Thứ ba, nâng cao công tác đào tạo nhân lực QLVH. Chính sách thi tuyển công chức QLVH ở Trung Quốc cho thấy quyết tâm nâng cao năng lực quản lý và hoạt động văn hóa của quốc gia này trong cuộc chiến chống lạc hậu về văn hóa sau khi gia nhập WTO. Có lẽ việc thực hiện một biện pháp như vậy sẽ không phù hợp với Việt Nam vì chúng ta có nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa đã được đào tạo ít ỏi. Thực tế Việt Nam chỉ có một trường Đại học Văn hóa ở Hà Nội, một vài trường cao đẳng văn hóa nghệ thuật tại các địa phương, một vài khoa văn hóa học tại các trường đại học với số tuyển sinh hằng năm không cao, rõ ràng không thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu nhân lực quản lý và hoạt động văn hóa tại các địa phương trong cả nước. Tuy vậy, một tín hiệu khả quan hiện nay cho lĩnh vực này là các trường đại học đã mạnh dạn tăng cường đào tạo sau đại học các chuyên ngành văn hóa học. Trong tương lai không xa, nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực văn hóa sẽ phong phú hơn, nhờ đó các hoạt động của lĩnh vực văn hóa sẽ khởi sắc hơn.

Thứ tư, xây dựng, hoàn thiện các văn bản, quy phạm pháp luật. Trên cơ sở nghiên cứu chính sách QLVH của Mỹ, chúng ta nhận thấy việc xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật tạo điều kiện để QLVH được đồng bộ và hiệu quả hơn. Một số biện pháp cần được thực hiện là:

- Bổ sung, điều chỉnh một số quy định của các luật đã ban hành để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra và phù hợp với những cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO.

+ Luật Di sản văn hóa: Bổ sung những quy định về quản lý di sản thiên nhiên; cơ chế tài chính cho công tác điều tra sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể và khai quật khảo cổ đối với các công trình xây dựng nơi có di sản văn hóa (xây dựng thủy điện, khu công nghiệp, nhà máy...); phân cấp quản lý di tích; phân cấp việc cấp phép khai quật khảo cổ...

+ Luật Du lịch: Bổ sung, điều chỉnh một số quy định cho phù hợp với Hiệp định Thương mại thế giới.

+ Luật Sở hữu trí tuệ: Quy định về việc xin phép và trả tiền cho tác giả khi sử dụng tác phẩm của họ.

- Xây dựng luật mới: Nước ta đã ban hành một số luật chuyên ngành về văn hóa (Luật Di sản văn hóa, Luật Điện ảnh, Luật Xuất bản...), nhưng chưa có Luật Văn hóa để điều chỉnh những vấn đề chung về văn hóa mà các luật chuyên ngành không thể thay thế được.

- Nâng một số pháp lệnh lên thành luật (Pháp lệnh Quảng cáo, Pháp lệnh Thư viện).

- Xây dựng mới một số pháp lệnh, như Pháp lệnh Nghệ thuật biểu diễn Pháp lệnh Mỹ thuật - Nhiếp ảnh.

- Xây dựng quy hoạch phát triển các ngành chưa có quy hoạch, như điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, thư viện, mỹ thuật - nhiếp ảnh, hệ thống thiết chế văn hóa - thông tin cơ sở, khu vui chơi giải trí cho trẻ em...

Thứ năm, tổ chức hệ thống quản lý và điều hành chính sách văn hóa. Từ trước tới nay, việc xây dựng và ban hành các chính sách văn hóa, chủ yếu là từ trung ương; vai trò của chính quyền địa phương chưa được chú ý, phát huy. Thông qua chính sách QLVH của Anh qua Hội đồng nghệ thuật, chúng ta nhận thấy cần nghiên cứu phân cấp cho các tỉnh, thành phố xây dựng, ban hành các chính sách văn hóa trong phạm vi được phân cấp. Cụ thể:

- Nghiên cứu việc thành lập các hội đồng chuyên ngành về văn hóa - nghệ thuật giúp Nhà nước về chính sách văn hóa. Hội đồng không phải là cơ quan nhà nước, mà là tổ chức tư vấn, gồm các nhà văn hóa, nghệ sĩ có uy tín, có phẩm

chất tốt, có trình độ chuyên môn cao, am hiểu về chính sách văn hóa. Hội đồng được giao nhiệm vụ tư vấn về chính sách văn hóa; đánh giá thẩm định các đề án, dự án về chính sách văn hóa đã được chuẩn bị và phối hợp với cơ quan chức năng của Nhà nước quyết định việc tài trợ kinh phí cho các dự án, cũng như giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các dự án.

- Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và cơ cấu tổ chức của các hội văn hóa nghệ thuật từ trung ương tới địa phương hoạt động theo phương thức xã hội hóa, phi hành chính hóa.

- Xây dựng cơ chế phản biện, phản hồi trong việc xây dựng và thực hiện chính sách văn hóa.

Thứ sáu, xây dựng chính sách để phát triển nền công nghiệp văn hóa tại Việt Nam. Sản phẩm văn hóa ngày nay cũng được xem như một loại hàng hóa, tất nhiên, là loại hàng hóa đặc biệt và cần có những chế tài riêng. Ngành nghệ thuật ở Anh có con số kinh doanh lên tới 17 tỉ USD (tương đương với ngành công nghiệp ô-tô của nước này), ở Nhật Bản doanh thu của ngành công nghiệp giải trí vượt qua giá trị sản xuất ô-tô, sản phẩm nghe nhìn của Mỹ chỉ đứng dưới sản phẩm xuất khẩu của ngành hàng không vũ trụ. Tuy nhiên, giống như bất kỳ một loại hàng hóa nào khác, các sản phẩm văn hóa cũng cần tồn tại trên thị trường, có người bán, người mua, và đối với hoàn cảnh Việt Nam, cần có người điều tiết thị trường ấy.

Đối với thị trường văn hóa, băng đĩa nhạc, phim ảnh, xuất bản phẩm thường được sự quan tâm của các thành phần kinh tế. Chính sách của nhiều nước là nhà nước ít quan tâm đầu tư cho các sản phẩm văn hóa này mà để cho các thành phần kinh tế tư nhân tham gia sản xuất và kinh doanh. Tuy nhiên gần đây, ngày càng có nhiều nước quan tâm đến các lĩnh vực đó, do lo ngại về quá trình toàn cầu hóa có ảnh hưởng tiêu cực đến sản phẩm văn hóa mang bản sắc dân tộc của nước mình. Trường hợp Hàn Quốc đã cho thấy, chính sách bảo hộ sản phẩm văn hóa trong nước thông qua hình thức quota nhập khẩu phim và định mức chiếu phim trong nước đến các rạp đã có những tác dụng tích cực. Như vậy, rõ ràng chính sách của nhà nước đối với lĩnh vực công nghiệp văn hóa, trong đó khuyến khích việc sản xuất những sản phẩm mang nội dung văn hóa dân tộc, định hướng xuất khẩu sản phẩm văn hóa để thúc đẩy sự hiểu biết quốc tế đối với dân tộc mình cũng là một ưu tiên trong việc hoạch định chính sách.

Sản phẩm văn hóa là một trong những "sức mạnh mềm" trong xu hướng phát triển của thời đại ngày nay. Vì vậy, chúng ta cần đưa công nghiệp văn hóa vào mục tiêu chiến lược của việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, coi đó là một bộ phận của "sức mạnh mềm" của nước ta, là một công cụ quảng bá văn hóa Việt Nam ra thị trường thế giới.

Phải nhận thức rằng, phát triển mạnh mẽ công nghiệp văn hóa là một đường hướng, đồng thời là biện pháp quan trọng đẩy mạnh việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, là một phương thức quan trọng thoả mãn nhu cầu văn hóa ngày càng cao của nhân dân, phát huy lợi thế cạnh tranh của văn hóa Việt Nam đối với quốc tế. Công nghiệp văn hóa của nước ta, về đặc điểm, tính chất phải thể hiện đậm nét bản sắc văn hóa Việt Nam và định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên thực tế, nước ta chưa có một nền công nghiệp văn hóa. Thị trường văn hóa phẩm hình thành trong những năm qua còn mang tính tự phát, manh mún, tự lo, thậm chí có thể nói là "mạnh ai nấy làm". Vì vậy, để hình thành một nền công nghiệp văn hóa mạnh, cần xây dựng thành một đề án mang tính toàn diện, đồng bộ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt, trong đó phải xác định được quan điểm, mục tiêu, bước đi, sản phẩm rõ ràng với cơ chế chính sách ưu đãi đặc biệt (nhất là trong giai đoạn đầu). Có như vậy chúng ta mới hy vọng có một nền công nghiệp văn hóa Việt Nam trong tương lai.

Thứ bảy, nghiên cứu thử nghiệm về việc thành lập và hoạt động của các quỹ văn hóa mang tính độc lập, phi chính phủ, phi lợi nhuận ở Việt Nam. Có thể nói, những cơ sở và điều kiện chủ quan và khách quan ở nước ta hiện nay đều đã chín muồi để xúc tiến thành lập các quỹ văn hóa. Xã hội hóa các hoạt động văn hóa là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp quy quan trọng để đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa. Đặc biệt, Nghị định số 177/1999/NĐ-CP ban hành ngày 22-12-1999 về Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện. Xã hội hóa các hoạt động văn hóa là xu hướng chung và phổ biến của thế giới ngày nay, dù cách gọi có khác nhau. Ở mọi quốc gia, nhà nước đều khuyến khích và tạo điều kiện để mọi người dân, khu vực doanh nghiệp tư nhân, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện tham gia đóng góp và xây dựng và phát triển đời sống văn hóa. Quỹ Văn hóa mang tính độc lập, phi chính phủ, phi lợi nhuận sẽ là những động lực thúc đẩy các hoạt động văn hóa ở Việt Nam phát triển./.